

## **Tác Giả và Tác Phẩm**

### **Vũ Hoàng Chương (I)**

#### **Tiểu sử**

Sinh ngày 5.5.1916 tại Nam Định.

#### **Tác phẩm**

Tập thơ: Thơ say (1940), Mây (1943), Thơ lừa (1948), Rừng phong (1954),  
Hoa đăng (1959), Tâm sự kẻ sang Tần (1961), Lửa từ bi (1963),  
Ta đợi em từ 30 năm (1970), Đòi vắng em rồi say với ai (1971).



## **Mục Lục**

Vũ Hoàng Chương (1915-1976) – Đặng Tiến – 2
Khai xuân thạch vản – Trần Từ Mai - 5
Một bài thơ dịch Hoàng Lạc Lâu – Nguyễn Huệ Chi - 13
Mấy tháng cuối cùng với Vũ Hoàng Chương – Mai Thảo – 17
<b>Sao lại thế được - 35</b>
Tài liệu văn học quý hiếm - Viên Linh - 38
Vũ Hoàng Chương – Võ Phiến - 40
Dấu hỏi vây quanh kiếp người - Thích Nhất Hạnh - 46
Ngôi bắc đầu của thi ca Việt Nam - Nguyễn Mạnh Trinh - 57

### **Phụ đính I :**

#### **Chùm thơ Vũ Hoàng Chương**

(tr 62)

*(Tìm bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)*

## Vũ Hoàng Chương (1915-1976) Đặng Tiên



*Để nhớ ngày giỗ nhà thơ Vũ hoàng Chương 6- 9- 2011*

Chính quán: xã Phù Ủng, huyện Đường Hào, phủ Thượng Hồng, tỉnh Hưng Yên

Sinh quán: thành phố Nam Định

Năm sinh: Ất Mão (1915), tháng Tư, ngày mùng Một, trên giấy khai sinh đã ghi 5.5.1916.

Gia đình khoa bảng giàu có. Bố tên Vũ Thiện Thuật, làm tri huyện, nho học uyên thâm, sành văn học, mất 1941; mẹ họ Hoàng, hay chữ và chơi đàn nguyệt, buôn gạo tại Bến Thóc, Nam Định, mất tại Sài Gòn, 1961,(?).

Học chữ Hán từ năm 5 tuổi, 12 tuổi bắt đầu học tiếng Pháp, trường tiểu học Nam định.

1931: Vào trường trung học Albert Sarraut, Hà Nội.

1937-1938: Tú tài Pháp, phần I Cổ ngữ, La-tinh Hy-lạp, phần II Toán.

1938: Học Luật tại Hà nội.

1939: Thôi học, làm việc Hỏa Xa, ngạch phó thanh tra, phụ trách đoạn đường Vinh - Na Sầm.

1940: Tự xuất bản THƠ SAY, nhà Cộng Lực ấn loát và phát hành. Nxb Nguyễn đình Vương tái bản 1971, Saigon.

1941: Thôi việc ở Hỏa Xa , học ban Toán Đại Cương tại đại học Khoa học vừa mới thành lập tại Hà Nội.

1942: Thôi học, xuống Hải Phòng dạy cho một tư thực. Trở về Hà Nội lập ban kịch Hà Nội cùng với Chu Ngọc và Nguyễn Bính. Diễn vở kịch thơ VÂN MUỘI tại Nhà Hát Lớn Hà Nội (12.12.1942).

Gặp gỡ Đinh Thục Oanh, chị ruột nhà thơ Đinh Hùng, thành hôn 1944.

1943: Xuất bản tập MÂY, nxb Đồi Nay, Hà nội (Nxb Văn Học, Hà Nội, tái bản 1991, 1995. Nxb Hội Nhà Văn, TPHCM 1992).

1944: Xuất bản tập kịch thơ, gồm 3 vở: VÂN MUỘI, TRƯỞNG CHI, HỒNG DIỆP; nxb Anh Hoa, Hà nội.

1945: Về Nam Định, diễn vở kịch thơ LÊN ĐƯỜNG của Hoàng Cầm.

1946: Tản cư về vùng duyên hải Nam Định (Khu Ba).

1948: Xuất bản tập THƠ LỬA cùng với Đoàn văn Cừ, tại Thái Nguyên; do cơ quan Kháng chiến Liên khu 3.

Sang tỉnh Thái Bình dạy học.

1950: Hồi cư về Hà nội.

1951: Cho diễn vở kịch thơ TÂM SỰ KẾ SANG TẦN; dạy học cho một tư thực, dạy Toán Lý Hoá, rồi dạy Việt văn và tiếp tục mãi công việc này cho đến 1975.

1952: Diễn kịch thơ THĂNG CUỘI.

1953: Đăng báo kịch thơ CÔ GÁI MA.

1954: RỪNG PHONG, nxb Phạm văn Tươi, Sài Gòn, trước hiệp định Genève. Di cư vào Nam, khoảng tháng 8 năm đó, và định cư tại Sài Gòn cho đến 1976.

1959: HOA ĐĂNG, nxb Văn Hữu Á Châu (tháng 7). Tập thơ này được giải thưởng Toàn Quốc về thơ. Tham dự hội nghị Thi Ca Quốc Tế, cứ 2 năm họp một lần tại tỉnh Knokke-Le Zoute, nước Bỉ (tháng 9).

1960: Tự tái bản 2 tập THƠ SAY và MÂY in chung vào 1 tập mang tên MÂY, xuất bản tập CẢM THÔNG (nhan đề Anh ngữ là COMMUNION); gồm 6 bài thơ mới sáng tác sau cuộc Âu du và 9 bài cũ lựa chọn lấy tính cách tiêu biểu; do Nguyễn Khang phiên dịch và xuất bản.

Tái bản VÂN MUỘI, TRƯƠNG CHI, HỒNG DIỆP, do nhà xuất bản Nguyễn đình Vượng.

1961: Kịch thơ TÂM SỰ KẾ SANG TẦN, nxb Lửa Thiêng.

Tập thơ TÂM TÌNH NGƯỜI ĐẸP (nhan đề Pháp ngữ là LES 28 ETOILES); gồm 42 bài thơ Nhị thập bát tú, bản dịch của nữ thi sĩ Bỉ Simone Kuhnen de La Coeuillerie; nxb Nguyễn Khang.

1962: Tự xuất bản tập TRỜI MỘT PHƯƠNG.

1963: Xuất bản tập THI TUYỂN (nhan đề Pháp ngữ là POEMES CHOISIS) kèm theo bản dịch của Simone Kuhnen de la Coeuillerie: do nhà xuất bản Nguyễn Khang (tháng 3).

Sáng tác bài thơ LỬA TỬ BI ca ngợi Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu, tháng 7. Xuất bản tập Lửa từ bi; do nhóm Thanh Tăng (tháng 12).

1964: Tham dự hội nghị Văn Bút Á Châu họp tại Bangkok.

1965: Tham dự hội nghị Văn Bút Quốc Tế họp tại tỉnh Bled, Nam Tư cũ.

1966: Xuất bản tập ÁNH TRĂNG ĐẠO, do nha Tuyên Úy Phật giáo (tháng 7); xuất bản tập DIE ACHTUNDZWANZIG STERNE, thơ dịch ra Đức ngữ, do nhà Hoffmann Und Campe, tỉnh Hamburg, Đức. Dịch giả là thi sĩ Áo Kosmas Ziegler (tháng 10).

1967: Tham dự hội nghị Văn Bút Quốc Tế họp tại Abidjan, thủ đô Côte d'Ivoire (Phi Châu) Xuất bản tập BÚT NỖ HOA ĐÀM, do nhà xuất bản Vạn Hạnh (tháng 12).

1968: Xuất bản NHỊ THẬP BÁT TÚ I, nxb Văn Uyển; Tập II, nxb Lửa Thiêng.  
CẢNH MAI TRẮNG MỘNG, nxb Văn Uyển.

1969-1973: Chủ tịch Trung Tâm Văn Bút Việt Nam.

1970: TA ĐỢI EM TỪ BA MƯƠI NĂM, nxb An Tiêm, Sài Gòn. Tái bản lại tại California, Mỹ.  
TÂN THI, nxb Nam Chi, Saigon. LOẠN TRUNG BÚT, tùy bút, văn diễn thuyết, nxb Khai Trí.

1971: NGÔI QUÁN, nxb Lửa Thiêng.

ĐỜI VẮNG EM RỒI SAY VỚI AI, nxb Lửa Thiêng (Phần I: Tuổi học trò, 17 bài thơ đầu tay 1936-1939).

1972: Giải thưởng Văn Chương toàn quốc

1974: CHÚNG TA MẤT HẾT CHỈ CÒN NHAU, nxb Rừng Trúc, Paris.

TA ĐÃ LÀM CHI ĐỜI TA, hồi ký, nxb Trương Vĩnh Ký, Saigon. Nxb Hội Nhà Văn tái bản, 1993.  
Vũ Hoàng Chương đã dịch nhiều thơ chữ Hán từ nhiều tác gia Việt Nam và Trung quốc, khoảng 100 bài. Có dịch thơ từ tiếng Pháp.

1975: Gia đình từ đường Phan đình Phùng dời về Phú Nhuận ở nhà bà Mộng Tuyết, rồi dời về Khánh Hội ở chung với bà Đình Hùng, em dâu.

1976: bị bắt ngày 13/4, giam tại khám Chí Hoà. Bệnh nặng đưa về nhà một thời gian ngắn thì mất, lúc 23 giờ ngày 6.9.1976, nhằm ngày 13 tháng 8 năm Bính Thìn.

Bà Vũ Hoàng Chương qua đời ngày 7.5.2005 tại TPHCM.

Phụ chú:

1) Tập thơ Tâm Tình người đẹp do thi sĩ Ý, LIONELLE FIUMI đề tựa.

Tập Thi Tuyển do thi sĩ Pháp ANDRE GUIMBRETTIERE, giáo sư trường Quốc gia sinh ngữ Đông phương (Paris) đề Tựa.

Tập DIE ACHTUNDZWANZIG STERNE do thi sĩ Đức RUDOLF HAGELSTANGE đề tựa.

Các tập thơ Lửa từ bi, Ánh Tạng Đạo và Bút Nở Hoa Đàm đã lần lượt được Thượng tọa Trí Quang, Tâm Giác, và Đức Nhuận đề tựa.

2) Các tập Rừng Phong, Hoa Đắng, Mây (lần tái bản) Vân Muội (cả lần in thứ 1 và lần in thứ 2), Tâm Tình người Đẹp đều do thi sĩ Đình Hùng vẽ bìa, nền hoặc phụ bản.

Tập Mây (lần in thứ nhất, 1943) họa sĩ Tô Ngọc Vân trình bày ; bản 1992: Nguyễn Trung vẽ bìa.

Tập Trời Một Phương do họa sĩ Hoàng Lập Ngôn vẽ bìa, (từ 1952).

Tập Bút Nở Hoa đàm do họa sĩ Nguyễn gia Trí vẽ bìa.

Ta đợi Em từ Ba Mươi Năm, do họa sĩ Duy Thanh, rồi họa sĩ Hồ Thành Đức vẽ bìa.

Đời vắng Em rồi say với ai, họa sĩ Văn Thanh vẽ bìa.

\*\*\*

Tài liệu tham khảo :

- Tạp chí Văn Học, Sài Gòn, số 97, 1969, có bài của Vũ Bằng, Bằng bá Lân.
- Tạp chí Văn, Sài Gòn, số 150, 3/1970, đặc biệt Vũ Hoàng Chương. Có tiểu sử khá đầy đủ, bài của Nguyễn Mạnh Côn quan trọng và nhiều bài khác.
- Lê Huy Oanh, Giai Phẩm Văn, Sài Gòn, 20/8/1974, bài VHC qua Thơ Say.
- Phan Xuân Sanh. Tạp chí Đại Học, số 9, 1959, Huế, Ảnh hưởng Phật giáo qua thi ca.
- Đoàn Thêm, Báo Văn Hóa Nguyệt san, Sài Gòn, 1964, bài Đọc lại thơ VHC.
- Bách Khoa, Sài Gòn, tạp chí, bài Nguyễn Ngu Ý phỏng vấn, Nguyễn văn Xuân điểm sách, không nhớ số (khoảng 1960).
- Tạ Tỵ, Mười gương mặt văn nghệ, nxb Kim Lai, 1970 Sài Gòn.
- Bằng Bá Lân : Kỷ niệm văn thi sĩ hiện đại, 1962, Sài Gòn.
- Mai Thảo, Chân dung 15 nhà văn nhà thơ, nxb Văn Khoa, 1985 California, Mấy tháng cuối cùng với VHC.
- Võ Phiến, Văn Học Miền Nam, Thơ, nxb Văn nghệ, 1999 California.
- Đỗ lai Thúy, Con Mắt thơ, Lao Động, 1992, Hà Nội, VHC Đào nguyên lạc lối, 25 trang.
- Chế lan Viên, Phê bình văn học, nxb Văn Học, trang 86-98, 1962, Hà Nội. Bài viết, 4-1860, nhắm vào cá nhân Vũ Hoàng Chương , bắt công và tai ác sẽ làm tiền đề cho bản án VHC về sau.
- Đặng Tiến, Từ điển văn học, tạp chí Thế Kỷ 21, 6/2005, California.

Đặng Tiến sưu tầm và cập nhật  
Orléans, ngày giỗ Vũ hoàng Chương 6- 9- 2011

## Khai xuân thạch vắn Trần Từ Mai



LTS. Nhà phê bình Đặng Tiến là người khám phá ra bài thơ Khai Xuân Thạch Vắn này của Vũ Hoàng Chương. Sau khi nhà thơ qua đời, mùa hè 1979, ông từ Pháp về Việt Nam, cùng với Trần Phong Giao đến thăm bà Vũ Hoàng Chương, được bà giao phó bức di ảnh của thi sĩ, chụp năm 24 tuổi, đã đóng khung lồng kính, để trên trang thờ.

Đặng Tiến đã mang về Pháp và giữ nguyên si như vậy, không dám động đến, cho đến khi mới đây nhận lời giúp báo Thế Kỷ 21 thu thập tài liệu về Vũ Hoàng Chương, ông mới đánh liều mở khung để lấy hình sao chụp cho tờ báo. Do đó, ông mới khám phá ra tờ giấy lốt màu hồng đào, phía sau tấm ảnh, là một mảnh bìa của tờ báo Nhà Văn, Sài Gòn, số Xuân Ất Mão 1975. Trên mảnh giấy này có một bài thơ chữ Hán do

chính Vũ Hoàng Chương viết, bài Khai Xuân Thạch Vắn.



Mặt bên kia của tờ giấy viết bài thơ có lời mở đầu “sang năm thứ hai ...” của báo Nhà Văn, in ở giữa trang, hai bên có hai cột hình ảnh chân dung một số văn nghệ sĩ Miền Nam thời đó. Theo thứ tự từ trên xuống, bên trái: Nguyễn Thanh Trịnh, Hoàng Trúc Ly, Ngụy Ngữ, Nguyễn Tạo Lâm, Nguyễn Mai. Bên phải: Nguyễn Trung, Nguyễn Quốc Thái, Du Tử Lê, Từ Kiến Tường, Đặng Hải Sơn, Trần Dạ Từ.

Tòa soạn Thế Kỷ 21 đã nhờ nhà biên khảo Từ Mai đọc và

giảng giải bài thơ này, trong khi nhà phê bình Đặng Tiến gửi bài thơ về Hà Nội để nhờ giáo sư Nguyễn Huệ Chi làm công việc tương tự.

Sau đây chúng tôi rất hân hạnh được đăng cả phần giải thích của giáo sư Từ Mai, lẫn phần dịch thơ và chú thích của giáo sư Nguyễn Huệ Chi.

Riêng Đặng Tiến cũng đóng góp một bài dịch thơ. Vì bất ngờ, nên công việc này tòa soạn phải làm gấp rút và rất cảm ơn hai anh Từ Mai và Huệ Chi đã hợp tác nhanh chóng. Kết quả, tình cờ và may mắn thôi, gọi là hồng phúc cũng được, đây là một giai thoại tuyệt đẹp, một lãng hoa xuân kết bằng những đóa hoa tinh thần gửi đến từ những phương trời khác nhau, theo ngọn gió giao thừa, có lẽ do một anh hồn nào đó từ xa xăm phù trợ.

### Phần chú giải của nhà biên khảo Từ Mai

Phiên âm và chép lại bài thơ theo lối chữ chân phương:

#### 開春石問

#### KHAI XUÂN THẠCH VẤN

祥雲滿坐月杯明  
嬉祝春開夜半瓊  
東柳西桃雙盡美  
秦桑燕草一回青  
儘教故國依金粉  
自寫狂言出石屏  
頽卧與沙場醉卧  
古來誰也占高名

Tường vân mãn tọa, nguyệt bôi minh  
Hi chúc xuân khai dạ bán quỳnh  
Đông liễu tây đào song tận mỹ  
Tần tang Yên thảo nhất hồi thanh  
Tấn giao cố quốc hoài kim phấn  
Tự tả cuồng ngôn xuất thạch bình  
Đồi ngọa dữ sa trường túy ngọa  
Cổ lai thùy dã chiêm cao danh?  
*Vũ Hoàng Chương*

### Ít hàng của người chú giải:

Theo nhà phê bình văn học Đặng Tiến, bài thơ thủ bút của thi sĩ Vũ Hoàng Chương được in trên một trang giấy hồng điều, mặt sau mang một vài chi tiết cho biết thuộc số Xuân Ất Mão 1975 của báo Nhà Văn tại Sài Gòn. Theo nhà thơ Trần Dạ Từ, nhà văn là một nguyệt báo về văn do ông và cố thi sĩ Nguyễn Sa cùng chủ trương, số đặc biệt Xuân Ất Mão 1975 có in một trang phụ bản để giới thiệu một bài thơ thủ bút của thi sĩ Vũ Hoàng Chương. Ta có thể yên tâm nói rằng bài thơ chúng ta đang đọc chính là bài nhà thơ Trần Dạ Từ đề cập tới, và đã xuất hiện tại Sài Gòn nhân dịp Xuân Ất Mão, gần 1/3 thế kỷ trước đây.

Do một thói quen từ nhiều năm, mỗi khi gửi thơ với thủ bút chữ Hán để in trong các báo Xuân, thi sĩ Vũ Hoàng Chương thường gửi kèm theo các phần phiên âm, chú giải, có khi cả bản dịch bài thơ, để làm rõ nghĩa bài thơ thủ bút. Nếu chúng ta có thể tìm lại toàn thể tập báo Nhà Văn Xuân Ất Mão (Sài Gòn, tháng 2-1975), việc tìm âm và nghĩa bài thơ này không khó khăn. Nhưng sau cuộc “đổi đời” năm 1975, việc thấy lại tập báo này tại Sài Gòn hiện nay không khác tìm kim đáy biển. Thi sĩ Vũ Hoàng Chương, vị hiền nội của ông, và thi sĩ Nguyễn Sa đều đã qua đời. 30 năm chứa một cuộc bể dâu, nhà thơ Trần Dạ Từ cùng gia đình thi sĩ Nguyễn Sa không ai còn giữ được tập báo ấy.

Trong một hoàn cảnh gần như vô phương, chúng tôi mạo muội nhận trách nhiệm được ông Chủ bút tạp chí Thế Kỷ 21 trao cho là: phiên âm bài thơ ra quốc ngữ, đánh lại chữ Hán theo lối chân phương để mọi người có thể đọc dễ hơn, cùng giải thích một vài chỗ khó hiểu. Tuy có theo học tại Đại học Văn khoa Sài Gòn trong ít năm từ 1959 tới 1963, chúng tôi chỉ mới có hoàn



cảnh đọc chữ Hán trong sách in cùng những tài liệu giảng huấn viết theo lối chân phương, chứ chưa có cơ hội học chữ thảo bao giờ. Những chữ Hán viết thảo của thi sĩ Vũ Hoàng Chương lại thuộc loại khó đọc. Để cố gắng thực hiện nhiệm vụ được trao, chúng tôi đã:

- “một mặt kêu gọi sự tiếp tay của một số thân hữu có căn bản Hán học như các giáo sư Lê Văn Đặng, Lưu Trung Khảo, Nguyễn Ngọc Kỳ, Tiến sĩ Nguyễn Duy Chính ... Giáo sư Đặng và Tiến sĩ Chính có hoàn cảnh vui với thảo thư trong mấy năm gần đây. Hai giáo sư Khảo và Kỳ từng có cơ hội đọc qua nhiều trang thủ bút khác của thi sĩ Vũ Hoàng Chương;

- “một mặt tìm đọc lại các thi phẩm có kèm theo thủ bút của cổ thi sĩ, hi vọng có thể gặp một vài chữ trùng hợp, hầu xác định những chỗ nghi ngờ.

Phần phiên âm và tạo chữ phía trên là kết quả những thảo luận giữa chúng tôi. Vì thảo thư là một nghệ thuật hơn là một khoa học, các nhà viết chữ thảo không bó buộc phải theo một thể cách duy nhất, nên dù đã hết sức cố gắng, chúng tôi vẫn không dám đoan chắc là đã phiên âm được đúng tất cả những chữ nhà thơ Vũ Hoàng Chương muốn dung. Chúng tôi trình bày phần phiên âm phía trên một cách dè dặt, mong được nghe cao kiến của các bậc thức giả.

Người viết những dòng này không có cơ duyên ở gần thi sĩ Vũ Hoàng Chương giai đoạn ông sáng tác bài thơ này (Sài gòn, cuối 1974?, đầu 1975?). Lần đầu đọc bài thơ sau hơn 30 năm bị khuất trong bong tối, tuy hết sức cố gắng để có thể trình bày lại một cách trung thực ý nghĩ ông theo như chỗ chúng tôi được biết, rất có thể có những chỗ sai lầm. Kính mong các bậc uyên bác, các vị yêu thơ Vũ Hoàng Chương cùng yêu quý thơ văn Việt Nam, không ngần ngại chỉ cho những chỗ sai ấy.

### **Thử phân tích bài thơ**

Xét một cách khách quan, ba câu đầu của bài thơ không có gì đặc sắc:

*Mây lành đầy khắp chỗ ngồi, ly rượu dưới trăng sáng lóng lánh*

*Vui đùa chúc Xuân sang, đêm đẹp gần như ngọc*

*Liều bên đông, đào bên tây, cả hai cây đều tuyệt đẹp.*

Đây là những câu “lề lối”, cần có trong một bài thơ chúc Xuân để đăng trên báo Xuân, mô tả cảnh ngày Tết trong một gia đình trung lưu hay trên mức trung lưu ở miền Nam Việt Nam thuở ấy. Thi sĩ Vũ Hoàng Chương đưa ra cảnh một đêm xuân. “Mây lành” quanh chỗ ngồi có thể chỉ khói hương trầm. “Đông đào, tây liễu” có thể không dụng ý tả thực. Là những từ quen thuộc lấy từ ca dao:

*Em ngồi cạnh trúc, em tựa cạnh mai*

*Đông đào, tây liễu biết ai bạn cùng?*

Bốn tiếng này đề cập tới cây cảnh chưng bày nhân ngày Tết một cách tượng trưng, có thể là đào, mai ..., khóm cúc hay chậu quất. Nói chung cả ba câu thuộc loại “thơ Xuân” được các báo đặt trước để in trong số Xuân, kèm với thủ bút chữ Hán của Vũ Hoàng Chương mà chính ông cũng thường gọi một cách đùa bỡn là “vẽ bùa” (viết kiểu chữ loằng ngoằng ít ai đọc nổi như trong những đạo bùa để “trừ tà”, “trấn quỷ” của các pháp sư). Trong một bài thơ viết cho một người bạn ở xa để nói về cuộc sống hiện tại của mình, ông đã có những câu:

*Báo chương mấy độ vẽ bùa*

*Chất chiu cũng đủ tiền mua trắng rằm.*

Ý tưởng đích thực của ông chỉ được đưa ra từ câu thứ 4:

*Dâu đất Tản, cỏ đất Yên cùng xanh.*

Tuy thoạt nghe như một câu thơ sáo chỉ để đối với câu thứ 3, Vũ Hoàng Chương muốn nhắc tới bài “Xuân tứ” của Lý Bạch:

Yên thảo như bích ti  
Tần tang đề lục chi  
Đương quân hoài quy nhật  
Thị thiếp đoạn trường thì ...  
(Cổ xứ Yên như tư biếc  
Đâu đất Tần hạ thấp nhánh xanh  
Lúc chàng mong trở về  
Chính là lúc em đang đứt ruột ...)

Tiếp sau ba câu tả cảnh Xuân đẹp tươi, Vũ Hoàng Chương nhắc ngay tới cuộc chiến tranh đang xảy ra. Tuy người Mỹ đã rút khỏi Việt Nam từ 1973, quân đội miền Bắc vẫn đóng ở miền Nam và đang chuẩn bị tấn công. Trong cảnh Xuân tươi vẫn nhiều nỗi chia ly. Ông dùng “*dâu Tần, cỏ Yên*” để nói một cách kín đáo: giữa lúc Xuân tới, bao thiếu phụ, thiếu nữ đang nỡ nề “đứt ruột,” bao thanh niên, trai tráng đang sa trường dầu dãi, không được về với gia đình. Câu 5 chuyển sang trình bày tình cảm:

*Dù vẫn nặng lòng nhớ thương hương phấn nước cũ.*

“Tấn giao” có nghĩa là mặc dầu. “Kim phần” nghĩa đen là phần của nhụy hoa, nghĩa rộng chỉ trang sức của phụ nữ, nghĩa bóng chỉ nữ giới hay những nét đẹp mong manh. Tuy có mang tình cảm thiết tha ấy, tác giả vẫn:

*Tự viết lời nói cuồng [để có thể] ra khỏi tấm bình phong bằng đá.*

“Tả” có nghĩa là viết. Tháp Bút tại đền Ngọc Sơn ở Hà Nội đắp hình một chiếc bút chỉ lên trời, phía dưới khắc ba chữ “Tả thanh thiên” (viết lên trời xanh). Theo nghĩa đen, “thạch bình” là tấm bình phong bằng đá, nhưng cũng có nghĩa là núi đá, vách đá ... dựng đứng như bình phong. Tác giả cho biết ông có một u uất, muốn viết ra, để “lời nói cuồng” của mình có thể vượt xuyên qua một vách đá dựng đứng.

“Lời nói cuồng” ấy là một câu hỏi, được ghi lại trong hai câu 7 và 8:

*Giữa người say nằm một cách suy nhược (ở nhà) và người say nằm ở sa trường  
Xưa nay ai cao danh hơn ai?*

Khi dùng hai tiếng “đòi ngộ” (say nghiêng ngã, nằm một cách suy nhược), Vũ Hoàng Chương muốn nhắc tới Lý Bạch trong bài “*Xuân nhật túy khởi ngôn chí*”:

Sở dĩ chung nhật túy  
Đòi nhiên ngộ tiền doanh  
(Cho nên [ta] say suốt ngày  
Nằm bừa ở hàng cột trước nhà)

Trong bốn tiếng “sa trường túy ngộ” (say nằm ở bãi cát), ông muốn nhắc tới hai câu chót trong bài “*Lương châu từ*” của Vương Hàn:

Túy ngộ sa trường quân mạc tiểu



Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi?  
(Say nằm trên bãi cát, xin anh chớ cười  
Xưa nay đi chiến trận nơi xa, mấy ai trở về)

Vũ Hoàng Chương đã đưa ra quan điểm của ông: tuy Vương Hàn là một nhà thơ có tài và bài “Lương châu từ” với câu “Cổ lai chinh chiến ...” là một trong những bài thơ được truyền tụng nhiều nhất, chính Lý Bạch, với các biệt hiệu “thi tiên” hay “trích tiên,” vẫn nổi danh hơn (Lý được coi là một trong ba nhà thơ quan trọng hơn cả ở đời Đường: Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị. Sau đó còn Mạnh Hạo Nhiên, Vương Duy, Vương Xương Linh ... và nhiều người nữa rồi mới tới Vương Hàn). Ông muốn nói một cách gián tiếp: say nghiêng ngả ở nhà (như Lý Bạch) đúng hơn say nơi sa trường như trong thơ Vương Hàn. Nói cách khác, “ông thà say sưa như Lý Bạch” chứ không chấp nhận chiến trường giữa anh em ruột thịt ngay trên quê hương.

Sau khi đọc xong cả tám câu thơ, chúng ta có thể yên tâm hơn để về với nhan đề. Ba chữ đầu tương đối rõ: Khai xuân thạch ... Chữ thứ tư rất khó đọc vì ông viết theo lối thảo. Nhận thấy cũng thuộc bộ “môn” với chữ “khai” ở trên và có chữ “khẩu” bên trong, giáo sư Đặng suy ra chữ “vấn” và chúng tôi đồng ý. Nhan đề bài thơ nhiều phần là “Khai xuân thạch vấn” (Xuân sang đá hỏi). Đây là câu hỏi “Ai cao danh hơn” nhắc tới trong hai câu 7-8. “Thạch vấn” còn có nghĩa là câu hỏi không thành tiếng, hỏi nhưng không thể thốt nên lời (tương tự “thạch nữ,” người con gái không thể sinh đẻ, hay “thạch điền,” ruộng không thể cày cấy). Tóm lại, đầu năm 1975, Vũ Hoàng Chương đã mượn một bài thơ đăng báo Xuân để đề cập tới cuộc chiến giữa người Việt trên quê hương, thảm họa đã khiến, và đang khiến, nhiều thanh niên Việt Nam đi không ngày trở lại. Tuy phải làm thơ cho báo Xuân, ông có một câu hỏi cay đắng không thể thốt nên lời.

### Nhận xét

Đây không phải lần đầu Vũ Hoàng Chương bày tỏ niềm đau xót trước cuộc chiến giữa hai miền Nam Bắc. Ít lâu sau biến cố Mậu Thân 1968, trong một bài lục bát nhan đề “Chơi xuân,” ông đã viết như sau:

*Bao nhiêu chàng trai ra đi  
Bấy nhiêu cô gái đến thì hỏi xuân  
Hết quan, tàn mấy miền dân  
Cớ sao còn chửa kéo quân vợ về?*

Trong trò chơi “ô quan” của trẻ con miền Bắc thời trước, hai ô lớn hình bán nguyệt ở hai đầu bàn ô được gọi là hai “nhà quan”. Trong khi chơi, nếu cả hai ô ấy đều không còn viên sỏi nào, sẽ gọi là “hết quan.” Khi đã “hết quan,” đối thủ ở hai phía bàn ô được quyền kéo hết các viên sỏi trong các ô gần phía mình về, ai thu được nhiều sỏi hơn là thắng: “*Hết quan, tàn dân, thu quân kéo về.*” Ông mượn luật chơi ô quan của trẻ con thời trước để hỏi cả hai phía tham chiến: “*Nay đã hết quan, tàn hại bao nhiêu miền dân, mà sao vẫn chửa chịu ‘thu quân kéo về’?*” Ông phác họa cảnh một cô gái thơ ngây, “*tóc mới buông thê,*” ngồi một mình chơi ô quan. Vì không người cùng chơi, cô phải kiêm cả hai phía, tự mình đấu với mình một cách hăng say:

*Trò chơi sỏi đá tung bưng  
Đàn năm ngón ngọc qua từng cửa ô.*

Vì kiêm cả hai phía nên cô vừa thắng vừa bại. Phía “hình” thua, phía “bóng” được. Trên danh nghĩa, tuy có một phía “được” nhưng cô cũng mệt mỏi. Ông không nói cô gái ham chơi, hiểu thắng ấy là ai, nhưng cho biết trò chơi này có hai thủ đô là “Rồng” và “Nghé”:

*Nghé kêu, Ròng quấy hai đò  
Sỏi khan rồi, đá cũng khô tâm tình  
Được thua mình chỉ với mình  
Hình thua, bóng được, cô mình buồn, vui?*

Bài thơ khai bút năm Nhâm Tý 1972 được ông viết như sau:

*Trường chinh mộng hậu tức phong yên  
Thiên lý long câu, vạn lý thuyền  
Hốt ngộ tiền thân: nhất yển thử  
Âm hà mãn phúc, túy xuân thiên.*

*(Sau giấc mộng trường chinh, khói lửa đã tắt  
Một con “thiên lý long câu” (ngựa hay, mỗi ngày vượt ngàn dặm), một chiếc “vạn lý thuyền”  
(thuyền tốt, có thể vượt vạn dặm)  
Chợt nhận ra tiền thân: một con chuột  
Uống nước sông thỏa thích, say với trời xuân).*

Dù “thiên lý long câu” hay “vạn lý thuyền” thì cũng chỉ là công cụ cho người sử dụng. Ham danh tiếng hão (chẳng hạn “đạo quân tiên phong của thế giới vô sản,” “tiền đồn của thế giới tự do” ...) chỉ khiến người ta trở nên dại dột, tự nguyện làm phương tiện cho kẻ khác cưỡi lên để lao vào một cuộc chiến nhằm phục vụ quyền lợi của người khác. Hậu quả là gieo tai rắc họa khắp nơi và thân thể đầy thương tích. Trong năm Nhâm Tý (năm chuột), ông mong ước khi khói lửa đã tắt, “long câu” và “vạn lý thuyền” sẽ cùng nhận ra tiền thân của mình và cùng nhìn thấy con chuột nhỏ (chắc ông muốn nói tới chuột đồng) trong hạnh phúc đơn giản, uống nước sông thỏa thích, vui say với trời xuân. Bản tiếng Việt của ông như sau:

*Giấc mộng trường chinh lửa ngút mây  
Tinh ra, ngựa đày với thuyền đày  
Nhìn nhau: Chuột nhỏ tung tăng dạo  
Vừa uống sông xuân một bụng đầy.*

Tóm lại, sinh làm dân Việt những năm 1945-1975, chứng kiến bao thảm cảnh của cuộc huynh đệ tương tàn, thi hứng của Vũ Hoàng Chương không khác thi hứng của Giản Chi trong những câu sau đây:

*Giật mình đợt súng xa đưa  
Niềm quê hương chẳng gió mưa cũng buồn.*

Mỗi dịp Xuân đến, nỗi buồn của ông không khác nỗi buồn của Đông Hồ qua những câu:

*Giao thừa đâu nữa trâm phun xạ?  
Nguyên đán về đây gió vẫn tanh!*

Không tiện đưa những ý đau buồn ấy ra một cách quá rõ trong một bài thơ được yêu cầu viết để đăng báo Xuân (cần tránh nhắc tới chuyện buồn), ông phải mượn Lý Bạch, Vương Hàn ... và nói một cách xa xôi. Đọc lại ông 30 năm sau, chúng ta có quyền – và có bổn phận – nói ra cho ông tâm trạng cùng những dụng công ấy.

Năm 1965, để tưởng niệm 200 năm ngày sinh của Nguyễn Du, ông viết những câu sau đây:  
*Tiếng thơ từ buổi lên đường*

*Gươm đàn chấp cánh, đoạn trường ra khơi  
Mang mang rón biển, chân trời  
Quặn đau ruột đất, rã rời vòng sao.*

Theo ông, từ lúc Nguyễn Du trưởng thành ("*gươm đàn chấp cánh*") là lúc dân tộc bước vào một thời kỳ ly loạn và đau khổ triền miên: họ Nguyễn, họ Trịnh, nhà Lê ... theo nhau sụp đổ. Rồi cuộc tranh chấp kéo dài giữa Nguyễn và Tây Sơn với bao nhiêu tàn sát. Nguyễn vừa thống nhất đất nước là tới cuộc xâm lăng của người Pháp, rồi 80 năm đô hộ. Ngoại thuộc vừa chấm dứt thì người Việt lại tranh giành, chém giết lẫn nhau.  
Đúng là:

*Mở hai thế kỷ nghe vào  
Xương khô lối nhíp, máu đào còn cặm.*

Qua mấy tiếng "*máu đào còn cặm,*" ông muốn đề cập tới tinh thần hiếu sát ghê gớm trong những câu sau đây:

*Giết, giết nữa, bàn tay không phút nghỉ*

Hoặc:

*Mắt sáng quắc, tay xanh lòe mã tấu,  
Vụt ào lên, quyết phanh thây, uống máu,  
Giặc cường quyền,  
Ôi khoái trá vô biên ....*

Theo ông, nét đẹp trong thơ Nguyễn Du là kết tinh những đau khổ Nguyễn Du đã trải qua hay phải chứng kiến:

*Nơi đâu trường dạ tối tăm  
Để nơi đâu có trăng rằm đầy trang.*

Ông ngậm ngùi thương xót thi hào họ Nguyễn:

*Hồng bay, để dấu bất bình  
Tuyết non cao thoát hiển linh ý thần  
Nổi đau ném chữ, gieo vần ...*

Sau khi đọc xong bài "Khai xuân thạch vắn" ông đưa ra đầu năm 1975 với "câu hỏi không thể thốt nên lời" của ông, chúng tôi thành thật nghĩ: một số câu ông viết để truy niệm Nguyễn Du cũng đồng thời là những câu chúng ta nên đọc để tưởng niệm ông. Chẳng hạn hai câu: "Hồng bay, để dấu bất bình" và "Nổi đau ném chữ, gieo vần."

### **Bài dịch của Đặng Tiến:**

TRẦM CA KHAI BÚT ĐÊM XUÂN

*Mây quán ngôi thơ, rượu rục ngời,  
Đêm quỳnh chén ngọc chúc xuân tươi.  
Đông tây đào liễu hơ hơ hớ,  
Dâu cỏ Yên Tàn phới phới phới.*

Tiếc nhụy – hoa nghiêng đài nhớ nước,  
Cuồng ngâm – thơ dựng vách in trời.  
Thơ Say khướt hỏi người Chinh Chiến:  
Túy ngọc sa trường, ai nhường ai?

7.01.2007

### **Phần dịch và chú thích của Gs. Nguyễn Huệ Chi**

#### **KHAI XUÂN THẠCH KHÚC (1)**

Tường vân mẫn tọa tọa bôi minh,  
Hy chúc xuân khai dạ bán quỳnh.  
Đông liễu Tây đào song tận mỹ,  
Tấn giao (2) cố quốc hoài kim phần (3),  
Tự hữu cuồng ngôn xuất thạch bình (4).  
Đôi ngọc (5) dữ sa trường túy ngọc,  
Cổ lai thùy dã chiếm cao danh?

Dịch nghĩa:

#### **KHÚC TRẦM TẤU KHAI BÚT ĐÊM XUÂN**

Mây lành đầy khắp chỗ ngồi, chén rượu sáng lóng lánh,  
Đùa chúc cho phút giao thừa xuân sang, nhiều điều tốt đẹp.  
Liễu phía Đông và đào phía Tây cả hai đều đẹp tuyệt.  
Dâu nước Tần và cỏ nước Yên cùng một sắc xanh.  
Dầu cho vẫn nặng lòng nhớ thương hương phần cũ,  
Song đã có một lời ngông vọng lên giữa núi dựng như thành.  
Giữa kẻ say nằm nghiêng ngã và người say lẫn nơi sa trường,  
Xưa nay ai lưu danh hơn ai?

#### **Hai bản dịch thơ của Nguyễn Huệ Chi:**

Bản dịch thứ nhất:

Chỗ ngồi mây bọc, chén long lanh,  
Đùa khấn xuân sang: đêm tốt lành.  
Đào, liễu Đông Tây đều tuyệt sắc,  
Cỏ, dâu Tần Sở thủy tươi xanh.  
Phần hương nước cũ chưa khuây nhớ,  
Vách dựng lời ngông đã trở thành.  
Say khướt vẫn nhân, say tráng sĩ,  
Xưa nay ai dễ chiếm cao danh?

Bản dịch thứ hai:

Mây lành vờn khắp chỗ ngồi,  
Giao thừa rượu sánh, bồn vời chúa xuân.  
Liễu, đào đáng đẹp bội phần,  
Cỏ, dâu mơn mớn mấy lần xanh tươi.

Phấn hương nước cũ chưa nguội,  
Vách cao trót đã buông lời nói ngông.  
Sa trường ngất ngưỡng mấy ông,  
Cùng ta say xỉn, ai hòng hơn ai?

Trần Từ Mai

(Thế Kỷ 21, số 213 & 214, Jan & Feb 2007)

Chú Thích:

(1) Chữ này trong bản viết rất khó đọc; bạn Phạm văn Ánh đoán là chữ khúc (.). Chữ thạch (.) có nghĩa là âm thanh không vang. Chu lễ (... ) hậu thanh thạch. Trịnh Huyền (..) chú: (... ) Chung đại hậu, tắc như thạch, khẩu chi vô thanh. Nghĩa là: chuông lớn mà dày thì như đá, gõ vào không có tiếng. Chúng tôi tạm dịch là Khúc trầm tấu.

(2) Tẩn giao: mặc dầu, mặc cho. Mai Khắc Trang (...) đời Tống trong Hậu thôn tập (...) quyển 6, bài Sạ quy (...) thứ 9 có câu: (...) Tẩn giao nhân biếm bác / Hoán tác Lĩnh Nam thi; nghĩa là: Mặc cho người chê bai khích bác / Gọi là thơ Lĩnh Nam.

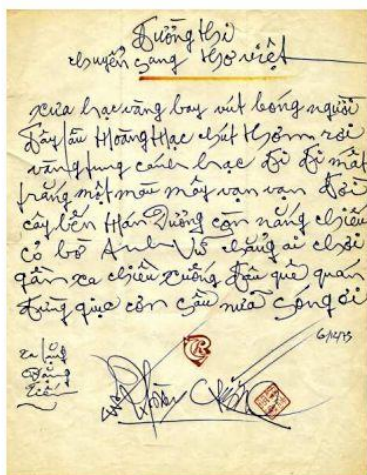
(3) Kim phấn: 1. Phấn nhụy hoa; 2. Chỉ những trang sức của phụ nữ; thơ xưa nói về chuyện phụ nữ thường dùng ẩn dụ này, ví dụ trong Tây sương ký (...) có câu: (...) Hương tiêu liễu Lục triều kim phấn / Thanh giám liễu Tam Sở tinh thần; nghĩa là: Mùi hương tiêu tan rồi phấn hương người con gái Lục triều / Sự trong trẻo giảm rồi tinh thần Tam Sở.

(4) Thạch bình: Núi đá dựng đứng như bình phong. Cao Thích (..) trong Cao thường thi tập (...) quyển 2 bài (...) Yến vi tư hộ sơn đình viện có câu: (...), Đài kinh thí khuy tiến / Thạch bình khá phan ý. Nghĩa là: Lối rêu thử nhòm theo mà đặt chân / vách dựng đứng có thể vin vào mà dựa.

(5) Đồi ngọa: theo Hán Việt từ điển của Đào Duy Anh là đồi nhiên túy ngọa (...): say quá nằm liều, cũng chỉ kẻ văn nhân thất chí.

(Phần chữ Hán trong dấu ngoặc và chấm (...) đã bỏ so với phần chú thích ở báo Thế Kỷ 21)

## Một bài thơ dịch Hoàng Hạc Lâu của Vũ Hoàng Chương Nguyễn Huệ Chi



Bài thơ lừng danh Hoàng Hạc Lâu của nhà thơ Trung Quốc đời Đường Thôi Hiệu thì ai cũng biết:

Tích nhân dĩ thừa Hoàng Hạc khứ,  
Thử địa không dư Hoàng Hạc lâu  
Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản,  
Bạch vân thiên tải không du du.  
Tinh xuyên lịch lịch Hán Dương thụ,  
Phương thảo thê thê Anh Vũ châu.  
Nhật mộ hương quan hà xứ thị?  
Yên ba giang thượng sử nhân sầu.

Bản dịch nổi tiếng của Tản Đà có lẽ được người Việt biết nhiều hơn:

*Hạc vàng ai cưới đi đâu ?  
Mà đây Hoàng Hạc trên lầu còn trơ,  
Hạc vàng đi mất từ xưa,  
Nghìn năm mây trắng bây giờ còn bay.  
Hán Dương sông lạnh cây gầy,  
Bãi xa Anh Vũ xanh dầy cỏ non.  
Quê hương khuất bóng hoàng hôn,  
Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai.*

Trước Tản Đà, hình như Tùng Vân Nguyễn Đôn Phục mới là người dịch đầu tiên bài thơ này trên Nam phong tạp chí năm 1923, nhưng có lẽ cái cách hạ một chữ trắc ngang ngược của ông ngay cuối câu đầu vẫn không sao địch nổi giọng tài hoa của "Tuý Ông" Nguyễn Khắc Hiếu, nên dần dà người ta quên mất bản dịch đi đầu :

*Người tiên xưa cưới Hạc vàng cút,  
Ở đây chỉ những lầu hạc trơ,  
Hạc vàng đã cút chẳng về nữa,  
Mây trắng ngàn năm còn phát phơ.  
Sông渤 Hán Dương cây xát xát,  
Cỏ tiên Anh Vũ bãi xa xa.  
Ngày chiều làng cũ đâu chẳng tá?  
Mây nước trên sông khách thần thờ !(1)*

Sau tiếng vang của bài thơ Tản Đà, tưởng ai cũng phải nhường bước, ngò đâu lại như một kích thích cho nhiều thế hệ kế tục đua tài với ông. Họ không nghe theo Lý Bạch nhắc nhở : "*Nhãn tiền hữu cảnh đạo bất đắc / Thời Hiệu đề thi tại thượng đầu*", dẫu người nào cũng đã một lần đến chiêm ngưỡng và tấm tắc trước lầu đài thơ của sông Đà núi Tản, kẻ trước người sau vẫn cứ muốn thử thách bút lực của mình.

Có Ngô Tất Tố:

*Người xưa cưới hạc đã cao bay,  
Lầu hạc còn suông với chốn này,  
Một vắng hạc vàng xa lánh hẳn  
Nghìn năm mây trắng ngẩn ngơ bay.  
Vàng gieo bến Hán, ngàn cây hững,  
Xanh ngắt châu Anh, lớp cỏ dày.  
Trời tối quê hương đâu tá nhĩ?  
Đây sông khói sóng gợi niềm tây.*

Trần Trọng Kim:

*Người đi cưới hạc từ xưa  
Đất này Hoàng Hạc còn lưa một lầu,  
Hạc vàng đi mất đã lâu  
Ngàn năm mây trắng một màu mênh mông.*



*Hán Dương cây bóng lòng sông,  
Bãi kia Anh Vũ cỏ trông xanh rì.  
Chiều hôm lai láng lòng quê,  
Khói bay sóng vỗ ử ê nổi sầu.*

Trần Trọng San:

*Người xưa cưới hạc bay đi mất,  
Riêng lầu Hoàng Hạc vẫn còn đây,  
Hạc đã một đi không trở lại,  
Man mác muôn đời mây trắng bay.  
Hán Dương sông tạnh, cây in thắm,  
Anh Vũ bờ thơm, cỏ biếc dày.  
Chiều tối quê nhà đâu chẳng thấy,  
Trên sông khói sóng gợi buồn ai.*

Nguyễn Khuê:

*Cưới hạc người xưa đi đã lâu,  
Còn đây Hoàng Hạc chỉ trơ lâu,  
Hạc vàng biến biệt từ xưa ấy  
Mây trắng lững lờ đứng mãi sau.  
Sông lạnh Hán Dương cây lặng bóng,  
Bãi thơm Anh Vũ cỏ tươi màu.  
Chiều buồn quê cũ nơi nào nhỉ?  
Khói sóng trên sông giục khách sầu.*

Khương Hữu Dụng:

*Ai cưới Hạc vàng đi mất hút,  
Trơ lầu Hoàng Hạc chón này thôi  
Hạc vàng một đi đã đi biệt  
Mây trắng ngàn năm bay chơi vơi.  
Sông tạnh Hán Dương cây sáng ửng,  
Cỏ thơm Anh Vũ cỏ xanh ngời,  
Hoàng hôn về đó, quê đâu tá?  
Khói sóng trên sông nảo dạ người.*

Vân vân...

Đặc biệt, trong số người không ngại "vận bút" để làm cái chuyện "dịch là diệt" đó có cả thi sĩ Vũ Hoàng Chương. Bài thơ dịch của Vũ quân đã có nhiều người biết tuy chưa phổ biến thật rộng. Một cách dịch thoát sáo, tưởng xa nghĩa nhưng lại lắng đọng được thi vị, và nhất là có những ẩn ngữ đầy "tâm trạng" không kém gì tiếng lòng của nhà thơ họ Thôi:

*Xưa hạc vàng bay vút bóng người,  
Đây Lầu Hoàng Hạc chút thơm rơi,  
Vàng tung cánh hạc đi đi mãi  
Trắng một màu mây vạn vạn đời.  
Cây bến Hán Dương còn nắng chiếu,  
Cỏ bờ Anh Vũ chẳng ai chơi,  
Gần xa chiều xuống đâu quê quán?  
Đừng giục cơn sầu nữa sóng ơi.*

Sao lại cô đơn đến mức: "Cỏ bờ Anh Vũ chẳng ai chơi"? và ai là "cánh hạc vàng" trong mắt thi nhân mà: "Vàng tung cánh hạc đi đi mãi"? Ai khiến cho thi nhân sầu nhớ như chực vỡ òa nước mắt trong câu thơ cuối cùng? Tôi cứ thắc mắc mãi mà không giải đáp được cho mình. May mắn gần đây được bạn Đặng Tiến ở Pháp gửi về cho một tấm hình chụp lại nguyên thủ bút của Vũ Hoàng Chương.

Thì ra, không biết bài thơ được dịch từ bao giờ nhưng đích thực họ Vũ đã chép nó vào ngày 6 tháng 12 năm 1975, tặng người bạn vong niên ở quá xa là nhà phê bình thơ Đặng Tiến. Gần sát cái tết dương lịch năm 1975, người thơ da diết nhớ bạn và đặt mình vào hoàn cảnh bạn khi ngồi trên bờ một con sông xứ người nào đấy chắc cũng rất đơn chiếc mà nhớ thương về cố quốc: "Gần xa chiều xuống đầu quê quán / Đứng giục cơn sầu nửa sóng ơi". Ngôn từ bài thơ dịch quả gợi cảm hứng tuyệt lạnh một buổi chiều hừng nắng ở Tây Âu. Tuy nhiên... chợt đọc lại ngày tháng chép thơ. Ôi, ngày 6 tháng 12 năm 1975. Tôi cũng ở Sài Gòn đúng trong những ngày đó. Một mùa đông lạnh hơn hẳn những mùa đông khác của phương Nam nắng ấm. Còn nhớ đêm nằm trong nhà người bà con ở 362 đường Hòa Hảo, đắp một chiếc chăn dạ mà vẫn gét run không ngủ nổi. Không chỉ thế. Tôi đã đến chơi nhà nữ sĩ Mộng Tuyết trên đường Nguyễn Minh Chiêu, nơi cách đó ít lâu, gia đình Vũ Hoàng Chương tạm cư ngụ. Tôi biết lắm, ngày này, thi nhân và dịch giả Vũ Hoàng Chương cùng khá nhiều trí thức Sài Gòn cũ đang sống trong tột cùng thấp thỏm, chưa rõ trắng đen về thân phận của mình. Cái tết năm đó-năm Bính thìn 1976-ông có bài *Vịnh bức tranh gà lợn*:

*Sáng chưa sáng hẳn, tối không đành,  
Gà lợn om sòm rồi bức tranh.  
Rằng vách có tai, thơ có họa,  
Biết lòng ai đỏ, mắt ai xanh.  
Mắt gà huỳnh đệ bao lần quáng,  
Lòng lợn âm dương một tác thành.  
Cục tác nửa chi, ngừng ủn ỉn,  
Nghe rỗng ngâm vãng khúc tân thanh.*

Tôi thấu hiểu nỗi sợ về một cái gì không ra ngô ra khoai, "Sáng chưa sáng hẳn tối không đành" về sự chờ đợi trong nặng nề khắc khoải, phải đếm từng giây phút một cho bớt cô đơn lạnh lẽo mà Vũ Hoàng Chương từng sống. Tôi cũng đã từng sống với cái nỗi niềm rất khó bộc bạch: "Lòng lợn âm dương một tác thành." của gia đình mình. Một tác thành mà không biết tỏ cùng ai, vì chẳng biết "lòng ai đỏ, mắt ai xanh." (Một tấm lòng đỏ và một con mắt xanh đối với người nghệ sĩ mới cần thiết làm sao!). Đúng là những ngày ấy Vũ Hoàng Chương đang như Từ Thức ngay chính trên quê hương xứ sở của mình. Phải: "Cây bến Hán Dương còn nắng chiếu / Cỏ bờ Anh Vũ chẳng ai chơi". Chỉ có ông với một mình ông.

Cảm thán cho Vũ Hoàng Chương thì cũng chỉ là vô ích vì ông đã là một cánh hạc vàng đi mất đến ba mươi năm có lẽ rồi. Chi bằng hãy bắt chước ông, vắt óc trước bài thơ của chàng Thôi Hiệu để "thôi xao" ra những vần dịch mới.

Tôi đã gắng làm như thế, cũng xin coi là một bài thơ tặng những người bạn xa-rất xa ở Mỹ và Âu:

*Hạc vàng người trước cưới đi rồi  
Lầu trống còn tên Hoàng Hạc thôi,  
Một thuở hạc vàng không trở lại,  
Nghìn năm mây trắng vẫn đang trôi.  
Hán Dương cây đứng soi sông sáng,  
Anh Vũ cỏ non biếc bãi bồi.  
Chiều tối quê hương nhìn chẳng thấy  
Trên sông khói sóng dạ bồi hồi.*

**Mấy tháng cuối cùng với Vũ Hoàng Chương  
Mai Thảo**

Vượt qua cây cầu Calmette soi bóng trên một con kinh tù đọng, con kinh chạy dọc theo vùng ngoại vi tràn lan náo nhiệt nhất của Sài Gòn là khu Chương Dương, Ông Lãnh, chiếc xe đạp lọc cọc chở tôi đi trên một mặt nhựa lồi lõm, dừng tới tòa nhà xám bần của hãng làm phân bón thì rẽ trái và lặn vào một con đường trải đá xanh.

Con đường thoát đầu nhỏ hẹp vào tới sâu hình rộng dần dần và mở thành một vùng ngoại ô tràn lan náo nhiệt khác là vùng Khánh Hội. Tại đây hai bên hàng quán, chợ búa chen chúc ngổn ngang không hàng lối, sáng chiều là bụi cát rác rưởi đủ loại đầy bốc mù mịt do chân trần những bầy trẻ nhỏ đen đúa nhếch nhác chạy nhẩy la hét hất tung lên. Cuối đáy con đường là phường Cây Bàng. Nó đứng chắn ngang với những rào cây um tùm như một biên giới tươi xanh ngăn chia chợ búa thị tứ ồn ào trước mặt với phía sau, cũng chỉ là những xóm ngõ bình dân lao động, nhưng một ngày đã trở thành tao nhã, tao nhã từ vết nắng sớm đến nét trăng chiều, từ ngọn cỏ bờ đến cụm hoa đồng, vì còn là một địa chỉ lầy lừng của văn chương, nơi một mái lầu thi ca lừng lẫy.

Chiếc xe chở tôi rẽ phải trên một con đường nhỏ, yên tĩnh, rẽ trái vào một con đường nhỏ yên tĩnh nữa, rồi tới một đầu ngõ khuất khúc. Tôi xuống xe, dắt bộ tới cuối ngõ, tới trước một căn nhà gỗ hai tầng. Đây một cánh cổng khép hờ đi vào, tôi đã tới Góc Bút của Vũ Hoàng Chương. Thi sĩ mới dọn về đây ít lâu sau biến cố tháng tư 1975, cái tiểu gia đình gươm đàn nửa gánh gồm có thi sĩ, người bạn trăm năm của ông là nữ sĩ Đinh Kiều Oanh và đứa con trai nuôi là Vũ Hoàng Tuấn, ông đặt tên cho con bằng lấy tên Tuấn của Nguyễn Tuấn, nhà văn viết tùy bút rất hay và là bạn thân của thời kỳ tiền chiến.

Địa chỉ mới của Vũ Hoàng Chương nguyên là chỗ ở của gia đình thi sĩ Đinh Hùng, em vợ ông ngày trước. Chỗ ở này sinh thời, Đinh Hùng, tự xưng là Đinh Công Tử, nghịch ngợm đặt tên là động Hoa Lư, trong cái ý nhà vua xưa Đinh Bộ Lĩnh dấy nghiệp ở động Hoa Lư thì Đinh Hùng đời sau cũng có một động Hoa Lư ở phường Cây Bàng như thế. Đinh Hùng mất, vợ con vẫn ở, tên Hoa Lư vẫn còn. Nhưng từ Vũ Hoàng Chương dọn về ở chung, Hoa Lư còn có thêm một tên mới. Đó là Góc Bút.

Hỏi tại sao không dùng lại tên Góc Mây của căn lầu trên vùng Phú Nhuận vừa rời bỏ, thi sĩ cười, hóm hỉnh: "Đổi đời, giờ là Góc Bút mới đúng. Vì Hà Nội nó bắt ta gác hết bút lên rồi, đâu còn cho viết nữa."

Tôi đến thăm Góc Bút thường ngày như vậy và thường vào buổi chiều. Thường, vì muốn, vì cầu, với tôi. Hai mươi năm sinh hoạt thơ văn của miền Nam, được ông nhận cho kết giao, rồi thân thiết mày tao và được ông xem như một tấm lòng tri kỷ, dù tuổi tôi thua ông đúng một giáp mười hai năm, tôi đã đến thăm mọi chỗ ở của thi sĩ rất nhiều lần. Ở căn nhà một ngõ hẻm Phan Thanh Giản. Ở căn nhà giữa khu Bàn Cờ. Rồi ở Góc Mây, căn phòng trên lầu trong đáy cùng biệt thự Úc Viên của Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội. Nhưng nhiều lần cũng chỉ có nghĩa hàng tuần, hàng tháng. Với Góc Bút, gần như chiều nào tôi cũng từ Sài Gòn đạp xe sang phường Cây Bàng và tới Động Hoa Lư.

Lý do là miền Nam mất, thời thế xập đổ tan tành, tôi đã sống với đời trong một tâm trạng cực kỳ tro trọi, thất lạc và cảm thấy cần thiết hơn lúc nào hết cho đời mình những gặp mặt với Vũ Hoàng Chương, nhập vào vùng phong thái an nhiên trầm tĩnh của ông, chờ ông pha trà cho uống, nghe ông nói chuyện thơ và quên hết với ông trong cái không khí thoát tục và xa đời của những buổi chiều trên Góc Bút lừng tiếng.

Thời gian này, sức khỏe của Vũ Hoàng Chương đã hết sức suy nhược và gia cảnh thì đã rớt xuống tới đáy cùng của túng thiếu cùng quẫn. Những tháng sau cùng ở Góc Mây, Phú Nhuận, ông đã đau yếu rất nhiều. Trong lồng ngực mỏng, con tim đã yếu. Trên cái vóc hạc, xế chiều đã tới. Vũ Hoàng Chương gần như không ra khỏi nhà nữa. Lên xuống mấy bậc thang lầu, cũng phải đứng lại nhiều lần để thở. Có việc phải đi đâu, bao giờ cũng phải Đinh Kiều Oanh cùng đi.

Ở Gác Mây anh em văn nghệ đã phải chia lượt tới viếng thăm ông đau yếu nhiều lần. Đem thuốc thang tới nữa.

Về Gác Bút, tình trạng sức khỏe của thi sĩ càng mong manh. Những thiếu thốn vật chất, mặc dầu thi sĩ chẳng còn nhu cầu gì -ông đã bỏ thuốc phiện- càng làm trầm trọng mau chóng sự mong manh ấy. Ở Gác Bút, ông gầy teo, gần như không đi xuống tầng dưới nữa. Nhiều buổi chiều tôi tới, ông đắp một tấm chăn mỏng, nằm mỗi một thiêm thiếp trên mặt sàn trống trải, hình ảnh cuối đời hợp nhập với hình ảnh hoàng hôn thắm màu đang hát hiu buông xuống ở chung quanh. Điều này cũng là một lý do nữa để hàng ngày tôi lặn lội đạp xe sang thăm người Gác Bút. Thần trí ông vẫn minh mẫn, lấp lánh. Thần thái ông vẫn nhẹ nhàng ung dung. Nhưng thịt xương không phải là thần trí và thần thái. Thi sĩ đã hơn sáu mươi tuổi. Và không phải là linh cảm nữa mà là tôi đã nhìn thấy tài thơ cụ phách, chẳng còn chịu ở hơn nhiều lắm nữa với đời. Những ngày tháng còn lại của Vũ Hoàng Chương ở Gác Bút là số ngày tháng cuối cùng.

Vậy mà, ngược nghịch, lạ lùng những ngày tháng cuối cùng này lại là thời kỳ sung sướng nhất của thi sĩ. Bạn hữu ở gần nhìn thấy rất rõ ràng những tỏ hiện nhảy nhót niềm sung sướng cuối đời không ngờ có ấy. Qua đột biến lạ lùng: một thân thể non tây lỏng trong một bình sinh xé tà thình lình đuối dạt được khỏi nó tấm mùng khói sương cô tịch vây phủ, tự thấp sáng lại bằng một thấp sáng rực rỡ. Giữa thấp sáng lại này, một Vũ Hoàng Chương rất hài đồng, rất tươi thắm và cũng rất lớn đi ra.

Làm xanh thắm lại cái úa héo, giữ chặt trên cành sinh trái tử sắp rụng, chất lực diệp tố đến tự những nguồn hô hấp nào? Tự hai nguồn. Một của thơ. Một của đời sống. Hai nguồn, trong một liên hệ tuyệt diệu.

Nếu tài thơ lớn bao giờ cũng ung dung chuyển đầy được nó tới nhiều đất trời khác biệt, không chôn chết một đất trời cố định -những sức thơ tần thường không bao giờ thực hiện được vận động này của thơ- cõi thơ sau, cõi thơ sáu mươi, cõi thơ phơi phới vô cùng riêng Vũ Hoàng Chương đưa mình tới được là một thoát vượt, một bỏ lại rất xa cách sau lưng mọi cõi thơ Vũ Hoàng Chương trước. Và với cõi thơ sau này, ánh sáng của ngôi sao bắc đẩu mới khởi sự trong suốt, thật sự vôi vọi.

Hãy nhớ lại ba ngọn đỉnh của vòm trời cũ. Là Mây, Hoa Đăng và Rừng Phong.

Tâm thức ba vùng trời cũ là:

*Đêm hỏa táng trần tâm cõi đời nghiêng đổ*

*Thịt xương ơi, nằm nhé đất oan khiên*

*Trần cấu láng láng ngoài cửa mộ*

*Ta thoát hình nương khói bay lên*

*Đâu đó tà dương hề treo ngọn bắc*

*Đâu đó cuồng phong hề reo đáy chai*

*Mùa chi ngày chi tuổi bao rồi nhỉ*

*Quanh chiếu rộ tang thương hề tinh anh ngoài đời*

Đó là tâm thức hình giao quấy động quần quại trong một thạch động kín bịt. Hồn tuy tấm dẫm khổ đau những muốn bay lên cùng kinh thanh, chướng nghiệp chưa rũ được, căn chưa thông tỏ làm sao phá tung được nhà ngục hình hài. Tường là thoát hình, đâu có thoát hình. Thịt xương ném trả đất oan khuất, đâu có ném trả. Thực hiện cuộc thiêu hủy trần tâm bằng một lửa. Thì thiêu hủy. Nhưng khác nào ngọn lửa hủy giận dữ của Hồ Dzếnh: "Lửa giận tan rồi, than tối đen."

Đâu đó tà dương. Đâu đó cuồng phong. Đâu đó trần cấu láng láng. Đâu đó thôi. Thấy là đâu đó, hư vọng, cái bay cái thoát không hề có một điểm khởi hành đích thực. Ở nội tại, trong thực thể, là trường hợp một tâm thái giải phóng khỏi hệ lụy chưa thật sự trở thành. Một làn mây vướng. Một ngọn đèn thấp, nội giới không phóng thoát là cái chao đèn giam nhốt hết ánh sáng. Một cánh rừng, rễ cành nghìn nhánh xiềng xích trong đất, không có ngọn đi lên với trời.

Đó là những Mây, là Hoa Đăng, là Rừng Phong, ba cõi ngôn ngữ vĩ đại về hệ lụy trần thế, trần thế không tự nó là hệ lụy, là bề khổ, hệ lụy trần thế từ nơi tâm hồn người. Cái ngục anh giam anh. Cõi đời không phải ngục. Cõi đời không bao giờ là ngục.

Rồi Vũ Hoàng Chương ra thoát được cái ngục mình. Cuộc phục sinh thành, đã trao cho thi sĩ một chìa khóa ngục mở vào những ngày tháng cuối cùng, những ngày tháng sung sướng. Và Vũ Hoàng Chương đã mang con người sung sướng ấy của mình đi qua đời đời, đi qua cộng sản đi vào vĩnh viễn. Thời gian ấy sống gần ông (mấy tuần chót ở Góc Mây, mười tháng ở Góc Bút trước bắt giữ), cho tới buổi trưa ngày 30 tháng 11 năm 1976, từ chỗ ẩn một vùng ngoại ô Chợ Lớn âm thầm trở lại phòng Cây Bàng lần cuối để thắp một nén hương vĩnh biệt trước di ảnh bạn, cho tới những buổi trưa đảo nằm một mình trong một đáy rừng Mã Lai Á khuất tịch, tôi thường suy nghĩ, tìm kiếm lý giải, về một vận động từ bi thăm đũa tới thăng hoa sung sướng phóng thoát của một đời người. Vũ Hoàng Chương đã có được thăng hoa ấy. Qua thái độ ông, buổi sáng bị bắt. Trong bốn tháng nằm trong hầm tối. Trong năm ngày cuối cùng trở về Góc Bút. Bằng vào những chi tiết chị Vũ kể lại, sẽ được nói tới ở phần sau này. Tâm thức tôi, thiếu hụt tầm vóc, không sao đạt tới được thăng hoa như bạn. Bởi vậy mà giải thích hiện tượng, rất buồn thảm. Và cũng rất cực nhọc.

Đó là ngọn lửa và trái tim Thích Quảng Đức, ngọn lửa và trái tim tươi thắm phóng thoát trần thế từ một ngã tư đường Lê Văn Duyệt? Những cuộc đàm đạo trong tao nhã, tịch lặng với Thượng Tọa Thích Trí Thủ, một tâm thái phóng thoát khác, ở cái hiện sau xa đời của ngôi chùa Gia Định (thời gian sau này, Già Lam tuần nào cũng cho đón thi sĩ tới chùa, giữ ông cả buổi)? Hay đơn giản đó chỉ là sự bắt gặp trên một mức độ tràn đầy của bản thể viên mãn với đời sống, với nghệ thuật, với thi ca, qua những biến thiên cùng ý nghĩa và chân tướng biến thiên được soi tỏ qua cái hình ảnh một người đi mãi, đã vượt khỏi đỉnh núi bấy lâu chần lấp, thấy được từ cái chết chần lấp cả biển, cả trời và cả chính mình? Hay là sự màu nhiệm của tuổi? Sự mà nhiệm mà Nguyễn Khuyến đã thấy trong bài thơ *Khóc bạn* bất hủ: "*Tuổi già hạt lệ như sương*".

Thế còn vai trò của thơ?

Thơ đóng vai trò gì trong tâm thức phóng khoáng?

Nhà thơ lớn nào cũng nô lệ cho ngôn ngữ của chính mình. Tôi chỉ nói những nhà thơ lớn. Vì là một hiện tượng đặc thù chỉ có ở những nhà thơ lớn, những tầm thơ, những vóc thơ đích thực phát minh sáng chế ra ngôn ngữ. Khởi thủy là sự phá vỡ, sự vượt bỏ những biên thù đã có, ngôn ngữ mới được sáng chế ra bởi tri thức thần diệu của thiên tài khi đã hình thành, đều có một hiệu năng ghê gớm giam nhốt kẻ đã sáng tạo chúng, là thiên tài, trong chúng. Mỗi chữ, mỗi lời của ngôn ngữ sáng tạo đều hiển lộ cái hiệu năng ghê gớm đó. Và rõ nhất ở địa hạt thi ca. Thiên tài bị giam nhốt trong cái lồng ngôn ngữ nguy nga vừa sáng tạo ra, tới khi phá được lại để rơi vào một cái lồng vừa mới sáng chế. Như thế mãi mãi không ngừng. Đó là quy luật của ngôn ngữ siêu việt, ngôn ngữ thơ. Đó là định mạng khốc liệt của thiên tài, trước ngôn ngữ mình. Quy luật và tương quan vừa nói thể hiện rất rõ từ *Mây*, tới *Hoa Đăng*, tới *Rừng Phong*. Trời thơ thi sĩ càng triển khai tới đâu, ông càng bị ngôn ngữ ông chi phối, khống chế và giam cầm tới đó. Hiện tượng này còn nhìn thấy ở một nhà thơ lớn khác, Bùi Giáng nhưng ở trong một trạng thái mịt mù mê loạn, với Bùi Giáng ngôn ngữ mê sảng biến tướng, quy luật và tương phản chìm ẩn không định hình rõ rệt, và Bùi Giáng cũng không đạt được cho mình sự phóng thoát, như Vũ Hoàng Chương.

Một đêm tôi ở lại với ông thật khuya, tới sát giờ giới nghiêm cộng sản. Xã hội thê lương nằm phục bốn chung quanh tường Góc Bút. Ông đưa tôi xem một lá thư Trần Dần. Bị trừng phạt nặng nề, bị treo bút vĩnh viễn, nhà thơ Trần Dần, tài thơ trác tuyệt nhất của nhóm Nhân Văn Giai Phẩm, không được vào Nam, đã gửi cho ông một lá thư đầy những lời lẽ kính trọng, như ông vẫn nguyên vẹn là thi bá của cả một thế hệ thi sĩ đã hai miền chia cách suốt 30 năm chiến tranh. Lá thư, tôi chỉ còn nhớ được câu này: "*Thơ anh, thơ Đình Hùng, sống muôn đời với thi ca Việt Nam.*" Đêm đó, cầm nổi kính phục của Trần Dần đối với ngôi sao Bắc đẩu miền Nam trên

tay, tôi nhìn bạn ngồi thư thái êm đềm trước mặt, đã chia xẻ được với thi ca một niềm sung sướng thống khoái vô tả. Kính phục của Trần Dần chắc còn lớn lao gấp bội. Nếu nhà thơ miền Bắc còn nhìn thấy được cõi thơ cuối đời và cái hiện tượng thăng hoa của tâm thức phóng thoát, ở thi sĩ! Ông đưa tôi coi tiếp những thư từ bạn bè ngày trước viết vào từ Hà Nội. Thư Lưu Trọng Lư. Thư Hoàng Lập Ngôn. Thư Hoàng Cầm. Lá thư ngắn nhất của Nguyễn Tuân. Vồn vện: "Mấy lời hỏi thăm cổ nhân. Thư bất tận ngôn." Ông cười:

- Thăng Tuân ngày xưa với tao thân lắm. Khâm Thiên, bàn đèn, tao đâu nó đó, mà nó sợ. Chỉ dám dùng bốn chữ thư bất tận ngôn.

- Mà trả lời bọn họ không?

- Có. Thăng nào viết thư thăm, tao cũng phúc đáp cho phải lễ. Bằng một vài đoạn thơ.

Ông cười thành tiếng, ánh mắt tinh nghịch vui thú:

- Thăng Địch vào, nói bọn chúng nhận được thơ tao thích lắm, vác đi khoe cùng nhưng chỉ dám khoe với bạn thân. Tao trêu chúng mà. Với thằng Hoàng Lập Ngôn, tao hỏi mấy chục năm cộng sản, cái xe mê ly đang tử có còn lăn bánh? Và bánh thực hay bánh vẽ. Thăng Tuân, tao gửi cho nó một bài thơ chữ Hán, lấy điển người xưa mừng nó vẫn là nó không bao giờ thay đổi. Nó đọc, nó hiểu, chắc buồn lắm. Đã đi theo Đảng, Nguyễn Tuân bây giờ còn là Nguyễn Tuân ngày trước thế nào được nữa.

Địch là Vũ Hoàng Địch, em ruột thi sĩ. Bạn thân của Trần Dần, Địch không viết bài nào đả kích lãnh đạo trên Nhân Văn Giai Phẩm, nhưng chỉ thân với Trần Dần vẫn bị hạ tầng công tác, sống uất ức và bất mãn ngấm ngầm cho đến ngày vào Nam thăm anh. Chị Vũ Hoàng Chương kể cho tôi nghe hôm Địch vào, thân tàn ma dại, hai anh em ôm chặt lấy nhau giây phút trùng phùng, Địch bật khóc nức nở khiến Vũ cũng phải chảy nước mắt. Địch ở trên Gác Bút năm ngày. Suốt đêm, hai anh em Vũ uống nước trà, trò chuyện. Hôm Địch trở về, nhà còn mấy chỉ vàng và cái cassette là quý nhất người anh cho hết người em. Địch ngậm ngùi từ biệt: *"Em khó lòng vào được nữa. Bọn nhà văn nhà thơ Hà Nội ai cũng nhớ đến anh. Đều thêm gặp lại anh lắm, nhưng họ sợ liên lụy chắc không ai dám tới. Em vào thăm anh thế này, về thế nào cũng có chuyện với đoàn thể. Em rất lo cho anh. Anh liệu giữ lấy thân."*

Vũ Hoàng Chương gật, điềm tĩnh: *"Anh hiểu cả. Khỏi phải lo cho anh."* Rồi ngồi yên nhim em đi. Quả nhiên, lần hai anh em gặp nhau lại là lần cuối cùng. Khi thi sĩ mất, Vũ Hoàng Địch cũng không được vào đưa đám. Thăm anh về, Địch bị báo cáo và bị đoàn thể khiển trách nặng nề vì không được Đảng cho phép mà dám ở với Vũ Hoàng Chương. Đúng như lời Vũ Hoàng Địch, Hà Nội văn nghệ vào Nam đủ mặt, chỉ một hai người dám liều tới thăm Gác Bút, như Vũ Đình Liên, Anh Thơ, Đoàn Văn Cừ, Lưu Trọng Lư, còn nhóm người cùng một thời Tự Lực với ông như Xuân Diệu, Huy Cận, Thế Lữ, Hoài Thanh, hoặc vì đổ kỵ với tiếng thơ lầy lừng của thiên tài, hoặc vì hèn nhát sợ bị liên lụy, đều tránh mặt. Tôi nghĩ là trong thâm tâm, Vũ Hoàng Chương hẳn buồn lắm trước tư cách hèn dớt của nhóm bạn bè cũ, nhưng điều này ông không bao giờ nói ra. Ông hiểu cho họ, tâm thức phóng thoát là một trời thơ trong suốt bát ngát, thế thái ấm lạnh chỉ có thể là một bóng mây chốc lát rồi tan đi.

Có điều là chính vì thái độ đổ kỵ, hèn dớt của nhóm nhà văn, nhà thơ Hà Nội cùng một thế hệ với ông mà Vũ Hoàng Chương đã bỏ Gác Mây về Gác Bút. Chuyện như thế này:

Khi nhóm nhà văn nhà thơ tiền chiến theo Đảng đã đủ mặt ở Sài Gòn, họ đến gặp Lê Trảng Kiêu, Bàn Bá Lân, Quách Tấn, cả Vũ Bằng nữa, mà không một ai chịu tới thăm nữ sĩ Mộng Tuyết ở Úc Viên biệt thự. Là phụ nữ, lại thiếu cao ngạo, thiếu bản lĩnh, sự "tắt chay" này khiến Mộng Tuyết rất dỗi lo sợ. Nữ sĩ hốt hoảng đi tìm hai người viết nằm vùng là Sơn Nam và Vũ Hạnh để tìm hiểu lý do. Bà than:

- Năm 1934, tôi đã được giải thưởng thơ của Tự Lực Văn Đoàn. Các anh Xuân Diệu, Thế Lữ bao nhiêu năm vẫn giao du với tôi và Đông Hồ rất thân thiết. Tôi lại chỉ làm thơ vịnh hoa, vịnh trăng, không chống cộng, chống cách mạng. Nay các anh ấy vào, đi thăm hết cả mà không một ai đến tôi là làm sao? Tôi có tội phải cho tôi biết chứ!



Vũ Hạnh lắc đầu:

- Chị được coi là không có tội. Các đồng chí không tới thăm chị chỉ vì Vũ Hoàng Chương hiện đang ở đó!

Lần chót tôi tới Gác Mây, Vũ Hoàng Chương thuật lại nguyên nhân trường hợp Mộng Tuyết bị tầy chay cho tôi nghe. Ông nói:

- Tao không trách Mộng Tuyết. Chẳng thể bình tĩnh thản nhiên như mình được. Vợ Đinh Hùng lên nhiều lần, lần nào cũng khẩn khoản mời vợ chồng tao về ở cùng, nói sống chết thế nào còn có nhau. Chính tao cũng đã định về phường Cây Bàng từ lâu. Chỉ ngại dọn nhà. Gặp Vũ Hạnh về, Mộng Tuyết không dám nói rõ sợ tao giận, nhưng tao đã hiểu. Mày nghĩ tao có nên rời khỏi Gác Mây?

Một tòa biệt thự lạnh lẽo. Hai cánh cổng sáng chiều đóng chặt. Một nữ chủ nhân hoang mang lo sợ trước đổi đời. Thời thế tối tăm, hung dữ đã giết chết cái không khí thanh lịch, đài các của hoa lan, hoa quỳnh. Gác Mây đâu còn là Gác Mây nữa. Úc Viên biệt thự tầm thường đâu còn xứng đáng là chỗ ở của thi bá. Từ ngày Vũ Hoàng Chương bị làm khó ở căn nhà vách ván lụp xụp ở khu Bàn Cờ, rồi Mộng Tuyết hết lời mời mọc, thi sĩ đành tới nhờ Úc Viên, tôi biết ông miễn cưỡng và chúng tôi cũng không thích ông dời vào cái chốn phong lưu trường giả ấy.

Trong truyền thống những thi sĩ lớn của dòng thơ Việt mọi thời, hoàn cảnh đời sống hàng ngày của Vũ Hoàng Chương phải được trải mãi trên tấm thảm gấm của Bàn Bách và Đạm Bạc như trên tấm thảm ấy đã Tú Xương, đã Tản Đà, đã Nguyễn Bính, đã Đinh Hùng, đã Hàn Mặc Tử.

Tôi mừng rỡ:

- Bọn khốn nạn khởi sự làm khó mày rồi đấy. Làm khó từ chỗ ở trước. Ở đây ra vào kiểu cách, khó chịu lắm. Về phường Cây Bàng đi. Ngại dọn nhà sẽ có bạn bè đến dọn.

Vũ Hoàng Chương thật sự có vẻ vui thích trước ý nghĩ ông về sống trên căn gác xép ngày trước của Đinh Hùng. Ông đã gần Đinh Hùng một đời. Bây giờ gần thêm nữa. Và tôi chia sẻ với ông niềm sung sướng đó. Ông nói:

- Một tuần lễ nữa, tao đi.

Năm ngày sau tôi trở lại Úc Viên, để thấy Vũ Hoàng Chương đã đi sớm hơn ông đã hẹn. Hai ngày trước, một nhóm sinh viên Luật yêu thơ ông, trước là học trò ông, tới thăm thầy đã đi mượn xe, khuôn đồ đạc dùm thầy xuống khỏi Gác Mây, hộ tống thầy về đất Hoa Lư. Lần trở lại Úc Viên này, tôi không vào. Chỉ đứng lại với Mộng Tuyết ít phút ở cổng. Mộng Tuyết có vẻ ngỡ ngàng:

- Anh Chương đi rồi. Giữ ảnh ở thêm ít ngày thế nào cũng không chịu.

Tôi không giấu được buồn bã:

- Từ phút anh Chương rời khỏi đây, Hà Nội đã chấm dứt tầy chay chị rồi chứ? Những ai đã tới thăm chị rồi? Chúng mình cùng một cảnh ngộ, đã sống thân thiết với nhau mấy chục năm trời, bây giờ chết cũng phải tình nghĩa cổ kết hơn lúc nào hết. Cho họ khỏi coi thường. Không ai đến thăm thì thôi. Chị đã bảy mươi tuổi, còn sợ gì nữa?

Về sau tôi được biết Vũ Hoàng Chương về phường Cây Bàng buổi chiều thì ngay buổi tối ngày hôm đó, Vũ Hạnh chở Vespa Xuân Diệu tới thăm Mộng Tuyết. Rồi hôm sau, Huy Cận, Chế Lan Viên tới. Khi Mộng Tuyết nói thi sĩ đã rời khỏi Gác Mây, đám nhà thơ miền Bắc đặc biệt đổ kỵ với riêng ông chỉ vì trời thơ hai miền hào quang ông át lấn mọi hào quang khác, đã giả vờ tỏ vẻ hối tiếc không biết trước để tới thăm thi sĩ sớm hơn, những tâm địa tầm thường ấy không dám thú nhận thái độ tiểu nhân của họ, trước cái phong cách đĩnh đạc và trầm tĩnh của thi sĩ. Mặc cảm tự ti đưa tới ghen ghét hạ đẳng ấy là một của những nguyên nhân đưa tới bất giữ thi sĩ ngót một năm sau, buổi sáng ngày 13 tháng 4 năm 1976.

Sống với cộng sản, trường hợp của miền Nam là ở lại, là vẫn có mặt ở Sài Gòn sau ngày 30 tháng 4, kẻ sĩ, nhà thơ, nhà văn thất thế, khi mọi phương tiện lên tiếng đã bị triệt hủy hoàn toàn, chỉ còn một cách thể hiện nhân phẩm duy nhất là giữ vững bản ngã, giữ vững nhân cách giữa bi thảm, không cho sa đọa. Và như vậy, đối diện với nghịch cảnh, đối diện với kẻ thù, đối

diện với cái chết. Bi thảm này tên là Định Mệnh. Hàng ngàn nhà văn nhà thơ trên khắp mọi phần đất thế giới đã đứng trước định mệnh khốc liệt như thế, trên tổ quốc đất nước họ, trước bạo lực quân phiệt và chuyên chính vô sản. Anh em văn nghệ miền Nam, ngoại trừ một thiểu số khiếm nhược, nói chung đã có một phong cách nghiêm chỉnh, lúc thất thế, trong bi thảm, trước kẻ thù. Nhưng gương mẫu nhất, rực rỡ nhất tuy từ hai cách thể biểu hiện khác biệt, qua suy nghĩ và nhận thức tôi là Vũ Hoàng Chương và Thanh Tâm Tuyền.

Tôi sẽ đi vào phong cách và bản lĩnh Thanh Tâm Tuyền trước chuyên chính đồ một dịp khác. Khi viết về Thanh Tâm Tuyền. Riêng ở Vũ Hoàng Chương nếu như vẫn đứng thẳng được trước một kẻ thù đòi ta quỳ gối, vẫn bảo toàn được nhân cách và bản ngã giữa một chế độ dồn tận lực nó vào nghiền nát nhân cách và bản ngã, phải có một bản lĩnh hơn người, bản lĩnh Vũ Hoàng Chương nằm ở nơi ông, trước nguy cơ mà không hề rút thu vào một chìm ẩn an toàn. Như thường là phải vậy. Mà ngược hẳn, ở ông là một tiếp tục triển khai bản chất thể hiện nhân cách ông - và từ đó thơ ông và đời sống ông- một cách hết sức rực rỡ, hết sức tận cùng, không một phút giây e dè khiếm sợ.

Nói một cách khác, giữa cộng sản, Vũ Hoàng Chương vẫn sống tự do và đường hoàng như không có cộng sản. Như không có lá cờ đã đỏ chói ngoài phường Cây Bàng. Như không có cái lưới an ninh đã dày đặc khắp vùng Khánh Hội. Như miền Nam chưa mất. Như vẫn là như trước. Chân lý Vũ Hoàng Chương, riêng ông đạt tới chân lý tuyệt diệu này, tóm gọn ở một chữ "không". Đối phó với cộng sản bằng không đối phó, không đối phó gì hết. Chấp nhận cộng sản bằng không chấp nhận gì hết. Đắt trời thẳng thốt lạt xấp đi như vậy, đêm biến thành ngày, ngày biến thành đêm như vậy, nguyệt thực nhật thực, địa chấn, hồng thủy bàng hoàng là vậy, mà quạt nan trong tay, áo nâu màu Phật, cốt cách trịch tiên, thần thái phiêu hốt, đệ nhất đương thời thi sĩ vẫn ung dung đi tới những ngày tháng còn lại của mình. Với toàn vẹn Vũ Hoàng Chương là Vũ Hoàng Chương. Với tận cùng Vũ Hoàng Chương là Vũ Hoàng Chương hơn bao giờ hết. Thêm thương tiếc và căn giận cộng sản đã hủy diệt của văn chương ta một trí tuệ như Thanh Tâm Tuyền biết bao nhiêu. Bọn chúng tôi, Thanh Tâm Tuyền trẻ nhất mà có một tâm nhận thức rất viễn kiến, rất xa rộng Ai cũng thấy những điều hẩn thấy. Nhưng thường là hẩn thấy trước nhất, sớm nhất. Nhớ năm đó là 1974. trước cảnh cùng quẫn của thi sĩ, Thanh Tâm Tuyền, Vũ Khắc Khoan, Tô Thùy Yên, Phan Lạc Phúc, Thanh Nam, Hoài Bắc và tôi cùng đứng ra tổ chức một Đêm Thơ Vũ Hoàng Chương, mời bạn bè yêu thơ tới dự, lấy tiền giúp gia đình thi sĩ. Mục đích chỉ là vậy. Nếu không có Thanh Tâm Tuyền: "Thi ca Tây phương có truyền thống mỗi năm, mỗi thời, tôn vinh một nhà thơ lớn nhất, tại sao chúng ta không nhân đêm thơ, tôn vinh trước thi ca và người đời nhà thơ lớn nhất của chúng ta. Một thứ vua thơ. Và không ai xứng đáng hơn Vũ Hoàng Chương sự tôn vinh ấy." Thế là với bài nói chuyện mở đầu của Thanh Tâm Tuyền, trình bày ý nghĩa tôn vinh một người của nghệ thuật, đêm thơ đó đã là đêm tôn vinh Vũ Hoàng Chương.

Kích thước cao ngất của Vũ Hoàng Chương mà Thanh Tâm Tuyền đã nhìn thấy rất sớm, tôi tiếp nhận được những minh chứng sáng rõ suốt thời gian mấy tháng cuối cùng ở gần thi sĩ. Cộng sản tới Sài Gòn, mọi người viết miền Nam đều ngừng viết. Kinh nghiệm sống rất giàu có với cộng sản của nhà văn miền Nam từ 1945 cho biết người viết miền Nam ý thức và tự trọng chỉ có hai thái độ: hoặc đối kháng, hoặc im lặng. Duy Vũ Hoàng Chương không im lặng. Bằng không im lặng rất hơn người, rất thi bá của ông đã nói, sống giữa cộng sản mà ông coi như không hề có cộng sản. Đã nói, giữa đại nạn, trước nguy cơ, ông phiêu hốt an nhiên, không thêm bận tâm, không thêm đối phó. Trời đêm cộng sản, mây đen phủ trùm mà ánh sáng của Bắc Đẩu vẫn sáng, sáng buổi sáng bị bắt, sáng bốn tháng trong ngục, sáng tới lúc từ trần. Trên suốt giải đất từ Nam Quan đến Cà Mau, thơ đích thực là thơ đã bị giết chết. Mà trên sàn Gác Bút hiu quạnh, thơ đích thực là thơ vẫn phun châu nhả ngọc, lại như tới lúc đó, cõi thơ tuyệt luân ấy, trời thơ lồng lộng ấy mới viên mãn, mới tràn đầy.

Chúng tôi ở lại, đem cái con người xã hội của mình ra đối phó với chế độ. Trước bạo lực man rợ, tri thức kiếm tìm phương thức đối phó, bắt buộc phải đặt nó trên cùng một bình diện với bạo

lực man rợ. Đương nhiên vậy. Không thể khác. Thái độ này đúng, nhưng Tây phương. Và bị đát, bị thảm khốn tả. Bởi tri thức cuối cùng vẫn bị bạo lực man rợ nghiền nát. Vũ Hoàng Chương không thể. Ông "muôn đời" hơn chúng tôi, Đông phương hơn chúng tôi, "thơ" và "thi sĩ" (vẫn hiểu theo tinh thần Đông phương muôn đời) vẫn hơn chúng tôi. Nên thể hiện được trước định mệnh chân lý đơn giản mà kỳ ảo này: bản ngã đạt tới đại thành là một bản ngã bất khả xâm phạm, bất khả hủy diệt. Một bản ngã cõi biếc. Không gọn, không bợn. Thành ra giữ cộng sản, chúng tôi kéo lết cái cái ý thức bị thảm quằn quại, rất nặng nề, bên cạnh một Vũ Hoàng Chương hết sức khinh thanh.

Những ngày tháng cuối cùng của thi sĩ óng ánh như vậy, tinh khiết như vậy. Rất thơ, như vậy. Đôi khi ông xuống đời thăm bạn. Xuống. Và hàng tuần tôi tới ông, từ dưới một mặt đất xã hội mà đi lên với Gác Bút đã cởi giải mọi oan khiên hệ lụy với đời.

Bấy giờ là khoảng tháng 7, tháng 8, 1975. Thời kỳ yên ổn vẫn còn, nhưng các nhà văn nhà thơ quân đội như Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, Cung Trầm Tưởng, Văn Quang, Phan Nhật Nam, đã bị gọi đi trình diện học tập, và thời gian một tháng đã qua mà không thấy họ trở về. Thêm một lần nữa, chân tướng sáo trá của Đệ Tam hiện rõ trong một lừa dối bất cổ liêm sĩ. Phòng trưng bày tội ác mở cửa. Và nhà văn miền Nam là tội ác. Những loạt bài đá kích dữ dội mở màn. Và trên mỗi đầu mỗi cổ người viết miền Nam, khởi sự một chồng chất những tội trạng tây đĩnh. Trong cái không khí không thể thở không thể sống như vậy, tôi sang Vũ Hoàng Chương, lần tới Gác Bút nào cũng mang ý định bàn với tri kỷ một cách thức đối phó. Lần nào, nhìn tôi lên ông cũng cười:

- Mấy ngày rày không thấy mày sang. Đang tính bảo vợ Đình Hùng đi hỏi. Tưởng bị bắt rồi chứ?

- Chưa nhưng rồi sẽ. Không thể không được.

Ông điềm đạm:

- Tao cũng nghĩ như vậy.

Tôi đọc những người có tên trong bản danh sách được gọi là danh sách Hoàng Trinh cho ông nghe. Hoàng Trinh là thông gia với Trường Chinh. Y vào Nam sớm nhất và được Bộ Chính Trị Trung Ương Đảng Ủy cho toàn quyền xử lý vụ "Văn Học Nghệ Thuật Miền Nam". Sau này thêm bớt con số người bị bắt, có nhiều danh sách khác. Như danh sách 21, danh sách 44. Nhưng danh sách Hoàng Trinh, 16 người được lập ra sớm nhất và tôi được biết ngay nhờ sự tiết lộ của một cán bộ đảng quen biết ngày trước, hấn đi theo Hoàng Trinh lên Đà Lạt, và được cho xem bản án tử hình này. Ông nghe rồi hỏi:

- Vậy là có hết tên chúng mày mà không có tên tao.

- Ít nhất cũng phải vậy.

- Mày nói thể là thể nào?

Tôi nói thể qua ý nghĩ về ông như một trường hợp riêng biệt. Từ một địa vị văn học văn chương riêng biệt. Và chính vì cái lợi của chúng, cho chúng, mà riêng ông, cộng sản phải để ông yên. Đúng vậy. Cộng sản đặt ông vào trường hợp đặc biệt thật. Duy sự đặc biệt ấy khi xảy ra, ngược hẳn với điều tôi nghĩ. Ông nhìn tôi rồi trầm ngâm:

- Tao cũng không biết thể nào.

Đó là phút trầm ngâm duy nhất với tôi, của Vũ Hoàng Chương về cộng sản, về số phận. Tôi nhớ không lầm. Phải, chỉ có một phút trầm ngâm một lần duy nhất ấy. Rồi Gác Bút được trả ngay cho nó, cho Thơ. Nhưng không ai nói ra mà Vũ Hoàng Chương thừa biết những ngày tháng cuối cùng của ông chẳng còn bao lâu nữa. Bởi vậy mà ông đã dành hết thời gian còn lại đó cho thơ ông.

Phải, cho thơ, phơi phới cho thơ, đêm ngày cho thơ. Thơ người, thơ mình. Khoảng 60 bài thơ cuối cùng được làm trên Gác Bút mà cộng sản đã lấy đi buổi sáng đến bắt ông, tôi hy vọng anh Bàn Bá Lân còn giữ được một số. Thượng Tọa Thích Đức Nhuận, Từ Mẫn một số khác, nếu đúng như chị Vũ Hoàng Chương đã nói với tôi như vậy. Về 60 bài thơ ấy, tôi chỉ còn nhớ được

cái không khí, cái thần thái rất phiêu hốt, rất Lý Bạch. Thời gian này, giảng cho tôi cái hay của Đường Thi qua một số hạt ngọc của thơ Đường, thi sĩ cũng nói đến Lý Bạch nhiều nhất. Một lần, ông đọc lại tất cả những bài thơ về Lầu Hoàng Hạc cho tôi nghe rồi nói:

- Bài của tên Thôi Hiệu vẫn hay nhất. Bài Nguyễn Du lần đi sứ qua Hoàng Hạc cũng được lắm. Tên Lý Bạch cũng vịnh một ngôi lầu, không phải Hoàng Hạc thì bài nó lại tồi. Kết mà bằng cái ý lầu xưa còn đây người xưa đâu tá là cái ý sáo và yếu. Chẳng hiểu sao nó không có bài cho Hoàng Hạc. Đã thế tao làm thay cho thằng Lý Bạch.

Và ông cười, đọc bài Hoàng Hạc Lâu của Lý Bạch đời Đường do Vũ Hoàng Chương nước Việt và đời sau làm thay cho. Thằng Lý Bạch. Tên Đỗ Phủ. Thằng Thôi Hiệu. Ở một người khác đó là cách nói ngạo sượng, nhưng tuyệt nhiên tôi không thấy sự ngạo sượng ấy ở Vũ Hoàng Chương. Thơ ông, lúc cuối đời, đã bay vào muôn đời. Có như là nói tới Lý Bạch, tới Đỗ Phủ nghìn cũ, Vũ Hoàng Chương không ngược đường trở lại với một không gian thơ và một thời gian thơ xa thẳm, mà chỉ như ông đang cùng ngồi một chiếu cỏ, đi cùng một con đường dương liễu, đang cùng sánh vai giữa một vùng non xanh nước biếc nào đó với họ Đỗ, họ Lý mà thôi. Đó là thơ, thơ trong häng cửu. Đó là cái chiều thứ ba, thơ Vũ Hoàng Chương đã từng bao lần nói tới. Thêm một chút về Lý Bạch. Một buổi chiều, ông nằm thiếp trên sàn Gác Bút, mãi mới gượng ngồi dậy được.

- Tao vừa ở nhà Mộng Tuyết về. Mệt quá.

- Còn tới đó làm gì cho mệt?

- Nề quá. Đào Duy Anh vừa vào. Ở nhà Mộng Tuyết, nói rất muốn gặp tao và muốn có một tập Rừng Phong đem về Hà Nội. Tao mang lên cho. May quá, còn đúng một tập. Thấy tao, Đào Duy Anh mừng lắm. Hấn cũng già quá rồi. Bây giờ ngồi một chỗ soạn tự điển thôi. Mà biết hấn nói với tao gì không? Tôi vào Nam chỉ để gặp anh. Thơ trước sau tôi vẫn chỉ yêu nhất có hai người. Là anh và Lý Bạch.

Tôi chép miệng, hồi tưởng lại một Đào Duy Anh trắng hồng, mạnh mẽ ngồi trước mặt ở hội nghị văn nghệ Lam Sơn, Cầu Bó ngày nào.

- Thế thì làm sao sống được bấy nhiêu năm ở Hà Nội?

- Phải sống. Làm thế nào. Trương Tửu bây giờ còn phải ngồi sao tằm thuốc Bắc, xem tướng tay trên một vỉa hè Bạch Mai thì Đào Duy Anh được họ cho ngồi yên với vài trang tự điển còn là may lắm.

Tháng 9, tháng 10, 1975. Đã nửa năm từ những buổi chiều tím thẫm hoang mang của Sài Gòn, thi sĩ từ một đầu hiên Tý Ngọ nhìn thấy câu thơ tuyệt diệu "trời ơi, giọt biển chứa dư tang điền" của mình hiện hình thành cái giọt biển đích thực long lanh trên dòng nhân thế tan tác đổ qua chân tường Gác Mây. Đã năm tháng trên Gác Bút không hề gác bút. Và thơ sống những ngày tháng của thơ giữa một đất Hoa Lư đã tưng quăn đến cùng cực. Cái quán cà phê Đêm Trắng của cháu Đình Hoài Ngọc ở đầu ngõ đã phải dẹp vì không có khách tới. Ngọc xoay sang nghề sửa xe đạp. Thằng cháu, trưởng thành hẳn trước đời sống cộng sản, can đảm gánh vác trách nhiệm trong nhà như một người đàn ông lớn; chị Đình Hùng, da bọc xương, đen thui vì mưa nắng dầu dãi, hàng ngày ngồi ngoài chợ Khánh Hội, mua đi bán lại vài cái quần áo cũ. Đôi lúc mất tinh thần, chị bảo tôi, tươi cười một cách ghê rợn: "*Vẫn có một liều đấy. Và một con gà mái béo dưới bếp. Chẳng cần gì nữa. Chán thì nấu một nồi cháo, sẽ mời anh sang ăn cùng, nếu anh cũng chán. Rồi cả nhà ta về quê.*" Liều đây là một gói nhân ngôn. Lặng lẽ ở một góc tường Gác Bút, chị Vũ Hoàng Chương cặm cụi ngồi dán những tờ giấy cũ thanh bao gói hàng. Dán cả ngày được chừng 300 bao, giao cho Tàu Chợ Lớn được một đồng tiền mới.

Đương nhiên trong hoàn cảnh này, Vũ Hoàng Chương không muốn bỏ cũng phải bỏ thuốc phiện. Cũng khổ sở ít ngày rồi ông qua được. Đó là sung sướng thứ hai của Vũ Hoàng Chương, sau sung sướng thơ. Ra thoát được trói buộc một đời tưởng chẳng bao giờ thoát, thi sĩ trẻ trung, nhẹ nhõm hẳn trong thanh bạch trong suốt, và ngọn đèn dầu lạc đôi khi được thấp không lên, chỉ để ám áp một mặt chiếu. Và hơi lửa là để khô mau những nét chữ rồng bay phượng múa còn ướt mực hơ nghiêng dưới ánh đèn.

Dưới ánh đèn ấy, một tối ông lục trong chồng sách rồi liệng cho tôi một tập Nhị Thập Bát Tú.  
- Hôm đó, anh em cùng ký tên vào trang đầu sách ghi lại buổi họp mặt. Bằng ấy thằng có tên ký đã đi xa chỉ còn mày. Mày không chỉ ký thôi còn viết thêm câu đó. Mà sao lại câu đó?

Tôi mở tập Nhị Thập Bát Tú. Chữ ký Thanh Nam, Phan Lạc Phúc. Chữ ký Tô Thùy Yên, Thanh Tâm Tuyền. Nhớ rồi. Lần đó còn ở Gác Mây. Một vài ngày gì đó sau Đêm Thơ Vũ Hoàng Chương. Bọn chúng tôi họp mặt với thi sĩ, lúc ngà ngà hơi rượu, đã cùng ký tên mình vào một bản Nhị Thập Bát Tú. Lướt tôi, vui tay tôi viết thêm một câu thơ của Vũ hiện đến trước nhất với trí nhớ lúc đó. Câu thơ đó là: "Xiết bao ngờ vực kiếp người đó ư?"

Câu thơ của bạn câu thơ ngờ vực kiếp người, ghi xuống một tập thơ của bạn, tập thơ kết thúc một ngôn ngữ thơ trác tuyệt với Nguyễn Du, bác học với Nguyễn Gia Thiều, và tới Vũ Hoàng Chương và Nhị Thập Bát Tú, rỗng bay phượng múa từng khuôn 28 chữ toàn bích, đầy trí nhớ tôi đem đó ở Gác Bút, trở lại với từng thời điểm đời sống nhân thế của thi sĩ.

Thời điểm tới, trôi qua, rồi chìm khuất vào quá khứ. Nhưng thời điểm nào mang tên Vũ Hoàng Chương cũng là một trọng điểm của thi ca Việt Nam suốt ba mươi năm trời. Khởi đầu là tính chất đại diện. Thi sĩ, giữa chúng tôi là một đại diện. Từ Đinh Hùng mất đi, vị thế đại diện ấy rõ rệt và duy nhất. Ông là người đại diện cuối cùng của dòng thơ tiền chiến. Dòng đại lưu ấy của thơ bị ngăn chặn lại bởi biến động 45, xuôi chảy yếu ớt đứt khúc với toàn dân kháng chiến, bị cộng sản hủy diệt dần dần cho tới chết hẳn, duy Vũ Hoàng Chương là người mang được nó chảy xiết vào thi ca miền Nam, khi hai miền đất nước tổ quốc đã chia lìa, miền Bắc không còn thơ nữa.

Dòng tiền chiến còn những đại diện khác của nó. Như Quách Tấn, Bằng Bá Lân. Khi Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Lưu Trọng Lư đã bị Đảng bức bách khai tử con người thi sĩ ở họ, họ thần phục và hết là thi sĩ, thi sĩ là giống nòi không chịu biết thế nào là ý nghĩa hai chữ thần phục. Nhưng ở cái bóng mờ Bằng Bá Lân, tính chất đại diện cũng bóng mờ. Quách Tấn cũng vậy. Quách Tấn cuối đời cũng chỉ là một chống chọi tuyệt vọng và bất thành trước đào thải đã là. Ngày một thăng hoa khiến vị thế đại diện tồn tại nguyên vẹn trước đào thải nhiều mặt, khiến ông vừa là người khai sáng vừa là người chuyển tiếp, khiến ông là một gia tài thơ cho cả một thế hệ thơ sau được kế thừa, chỉ có Vũ Hoàng Chương trong thơ chúng ta. Chỉ có Vũ Hoàng Chương mà thôi. Có nhìn Vũ Hoàng Chương trên trình tự thời gian khá dài của thơ, có đặt ông vào cuộc vận động cực kỳ lớn lao của thơ Việt từ 50 năm trở lại đây, mới nhận thức được trên mọi chiều hướng kích thước của nó, cái tài thơ phi thường ấy, nhà thơ vĩ đại của thơ Việt chúng ta. Tôn vinh ông là đệ nhất đương thời thi sĩ, Thanh Tâm Tuyền, nhà thơ lớn nhất của một dòng thơ khác, đã không đi theo một xô đẩy tình cảm nào. Chỉ là Thanh Tâm Tuyền nhìn nổi ông, bằng một cái nhìn lớn.

Mọi người là thi sĩ. Riêng ông là thi bá.

Bởi vậy mà với một chế độ tử thù với thơ, sau ngày 30 tháng 4-1975, Vũ Hoàng Chương phải bị giết chết. Ngày bắt ông, 13 tháng 4-96. Ngày ông mất 19 tháng 8 cùng năm. Chúng bắt ông sau cùng. Và giết ông trước nhất.

Trở lại với Gác Bút và câu thơ "Xiết bao ngờ vực kiếp người đó ư?", tôi nói:

- Trí nhớ tao lúc đó bắt gặp câu thơ ấy, vậy thôi.

Ông không chịu:

- Tại sao trí nhớ mày không gặp một câu khác?

Vui thú ông ngồi xồm lên, như một đứa trẻ vui thú:

- Bây giờ, bây giờ. Mày xem, lạ thật chứ, kiếp người đó ư?

Ông mở lại tập Nhị Thập Bát Tú, chỉ xuống chỗ ghi ngày tháng buổi họp mặt ở Gác Mây:

- Lúc đó chưa sao, đã có gì đâu. Chưa mất Buôn Mê Thuật nữa. Hay lúc đó trí óc mày đã linh cảm thấy cái sắp xảy ra, cuộc bể dâu này, mà chính mày không ngờ tới?

Tôi cười, lắc đầu, nhận lấy cho mình sự tình cờ thôi và trả về cho ông cái hiệu năng cách cảm tuyệt diệu với vị lai nhân thế, hiệu năng này là một hiệu năng thi sĩ, như ta đã thấy trên cái bình

diện tri thức nhìn suốt tám cõi, thấy suốt nghìn đời của thiên tài Nguyễn Du ngày trước. Đêm đó Gác Bút khá vui. Ông nhắc lại cùng tôi một số câu thơ có tính chất tiên tri của Đoàn Trường Tân Thanh. Rồi nhìn bữa nhậu thanh đạm chị Chương, chị Hùng đã tôi đã hết, ông moi ở dưới chiếu lên một tờ giấy mùi dòn mới, sai cháu Ngọc đi mua thêm rượu cho tôi uống. Cả Gác Bút cùng tròn mắt kinh ngạc trước Vũ Hoàng Chương có tiền. Ông cười:

- Hôm qua, hai thầy Từ Mẫn và Thích Đức Nhuận tới đây. Ở trọn buổi, lúc về đưa tặng tao mười đồng. Tiền bạn bè cho tao nhận được hoài. Nhưng nhà chùa tặng, lần đầu tiên có. Có lẽ hai thầy cũng tiên tri, biết phải đưa tiền cho tao để hôm sau mua rượu cho mày.

Có thêm rượu, tôi ở lại thêm, hưởng thêm một lần nữa, cái thú ngất ngưỡng ngồi xếp chân vòng tròn, đối diện với bạn, lấy được cái phong cách coi đời như không của bạn, an nhiên trước mọi chuyện và thây kệ ngày mai. Kéo dài câu chuyện những lời thơ tiên tri như "Xiết bao ngờ vực kiếp người đó ư?" Tôi kể cho ông nghe về một Hoàng Hải Thủy mới. Từ sau ngày 30 tháng 4, Thủy đóng cửa nằm nhà và tìm được một nguồn vui mới: làm thơ. Thủy dịch thơ Mỹ thành thơ Việt, dịch thơ Thủy sang Anh ngữ, chép thành một tập nắn nót, mỗi lần tôi đến mang ra đọc, cười cười như có ý nói: với thơ, tao là một thằng ngoại đạo nhưng tao thích và thơ tao đây này, hay dở bất cần. Mỗi bài thơ, Thủy đề tặng một người bạn. Thơ Thủy, tinh thần và khí thơ Nguyễn Bính, rất minh bạch. Làm thơ về nhạc Hoài Bắc, tặng Hoài Bắc, về tiếng hát Thái Thanh, tặng Thái Thanh, về đời sống lang thang của Lê Trọng Nguyễn, tặng Lê Trọng Nguyễn. Vui lắm. Coi như mỗi bài thơ là một bức chân dung, vẽ xong tặng ngay cho người mẫu. Duy hôm đọc cho tôi nghe bài tặng Vũ Hoàng Chương, Thủy cười trước khi đọc:

- Cái này tao láo đây. Thơ tao để tặng bạn thôi thì được. Dám tặng cả bậc thầy là xấc. Nhưng bài thơ có từ một dòng kính trọng. Nói đến lòng kính trọng ấy. Bây giờ tao mới thấy phục Vũ Hoàng Chương vô tả. Thấy thơ ông ta tiên tri không?

Tôi hiểu Hoàng Hải Thủy muốn nói gì. Bây giờ cuộc di tản hơn trăm ngàn người Sài Gòn ra Đệ Thất Hạm Đội vừa qua.

Câu chuyện hàng ngày của những người ở quê hương là những người đang lênh đênh trên mặt biển. Về những đắm ngọc chìm châu đã diễn ra ngoài biển Đông nghìn trùng. Về con tàu Thương Tín, đến không đến, về chưa về, lắt lay số phận. Mặt khác, hàng triệu người Sài Gòn bắt đầu bị báo chí và cán bộ cộng sản từ Bắc vào chửi rửa là đầu cơ chiến tranh, ôm chân thằng địch. Chịu trận, hàng ngàn người Sài Gòn, những lúc trà dư tửu hậu với nhau, đều đọc hai đoạn thơ này của Vũ Hoàng Chương:

*Lũ chúng ta lạc loài dẫm bầy đũa  
Bị quê hương ruồng bỏ giống nói khinh  
Bể vô tận xá gì phương hướng nữa  
Thuyền ơi thuyền theo gió hãy lênh đênh.*

*Lũ chúng ta đầu thai làm thế kỷ  
Một đôi người u uất nổi trơ vơ  
Đời kêu bạc không dung hồn giản dị  
Thuyền ơi thuyền xin ghé bến hoang sơ.*

Một lần Thanh Tâm Tuyền đã nói với tôi về một hiện tượng ngôn ngữ đặc biệt thường thấy và chỉ có ở những tài thơ lớn, qua một số câu thơ bất chợt có được một số mệnh đặc biệt khi trở thành, từ một lúc nào không hay biết, ngôn ngữ thường dùng của quảng đại, như lời nói thường, trong đời sống hàng ngày. Những người chưa từng biết đến thơ, trọn đời chẳng hiểu thế nào là thơ, bỗng sống thơ, nói thơ, bởi tâm trạng đám đông một thời đã được nói hết trong một câu thơ và quảng đại đã hồn nhiên xử dụng câu thơ ấy như lời nói thường ngày mà không hề biết rằng lời nói thường ấy chính là một lời thơ, của một thi sĩ. Nhà thơ lớn không chỉ bắt hủ với văn học, mà còn bắt hủ với đồng loại, với cùng thời, với cái cao quý nhất của đời sống là



đời sống hàng ngày là vậy. Dân gian đã nói thường với nhau, chứ không phải đã đọc thơ, như thế, hàng trăm câu thơ Nguyễn Du.

Từ cộng sản chiếm được miền Nam, hơn ba triệu người Sài Gòn đều "nói" Vũ Hoàng Chương. Thấy nhau là "*Lũ chúng ta lạc loài năm bảy đũa.*" Gặp nhau là "*Lũ chúng ta đầu thai làm thế kỷ...*" Thật cảm động và cũng thật tức cười. Và đó cũng là một lý do nữa trong những lý do gây tai họa sắp tới cho thi sĩ.

Sau đêm ở lại Gác Bút tới sát giờ giới nghiêm mới về và được thi sĩ đãi một bữa rượu bằng tiền của Thượng Tọa Thích Đức Nhuận mà tôi không ngờ là bữa rượu cuối cùng của mình ở đất Hoa Lư, bằng đi hai tuần, tôi không sang phùng Cây Bàng. Thời gian này, ngày bầu cử Quốc Hội Thống Nhất mà Hà Nội thực hiện trong mục đích xóa bỏ hoàn toàn Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, sắp tới. Trong chiều hướng hạ nhục, không cho văn nghệ sĩ miền Nam có tội đi bầu và như vậy mặc nhiên bị đặt ra ngoài vòng pháp luật, một chiến dịch đả kích thô bạo và cực kỳ dữ dội lại bùng nổ trên báo chí, đài phát thanh cộng sản. Lần này là nhất tề khai pháo. Là đồng loạt tấn công. Từ tờ Cộng Sản, tờ Học Tập, tờ Văn Nghệ, tờ Giai Phẩm Mới tới các tờ Giải Phóng hàng tuần và hàng ngày ở Sài Gòn. Kết tội. Lên án. Đòi trừng phạt. Nhắm vào các "nhà văn chống cộng" của miền Nam, nặng nề nhất là nhóm Sáng Tạo. Từ cơ quan được gọi là Bảo Vệ Văn Hóa đặt tại một căn nhà số chẵn đường Hai Bà Trưng, nơi bọn Vũ Hạnh, Sơn Nam hàng ngày thì thọt lui tới, với những bản báo cáo mật (thực ra cơ quan này là một bộ phận của An Ninh Thành Ủy Đảng, đặc trách về văn nghệ "ngụy"), bản danh sách 44 người sẽ bị bắt đã được hoàn tất, mỗi nhà văn miền Nam có tên trong sổ đen đã mỗi người có một hồ sơ tội trạng riêng. Tôi được thấy một phần hồ sơ tôi. Bởi nữ ca sĩ Mỹ Hòa. Hòa bây giờ ở Pháp, lúc đó có nhà riêng ở Thị Nghè, trước rạp Cao Đồng Hưng và giao du rất thân thiết với Hoài Bắc. Một tối Hòa mời tôi và Hoài Bắc sang nhà ăn cơm. Rồi nói với tôi:

- Từ nay anh đừng ở mãi một địa chỉ nữa. Mà phải có ba bốn địa chỉ khác mới được. Một thằng an ninh đương chạy theo bọn em, em nói khéo, nó cho xem hồ sơ. Anh Hoài Bắc không sao. Chúng định bắt rồi thôi. Tên anh thì chắc có rồi. Tội một chồng đầy. Chỗ nào tội nặng đều có khoan bút chì đỏ. Anh phải sống lưu động đi mới được. Đừng chịu trận một chỗ cho chúng đến bắt làm chi.

Tôi không nói gì. Cũng chẳng nghĩ gì, chẳng tính được gì trước tự do của mình chỉ còn đếm từng giờ, từng phút. Lòng như đã chết, từ Thanh Tâm Tuyền, từ Phan Lạc Phúc, từ Tô Thùy Yên lưu đầy xa. Chúng ta trồng tình bằng hữu khít liền. Thơ Thanh Tâm Tuyền đó. Tình bằng hữu một đời của bọn chúng tôi trồng thành một cánh rừng xanh ngắt. Cánh rừng ấy đã bốc cháy, bị đốt gẫy, từng gốc một. Những bạn bè khác đã đi xa, đã ở bên kia chân trời, bên kia trái đất. Các anh Doãn Quốc Sĩ, Nguyễn Sĩ Tế cũng đã có tên trong bản án tử hình. Trước sau cũng như nhau. Cũng bị bắt. Chẳng có vấn đề gì nữa. Riêng còn Vũ Hoàng Chương. Tôi vẫn còn nuôi ý nghĩ và hy vọng là riêng ông, riêng địa vị văn học đặc biệt của ông, cộng sản sẽ để ông yên. Trên ý nghĩ đó, tôi trở lại phùng Cây Bàng buổi tối hôm sau. Có như biết mình lâm nguy rồi, mà không đến từ biệt bạn ở lại, ở tôi có điều gì không phải vậy.

Đó là lần gặp mặt cuối cùng với Vũ Hoàng Chương. Không bao giờ tôi còn được gặp ông nữa.

Nhớ hôm đó trời khô ráo, nhưng phớ xá tối thắm, tôi phải dắt xe đi bộ vào Gác Bút từ ngoài đường lớn. Đêm cộng sản hàn băng trong tâm hồn người. Thê lương trên khắp một vùng Khánh Hội. Gác Bút le lói ánh đèn cuối cùng đáy một con ngõ biệt khuất khúc và tối thui. Tôi để tựa cái xe đạp vào một bên tủ thờ Đinh Hùng, đi theo chị Vũ Hoàng Chương trên cái cầu thang nhỏ hẹp. Mọi người chừng như đã sửa soạn đi ngủ. Riêng thi sĩ còn thức, đang ngồi xồm trước một ấm đồng nhỏ xíu. Thấy tôi ông mừng rỡ:

- Hay lắm tưởng cái ấm trà này, tao phải uống một mình chứ. Ngồi xuống đây. Cả tuần nay mày đi đâu? Vừa bảo với Kiều Oanh, mai không thấy mày sang, sẽ sang mày, nhân tiện tới thăm Hỷ Khương một chút.

Tôi cười, lòng đang nặng trĩu, bất chợt mọi buồn bã tiêu tan, như làn nào cũng vậy, từ ngoài nhân thế ưu phiền tới Góc Mây, Góc Bút, ngồi xuống, xếp chân vòng tròn, đối diện với tri kỷ, đối diện với Vũ Hoàng Chương. Ông pha xong khay trà, đẩy tới:

- Thứ trà này gọi là Kỳ Chưởng. Chỉ có một tiệm Tàu trong đường Khổng Tử Chợ Lớn có mà thôi. Đắt quá. Những ngàn rưỡi một lạng. Gấp bốn lần trà thường. Thành ra hết lại phải lặn lội vào trong ấy mua, đi về mất cả buổi, và lần nào cũng chỉ dám mua một lạng.

Kỳ Chưởng thật đáng. Ngẫm nghĩ mãi mới thấy vị ngọt ngào nổi dần trong đầu lưỡi. Rất hợp với sở thích về trà của Vũ Hoàng Chương.

Ông nheo mắt nhìn tôi nhấp nhấp Kỳ Chưởng nóng bỏng. Rồi lại nhắc đến Nguyễn Tuân:

- Thăng Tuân ngày trước đi cô đầu đòi bằng được Thiết Quan Âm. Thiết Quan Âm cũng ngon ở cái đấy. Nhưng không sánh bằng Kỳ Chưởng.

Tôi im lặng uống trà, tròn mắt, theo thói quen có từ trí nhớ đã suy yếu, cố gắng ghi nhận trong một lần chót cảnh tượng một nơi chốn thân thiết lưu luyến lát nữa rồi bỏ, không hy vọng có ngày trở lại. Góc Bút đây. Đắt linh Hoa Lư đây. Chỗ ở cuối đời của thiên tài đây. Người xưa tiễn nhau nơi chân cầu có liễu rủ in hình trong bóng nước, bẻ gãy một nhánh liễu từ tạ đưa tay người lên đường. Và thơ Vũ Hoàng Chương: *"Ai về đất cũ giùm ta nhắn, rằng kẻ vào Ngô nhớ Lạc Dương."* Gió đêm từ ngoài phường Cây Bàng thổi vào Góc Bút đem đó niềm u uất quan ái, đúng vô tả giữa thế giới cộng sản hiu hắt, và tôi, trấn áp mọi xúc động từ biệt, uống thêm một tách Kỳ Chưởng nữa trong cái tinh thần Lạc Dương ngậm ngùi. Trước mắt tôi, bên kia ngọn đèn, Vũ Hoàng Chương ngồi lúi lúi, tựa lưng vào tấm chắn bông cuộn tròn.

Biết mình sắp bị bắt, có thể đã bị theo dõi, tôi nghĩ không nên ngồi lâu nữa. An ninh cộng sản có cái kiểu bắt được một người ở đâu, bắt luôn chủ nhà theo. Tôi lục tìm trong đám sách vở, bản thảo để bừa bãi trên mặt chiếu, lấy ra tập Nhị Thập Bát Tú có câu thơ *"Xiết bao ngờ vực kiếp người đó ư?"* viết thêm vào đó một câu nữa. Rồi ký tên và đề ngày tháng. Hôm đó là ngày 28 tháng 3 năm 1976.

Thi sĩ cười:

- Mà viết thêm gì đó?

Tôi lẳng lặng liệng tập Nhị Thập Bát Tú qua ngọn đèn. Ông đón lấy, dùng kính hiển vi, soi sát trang sách rồi ngạc nhiên:

- Không phải thơ tao.

Tôi gật:

- Không. Văn tao.

Câu tôi viết là "Cứ coi như từ biệt."

Đoạn, trước chị Chương, chị Hùng, cháu Ngọc tới ngồi chung quanh, tôi nói rõ lý do tại sao tới Góc Bút đêm nay là lần cuối cùng. Mọi người im lặng. Một lát cháu Ngọc nói:

- Nếu phải rời nhà, mời bác đến ở đây với bác cháu và mẹ con cháu.

Chị Đinh Hùng thở dài, hậm hực:

- Vậy là chúng nó không để ai yên nữa!

Rồi chị chửi thề bọn khốn nạn.

Riêng Vũ Hoàng Chương không nói với tôi một lời nào. Chỉ rất cẩn thận, pha thêm cho tôi một tách trà nữa. Lúc tôi đứng lên, đi tới đầu lối xuống cầu thang, ông mới gọi:

- Ở đâu, tìm cách cho tao biết.

Tôi gật, nhưng sau đó, không làm theo. Và thơ cuối đời của Vũ Hoàng Chương vì vậy mà có thêm một bài thơ năm chữ. Bài Cứ Coi Như Từ Biệt.

Buổi sáng ngày 13 tháng tư năm 1976 (phần hồi ký này viết theo lời chị Vũ Hoàng Chương thuật lại) là một buổi sáng ấm áp, nhưng đêm trước lộng gió, lạnh, thi sĩ bị cảm, đã 9 giờ còn đắp chăn nằm trên mặt sàn, không sao ngồi dậy được. Mọi người trên Góc Bút, trừ chị Chương, đã ra khỏi nhà. Chúng đến, từ phía Sài Gòn. Bốn chiếc Jeep đầy nhóc an ninh áo vàng mang súng ống như cho một hành quân lớn ầm ầm vượt qua cầu Calmette, khu chợ

Khánh Hội, phóng thẳng tới phường Cây Bàng và ngừng lại trước con ngõ nhỏ dẫn vào Gác Bút. Bọn an ninh cộng sản, trên 20 đứa, tới tấp nhảy xuống xe. Khoảng khắc, cả phường Cây Bàng bị vây kín. Sau này tôi được biết là đến bắt các anh Nguyễn Mạnh Côn, Doãn Quốc Sĩ, Duyên Anh, vợ chồng Trần Dạ Từ và tôi, an ninh đồ chỉ điều động một lực lượng từ 4 đến 6 đứa, trên một hoặc hai xe Jeep là cùng. Thường thường điều động thế này, như trường hợp đến vây bắt tôi: hai đứa đứng ở vỉa hè đối diện, bên kia đường, hai đứa đứng sát hai bên cửa ra vào, hai đứa vào. Bắt được người rồi, bốn đứa ở ngoài mới vào theo, cùng lục soát tịch thu tài liệu. Vây bắt công khai nhưng tránh gây náo động. Trường hợp Vũ Hoàng Chương khác hẳn. Chúng chạy rầm rập, trí sủng, mai phục theo tư thế chiến đấu, phá tan bầu không khí yên tĩnh của cả phường Cây Bàng buổi sáng hôm đó. Dân chúng xung quanh Gác Bút thất kinh. Có người hỏi, chúng trả lời: "Phải huy động một lực lượng lớn lao như thế này để tóm trọn ổ một bọn cướp (!) lợi hại."

Sự náo động đột ngột dưới chân tường Gác Bút, tiếng la thất thanh của chị Vũ Hoàng Chương từ trên lầu chạy xuống khi bọn sát nhân xô cửa ập vào đánh thức thi sĩ khỏi giấc ngủ chập chờn. Ông gắng gượng ngồi dậy, lấy áo gấm mặc vào người, ngồi thật thẳng giữa chiếu, bất động, chờ đợi.

Suốt thời bọn Khuyển Ưng Khuyển Phệ tới làm tan hoang Gác Bút với sự hôi tanh kinh tởm toát ra từ con chó chết xã hội chủ nghĩa chúng mang theo (tôi dùng lại danh từ của Soljenitsyne), tâm thức phóng thoát rời đứt với thân thể ô trọc ở thi sĩ thể hiện một lần nữa. Lần cuối cùng. Ông không kinh hãi, cũng không phẫn nộ. Ông không bất ngờ, cũng chẳng ngạc nhiên. Chỉ ngồi thẳng, thành tượng, mắt nhắm lại, thu hết tâm thức đã hợp nhất với đời đời vào nội giới đóng kín.

Bọn quỷ dữ ở lại trên Gác Bút hơn hai tiếng đồng hồ. Suốt thời gian này, thi sĩ không thém nói với chúng một lời nào. Chúng hỏi, ông không trả lời. Chúng đọc bản cáo trạng, lệnh bắt giữ, ở ông chỉ một thoáng nhún vai rồi ngồi yên như cũ. Riêng chị Vũ Hoàng Chương không sao thản nhiên được, chị uất ức gào lên: "Chồng tôi làm gì mà bắt chồng tôi?" Thì được tên thủ trưởng của bọn quỷ dữ trả lời là sau đại thắng của cách mạng, tên thi sĩ phản động kia vẫn còn làm thơ chống phá cách mạng và cho phổ biến khắp Sài Gòn những bài thơ chống phá chế độ ấy. Rồi là cuộc lục soát và tịch thu tàn nhẫn. Từ những cuốn sách đến từng tờ bản thảo. Lúc mặt trời đứng bóng trên mái lầu Gác Bút, cuộc lục soát xong, hai thằng lực lưỡng nhất bọn quỷ tiến lại, xốc nách thi sĩ đứng lên, kèm ông xuống cầu thang. Dân chúng lảng giềng với Gác Bút đứng chặt lòng con ngõ khi chúng dẫn thi sĩ đi ra và đưa thẳng ông vào khám lớn Chí Hòa.

Khoảng 11 giờ sáng ngày 3-4-1976, một ngày sau Nguyễn Mạnh Côn, 5 giờ sau Trần Dạ Từ, Nhã Ca, Dương Nghiễm Mậu, An ninh Thành mang lệnh truy nã của Ủy Ban Quân Quản tới bắt tôi ở nhà riêng đường Phan Đình Phùng. Nhờ sự tình cờ vừa ra khỏi cửa lúc đó, tôi thoát lưới và đi luôn vào ẩn lánh.

Mọi liên lạc giữa tôi và thi sĩ đứt đoạn hẳn. Từ chỗ ẩn, ném những đường dây tìm hiểu tin tức ra ngoài đời sống, đặc biệt về số phận những nhà thơ, nhà văn miền Nam mà cuộc đàn áp văn nghệ đã làm chần động dư luận dân chúng Sài Gòn, tôi vui mừng được biết Vũ Hoàng Chương vẫn còn ở phường Cây Bàng, không bị bắt. Chúng để ông yên thật sao? Như chưa bắt giáo sư Nguyễn Đăng Thục? Như còn để đó học giả Hồ Hữu Tường? Trong suy luận tôi, chúng "phải" để cho Vũ Hoàng Chương yên. Bởi cái địa vị đặc biệt của ông trong văn học, không phải từ 1954, mà từ xa trước, từ tiền chiến. Bởi bắt chúng tôi, để yên Vũ Hoàng Chương chúng sẽ thành công phần nào trong việc chia rẽ hàng ngũ văn nghệ sĩ miền Nam, như chúng đã để yên Lê Trảng Kiều, Đỗ Đức Thu, không bắt Vũ Bằng. Tôi lầm. Ở chính trong cái đúng của mình. Cùng thành danh thời tiền chiến nhưng kích thước Vũ Hoàng Chương trước "đánh giá" của cộng sản không cùng một kích thước với Lê Trảng Kiều, Đỗ Đức Thu và Vũ Bằng. Mà lớn lao hơn gấp bội. Do đó nguy hiểm hơn gấp bội. Không để cho thiên tài được sống. Đó là quy luật đỏ. Đại trí thức, đại thi sĩ phải dồn vào ngục tối. Đã như vậy ở Bắc Kinh, ở Mạc Tư Khoa. Để cho sáng ngời ngôi sao Bắc Đẩu trên vòm trời thi ca hai miền, thơ Hồ Chí Minh, thơ Tố

Hữu, thơ Chế Lan Viên, Xuân Diệu, Huy Cận, sao còn là thơ được nữa? Vũ Hoàng Chương bị bắt chậm hơn chúng tôi ít ngày chỉ vì Đảng Ủy Miền, riêng trước ông không dám quyết định mà phải chờ Hà Nội.

Một đêm, trên đường rời một chỗ trú ẩn bị động đến một chỗ ẩn mới, tôi tạt vào nhà một người bạn, anh H. ở đường Cao Thắng. Như tôi, anh H. rất yêu thơ Vũ Hoàng Chương. Là một trong ít người, ngày 30-4-75 vẫn lui tới Góc Bút thăm hỏi thi sĩ những ngày nằm bệnh. Thấy tôi H. ngạc nhiên và mừng rỡ. Và nói ngay với tôi về Vũ Hoàng Chương:

- Trời, anh đang ở đâu? Tôi vừa sang phòng Cây Bàng, anh Chương đã biết anh bị truy nã, nhưng không biết anh nằm ẩn ở chỗ nào. Nhờ tôi cố gửi cho anh cái này đây.

H. lấy ở dưới chân cây đèn ra một tờ giấy gấp nhỏ. Tôi mở ra đọc. Đó là một bài thơ năm chữ. Đề gửi M.T. Tựa đề của bài thơ là câu tôi đã viết vào tập Nhị Thập Bát Tú, lần cuối cùng trước khi bị truy nã tôi từ biệt thi sĩ ở Góc Bút: Cứ coi như từ biệt. Tôi đọc bài thơ. Xúc động. Mang theo nó về chỗ ẩn mới. Bây giờ chỉ còn nhớ được đoạn đầu và hai câu cuối bài:

*Cứ coi như từ biệt*

*Liên tay thảo một chương*

*Bút vạch không thành nét*

*Chữ viết không thành hàng*

*Bây giờ trở về trước*

*Là mây trời dọc ngang*

*Từ nay là bóng tối*

*Chia hai từ dao vàng*

Liên tay thảo một chương. Bài thơ được làm ngay đêm đó, đêm tôi rời Góc Bút. Tôi không chắc chắn. Nên chỉ viết: Cứ coi như. Nhưng ông tri thức về trước sau, về mắt còn thâm sâu hơn tôi nghìn lần, ông đã biết. Biết tôi không thể nào còn trở lại Góc Bút. Biết chẳng thấy nhau nữa. Mãi mãi. Và còn biết, chính ông cũng chẳng còn sống thêm bao nhiêu nữa, trước kẻ thù.

Thi sĩ ngồi tựa vào thành ghế, hai mắt nhắm lại, nét mặt khép kín, xa vắng. Bọn quỷ dữ vội vã rút khỏi phòng Cây Bàng, nơi chúng vừa gây nên tội ác lớn lao nhất đối với thi ca và văn học Việt Nam. Buổi trưa Khánh Hội sững sờ, chấn động. Bốn chiếc xe Jeep mở hết tốc lực trở về Sài Gòn, hướng về khám Chí Hòa. Đó là tất cả những hình ảnh cuối cùng người đời thấy được ngày 13 tháng 5 năm 1976, về thi sĩ Vũ Hoàng Chương, 61 tuổi, với cội thơ trác tuyệt mở ra với nó một thời và đóng lại với nó một thời.

Hơn 4 tháng nằm trong ngục tối của thi sĩ, không ai có được những chi tiết đầy đủ. Kể cả chị Đinh Hùng, chị Vũ Hoàng Chương, cháu Vũ Hoàng Tuấn, cháu Đinh Hoài Ngọc, những người đêm ngày ở cạnh chỗ nằm của ông suốt 5 ngày hấp hối. Trở về Góc Bút, thể chất trút thoát dần dần những tinh khí cuối cùng, thần trí Vũ Hoàng Chương vẫn cực kỳ minh mẫn sáng suốt. Tới đêm lâm chung. Tới phút từ trần. Nhưng thi sĩ không nói, không nói một lời nào về bốn tháng Chí Hòa. Ngày thứ hai của năm ngày chót ông mê đi. Tưởng ông đi, chị Vũ Hoàng Chương lớn tiếng kêu khóc. Ông dịu dàng: "Tôi còn sống đây." Rồi nói đùa: "Bị bắt vẫn còn oai. Được thủ tướng hầu hạ." Thủ tướng đây là bác sĩ Phan Huy Quát, ở cạnh phòng ông, phòng tối số 6. Buổi chiều ngày thứ ba, ông quần quai đau đớn hết một lúc. Thấy vậy chị Vũ Hoàng Chương lo lắng hỏi: "Ở trong ngục anh có bị chúng hành hạ gì không?" Ông trả lời: "Chúng cần gì hành hạ. Chỉ bỏ đói là đủ cho mình chết." Vậy thôi. Ngày thứ năm, ngày 17 tháng 9, 1976, Góc Bút yên tĩnh với thi sĩ nằm đó, trên mặt sàn hiu quạnh. Rồi ngày hết, đêm xuống. Và định mệnh mở rộng cánh tay như một lớp sóng mênh mêng vô tận đón ông vào đời đời lúc đó là vừa đúng 12 giờ đêm.

Mãi hơn hai tháng sau, một đêm mưa lớn, từ một chỗ ẩn mới bên quận Bình Thạnh vùng xa lộ Biên Hòa lặn lội trở lại khu Cao Thắng Bàn Cờ thăm H., cũng là để có tin tức về bạn từ bài thơ từ biệt, tôi mới được H. ngậm ngùi cho biết tin thi sĩ đã qua đời.

Đêm đó, con ngõ dẫn vào nhà H. ngập nước. Tôi bì bõm lên tới căn gác xép nơi họp mặt ngày trước của các anh Vũ Khắc Khoan, Mặc Đỗ, Nghiêm Xuân Hồng và bọn nhà văn chúng tôi say rượu đêm đêm chán đời kéo nhau về đó tán chuyện trên trời dưới biển, thân thể tôi còn ướt đầm, chân tay lạnh cóng. Và nghe tin bạn mất, tôi không còn một phản ứng nào hết. Chỉ lẳng lẳng ngồi xuống, hơ hai bàn tay lạnh lên ngọn đèn, nhìn đăm đăm những ngón tay ẩm dần, hồng dần trên lửa. Một đêm cộng sản, tin dữ về thiên tài thơ, một tri kỷ được đón nhận như thế. Trong thờ ơ nhân thế, trong hiu quạnh cõi đời, trong giới nghiêm tâm tối, trong trống không vô cùng vô tận. Trên một sàn gác xép hiu quạnh.

Một lát thật lâu. Mưa ào ạt trên mái. Rồi H. hỏi:

- Anh không biết gì sao?

Tôi lắc đầu, nói nơi ẩn náu lần này xa khuất, ra ngoài gần như không được, tôi dứt hết mọi liên lạc, kể từ gặp H. lần trước.

Rất ít người biết. Chúng tôi cũng không biết. Bọn khốn nạn hiểu rõ cái chết của anh Chương sẽ gây chấn động lớn. Chúng tìm hết cách bịt đi. Mấy ngày sau đám tang, chị Vũ Hoàng Chương tới đây, xõa tóc, mặc đại tang, chị khóc lóc nói anh Chương đi mà chị không làm sao báo tin dữ đến bạn bè. Cáo phó cháu Đình Hoài Ngọc đưa đăng trên tờ Tin Sáng, bọn Ngô Công Đức hèn đón đã thu tiền nhận đăng sau lại gửi trả tiền nói An Ninh Thành Ủy cấm. Thành ra đưa anh Chương tới nơi an nghỉ cuối cùng chỉ có mấy người trong nhà đi sau linh cữu. Bọn Phụng Khóm được lệnh còn cấm cả hàng xóm láng giềng phường Cây Bàng không cho tới chia buồn và phúng viếng. Nhà không còn một đồng một chữ, chị Chương cuống cuống không biết xoay sở thế nào. May được Thầy Thích Đức Nhuận và Từ Mẫn tới, lo liệu mọi chuyện. Từ áo quan tới xin đất nghĩa trang.

- Anh Chương nằm ở đâu?

- Xa lắm. Một nghĩa trang làng mới có từ sau 30 tháng tư. Hết vùng Chí Hòa, Lê Văn Duyệt còn phải đi một quãng nữa. Năm mươi ngày của anh Chương cũng không được làm ở nhà, sợ Phụng, Khóm gây khó dễ. Mà ở chùa Giác Minh.

- Có những ai tới?

- Chừng mười mười lăm người, trong số đó có Nguyễn Hoạt, Bàn Bá Lân, Nguyễn Hiến Lê, Vương Hồng Sển. Mọi người đều yên lặng cả. Chỉ có Nguyễn Hiến Lê, trước lúc ra về, nắm lấy tay chị Chương, an ủi: "Chị đừng đau buồn nhiều. Anh mất thế là thoát. Bọn chúng tôi bây giờ sống cũng như chết, muốn được như anh mà không được." Thế nhưng cái tang văn học này, Lê Trảng Kiều cho tôi hay ở ngoài nước nhiều nơi lại biết ngay. Như ở Đài Loan, Hội Văn Bút bên ấy đã tổ chức ngay một lễ truy điệu rất trọng thể. Buổi lễ có thuật lại sự nghiệp, tiểu sử và bình một số thơ dịch ra chữ Hán của thi hào Việt Nam vừa bị cộng sản sát hại. Đâu như ở Paris, một số kiều bào yêu thơ Vũ Hoàng Chương cũng đã làm một lễ tưởng niệm tương tự. Đêm đó, tôi ra khỏi nhà H. trận mưa đã dứt, nhưng con ngõ còn ngập nước. Suốt dọc đường trở về chỗ ẩn, tôi cứ nghĩ mãi đến mấy câu thơ từ biệt của bạn:

*Từ nay trở về trước*

*Là mây dọc ngang trời*

*Bây giờ là bóng tối*

*Chia đôi từ dao vàng.*

Dao vàng. Tại sao dao vàng? Con dao vàng chặt đứt âm dương, đảo lộn trình tự thời gian, có phải lấy ý từ câu thơ "Tóc mây một món chiếc dao vàng" của Đoàn Phú Tứ? Hay từ một điển tích nào của thơ Tống thơ Đường? Tôi không chắc chắn được là thế nào. Người sử dụng đặc địa và thần sầu nhất cái kho tàng điển tích, sử dụng và không bao giờ nô lệ cho điển tích, chỉ có một người trong thi ca Việt Nam và người đó đã mất. *Ngẫm câu triết liễu còn sa lệ.* Cái giọt lệ

nhỏ xuống cho bằng hữu, cho tri kỷ ấy, đêm ấy trên đường trở về chỗ ẩn, tôi đã muốn có cho tôi biết chừng nào. Trời thơ Việt Nam, từ chuyên chính đỏ, từ Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên đã xa, từ Bùi Giáng đã khóc cười giữa chợ, ánh sáng của phong cách và biểu tượng của trí tuệ thu gọn vào một người. Mọi cõi thơ đáng gọi là những cõi thơ bậc thầy đã mất. Chỉ còn cõi thơ đất Hoa Lư. Mọi tiếng thơ đáng gọi là những tiếng thơ một thời đã chết. Chỉ còn tiếng thơ Gác Bút. Người anh cả của thi ca Việt Nam suốt nửa thế kỷ đó. Ngọn núi sừng sững cao ngất đó, cây cờ sụy ngạo nghệ phát phối đó của trận tuyến văn học ta, khi trận tuyến đã vỡ, và tới hơi thở cuối cùng. Tri kỷ của tôi nữa. Lấy cái riêng mà đo, lấy cái chung mà lường, tính chất tiêu biểu, đại diện của Vũ Hoàng Chương cho thơ ta ở thi sĩ, trong những ngày tháng cuối cùng, giữa cộng sản, càng chói lợi hơn bao giờ hết. Ông mất đi, sự mất mát càng lớn là vì thế. Trong một tuyệt vọng ý thức hơn là một đau đớn thường tình, tôi trở về chỗ ẩn đêm đó dưới trời khuya. Trời mưa đã dứt. Nhìn lên, những vì sao lác đác. Nhưng trời thơ Việt Nam đêm đó tối thẫm. Chỉ còn lại một ngôi sao Bắc Đẩu và Bắc Đẩu cũng đã tắt.

Trước ngày vượt biển, tôi trở lại phường Cây Bàng hai lần. Lần đầu, tới sát Gác Bút chỉ còn mấy bước lại phải quay trở ra. Lần đó trong nhà đầy tiếng nói. Nghe qua ngôn ngữ chúng, đúng là bọn thanh niên phường khóm. Chúng đang chỉ dẫn cho cháu Ngọc khai báo gì đó. Lần sau, tôi chọn tới vào buổi trưa, khu xóm vắng vẻ hơn, và ngồi ở một quán cóc đầu ngõ cho người liên lạc chở xe gắn máy tới vào trước xem tình hình trong nhà thế nào. Năm phút sau, người liên lạc trở ra. Nói nhà không có ai, bà Vũ Hoàng Chương mời ông vào.

Đen xam, gầy quắt trong bộ tang phục lem luốc, khăn trắng ngang đầu, chị Vũ Hoàng Chương đứng sau cánh cửa mở hé, gạt đầu ra hiệu cho tôi vào. Cái tôi nhìn thấy đầu tiên là tấm hình phóng lớn của thi sĩ. Vũ Hoàng Chương rất thích chụp hình. Riêng nhiếp ảnh gia Trần Cao Lĩnh đã chụp hàng trăm tấm hình ông và tấm hình nào cũng được ông cất giữ rất cẩn thận. Nhưng tấm hình phóng lớn đặt sát Đỉnh Hùng trên cái bàn thờ nhỏ ở góc nhà là một tấm hình cũ, chụp đã rất lâu về trước, từ ở ngoài Hà Nội. Vũ Hoàng Chương trong hình cười tươi và rất trẻ. Y phục màu sáng, cực kỳ chải chuốt, tóc chải mượt, đường ngôi thẳng tắp. Tóm lại, đó là một tấm hình chụp từ trước Mây, trước Thơ Say, rất tiền chiến, rất Hoàng Lang.

Nhìn Hoài Diệp Thứ Lang ra đi từ trước với Hoàng Lang vừa lên đường cùng sánh vai nhau từ hàng cửa tươi cười nhìn về, niềm xúc động tràn ngập ở tôi phút đó, tôi nhớ là gửi cho chính tôi, kẻ sống sót trở lại một buổi trưa cộng sản về đứng lặng một mình trước di ảnh bạn.

Một lát. Rồi tiếng chị Chương sau lưng:

- Anh ấy đi thư thái và sạch sẽ. Cả nhà cùng khóc lóc một lúc rồi ai nấy đều thấy lòng yên tĩnh lại. Thay quần áo cho anh ấy, đưa xuống nhà dưới, anh ấy nhẹ nhõm như một đứa trẻ con. Chị nhắc lại, như điều này với chị rất quan trọng, khiến chị rất sung sướng và muốn tôi cùng thấy:

- Anh nhớ bài Nguyễn Cầu không? *Đêm nào ta trở về ngôi, hồn thơ sẽ hết luân hồi thế gian.* Anh ấy muốn được về trong đêm thì đúng nửa đêm là về. Ước sao được vậy.

Nửa đêm. Bắc Đẩu rụng. Giờ hoa quỳnh nở, Vân Muội hiện. Giờ "đêm đêm ảo ảnh thơm chân gối". Giờ "nhạc thấp cung Hồ mộng phớt lam". Nhắc đến giờ lên đường của thi sĩ giữa nửa đêm tinh khiết trong suốt, giờ mở vào đời sống sâu thẳm của sự vật thức tỉnh giữa thế giới sinh vật ngủ thiếp, chị Vũ Hoàng Chương đã nhắc luôn cho tôi nhớ tới hàng trăm câu thơ tuyệt tác, diễm lệ của Hoa Đăng, của Mây, của Rừng Phong, về Đêm, cái phần ngày của "Bắc Đẩu ngang trời bạch lập", của "chỉ ánh trăng vào khuôn cửa thôi", ở đó hành trang thơ của Vũ Hoàng Chương, và duy chỉ có hành trang này là đạt tới những bến bờ huyền ảo nhất. Văn học Đông Tây thường đã luận về trường hợp một thiên tài mất đi, mỗi người của nhân thế, không trừ một kẻ nào, bỗng chốc cảm thấy mình què cụt, mù lòa, bởi sự thăng hoa của mỗi người không thành hình nổi với cái chính nó hữu hạn tầm thường đã thành hình nơi thiên tài, nhờ thiên tài, thiên tài là kết tinh mọi thăng hoa của giống nòi và đồng loại, trong một. Đứng trước di ảnh bạn, tôi thấy được cho tôi, cực kỳ rõ rệt, điều đó. Tôi bỗng chốc tàn tật. Tôi thỉnh linh bất toàn. Cái guồng máy, cái chế độ triệt hủy thiên tài cũng vậy, càng trăm ngàn lần như vậy. Nó mù lòa, nó què cụt và nó bất toàn một cách thảm thương.



Biết không thể ở được lâu, tôi hỏi xin chị Vũ Hoàng Chương một thẻ hương. Châm lửa, cắm mấy nén hương gầy guộc lên cái bát hương nhỏ. Đoạn, không khẩn, chỉ thân mật nói với tấm hình bạn mờ mờ sau làn khói:

- Bài thơ mày gửi cho tao, tao đã nhận được. Đang bị truy nã, nhưng tao cũng cố về đây trưa nay thắp một nén hương lên bàn thờ mày, cho trọn đạo bằng hữu. Mày đã hiểu tại sao, mày mắt không bạn bè nào có mặt. Tao không được ủy nhiệm nhưng cũng cứ thay mặt cho tất cả nói với mày một lời vĩnh biệt. Vĩnh biệt. Vĩnh biệt Vũ Hoàng Chương.

Quay lại, tôi ngồi xuống cạnh chị Vũ thẫn thức khóc. Bảo chị:

- Chị đừng khóc nữa. Tôi chỉ ở thêm được dăm phút. Chị còn cho tôi biết thêm gì về anh ấy lúc chết không?

- Anh ấy có đọc cho tôi chép một bài lục bát. Đó là bài thơ cuối cùng làm ở trong tù.

- Bài thơ ấy đâu?

- Tôi đã đưa cho anh Bàng Bá Lân.

- Thế là được rồi. Thôi, chị và chị Đinh Hùng ở lại bình yên mạnh khỏe, tôi đi. Chị đừng đau buồn nhiều. Lời Nguyễn Hiến Lê nói với chị hôm 50 ngày anh ở chùa Giác Minh là rất đúng. Tôi rời khỏi Gác Bút trở về chỗ ẩn và vượt biên 15 ngày sau.

Một bài thơ vĩnh biệt cõi đời, làm trong giam cầm, trên một sàn ngục thất ẩm lạnh. Sống với thơ tới hơi thở cuối cùng. Đó là chi tiết cuối chót trí nhớ tôi còn ghi được về Vũ Hoàng Chương, thời gian sau 30-4-75, ở gần ông cho tới ngày vượt tuyến. Sang tới Mã Lai, ở trại tỵ nạn Pulau Besar, tôi được biết thêm một số chi tiết khác về Vũ Hoàng Chương 4 tháng ở Chí Hòa, do một người đi cùng tàu cùng bị giam ở Chí Hòa cùng thời gian với thi sĩ. Như ông rất đau yếu, bọn quản ngục đồ nhiều lần phải khiêng ông xuống bệnh viện khám. Như một vài lần, ông được ra ngoài, lần nào cũng phải có bác sĩ Phan Huy Quát đi. Như đêm khuya, đám tù nhân cùng hành lang nghe thấy tiếng ngâm thơ vọng ra từ phòng giam số 6.

Rời trại Pulau Besar lên Kuala Lumpur, ở nhà thờ Chiras, cây số 7, chờ máy bay sang Hoa Kỳ, tôi ở cùng phòng với con gái lớn của họa sĩ Mai Lân. Chị cho tôi biết thêm một chi tiết nữa: buổi sáng ngày thả thi sĩ về, bọn quản ngục làm bộ nhân nghĩa vào vấn an ông, khuyên ông nên từ bỏ thái độ chống đối cách mạng, ông nín thinh không trả lời, chúng dọn cho ông một bữa ăn "đặc biệt" có một món "đặc biệt" là một đĩa trứng tráng.

Vậy thôi. Trạng thái mịt mù mây phủ lên lúc mất, lên sự tắt lạng vĩnh viễn của tài thơ Việt Nam lấy lòng trác tuyệt, tôi nghĩ chính thi sĩ đã nhìn thấy cho mình trước nhất. Ông muốn cho lên đường của ông như vậy, đã được như vậy. Lên đường này, một bài thơ trong những bài thơ cuối cùng của ông đã nói rất rõ.

Lúc đó là cuối năm 1974. Chỉ mấy tháng nữa là thất thủ Buôn Mê Thuột, là mất miền Nam. Tôi tới Gác Mây, xin một bài thơ mới về đăng trên Văn. Tôi vừa làm xong số đặc biệt Vũ Hoàng Chương. Ông cười:

- Lạ quá, cứ vừa có thơ mới là thấy mày tới. Có bài này đây, đăng sau số đặc biệt, như là một phụ lục, rất hợp.

Đó là bài Lòng Đá. Bài thơ cuối cùng của Vũ Hoàng Chương đăng trên bán nguyệt san Văn số phát hàng ngày 15 tháng 11 năm 1974, tôi chép lại nguyên văn dưới đây:

*Không chuyến đi nào làm ta xúc động*

*Kể cả chuyến ngược chiều lên tuổi mộng*

*Vì ngay trong vòng tay đôi mươi cũng chỉ là trống rỗng.*

*Thì không còn chuyến đi nào làm ta ngạc nhiên*

*cho dẫu đi bằng không thuyền*

*khắp đâu đâu cũng chỉ là những mảnh vỡ tan ra từ một khối thuyền quyen.*

*Họa may còn chuyến đi vào hư vô tên gọi văn chương của những nắm mờ.*

*Đi chuyến ấy dòng đời ta tự xóa*

*ta không còn gì*

*cũng không là ức triệu mảnh hồn ghen kia mới thỏa mới chịu về nguyên mỗi tình si mang hồn  
phiến đá*

*Đá sẽ dựng cho Không-là-gì-hết  
một phiến cao tận cùng sâu tận tuyệt  
mà không chữ nào viết không âm nào ghi  
Cao sâu lòng đá phẳng lì  
mãi mãi chỉ riêng Nàng được biết  
từ đầu những chuyến gã ra đi.*

Một tài năng bình thường phải những bóng gương thời thế phản ánh, những bóng nước xã hội phản chiếu, những vận động lịch sử làm nền, tóm lại phải bằng những thời điểm ngoại giới và khách quan cùng giải thích cùng soi sáng mới tỏ hiện được vóc dáng, quy định được hình tích, thấy rõ được trở thành. Những cõi thơ Nguyễn Bính, Trần Huyền Trân, Hồ Dzếnh lộng lẫy nguy nga một thời là vậy, mà tách khỏi dòng tiền chiến, bỏ khỏi trào lãng mạn, bỏ cõi tức khắc mịt mùng tan vỡ, thấy liền ngay cái định mệnh bơ vơ. Một tài năng bình thường rất hữu hạn vì vậy. Nó lệ thuộc vào cái thời của nó, chỉ là một sản phẩm do cái thời của nó tạo ra, thực chất và kích thước của thời thế nào, thực chất và kích thước của tài năng thu nằm trong đó. Những công trình để ra từ một tài năng bình thường chỉ thực hiện được cái hiệu năng ghi chép và tường thuật. Về những điều đã có. Về những sự đã là.

Một tài năng xuất chúng khác. Ở ngoài mọi sắc dạng xã hội, vượt khỏi mọi quy luật đời sống. Tách rời với mọi chạm đụng nhân thế, không cho thâm nhập, không cho chi phối, nó sáng tạo ra những vòm trời, những vũ trụ riêng, là riêng đứng một góc trời, là riêng dựng một thế giới. Đó là điều cuối cùng tôi muốn phân biệt về tài thơ xuất chúng Vũ Hoàng Chương. Phân biệt thôi. Chưa đi tới một nhận thức gì hơn.

Cho nên buổi sáng ngày 13 tháng 4 năm 1976, khi bọn đồn mạt của cái guồng máy chuyên chính đến bắt thi sĩ ở Gác Bút, chúng đã tới muộn trên dưới ba bốn chục năm trời. Thế giới ngôn ngữ và tư tưởng tuyệt vời của Vũ Hoàng Chương đã dựng xong. Cõi thơ bất hủ, tiếng thơ thần sầu của ông đã hoàn tất. Thơ Say. Mây. Rừng Phong. Hoa Đăng. Đã từng cánh hạc vàng đậu trên từng chót vót. Vân Muội. Tâm Sự Kể Sang Tần. Nhị Thập Bát Tú. Đã mỗi đền thơ tuyệt kỹ hàng hàng lời thơ châu ngọc tồn tại với đời đời. Đóng góp vĩ đại ấy cho thi ca đất nước, không kẻ thù nào của thơ phá hủy và giết chết được. Xá gì lòng đố kỵ hèn mọn của đám thợ thơ Hà Nội.

Bởi vậy mà tôi thấy không cần thiết vội -cũng chẳng đủ tư cách nhận thức và khái niệm văn học- một phân tích tường tận và có tính chất chung quyết vào cõi thơ thi sĩ. Nhưng tiếng thơ ông, cõi thơ ông đã hoàn tất lại một kho tàng nguyên vẹn chỉ vừa mở ra. Và từ ông vừa mất đi, sự kế thừa của hậu thế cũng vừa thực sự bắt đầu.

*"Mãi mãi chỉ riêng Nàng được biết  
Từ đầu những chuyến Gã ra đi."*

Mới chỉ riêng Nàng thôi. Văn học chưa. Chúng ta chưa. Về điểm này, kể cả những tri kỷ của ông chưa một ai nói được điều gì đáng kể về tiếng thơ Vũ Hoàng Chương mà sự thăng hoa càng tới cuối đời càng hoàn hảo càng rực rỡ hơn mọi phần thời gian về trước. Đó cũng là một trạng thái đặc biệt của thiên tài. Một tài năng bình thường chấm dứt trong trạng thái đã suy thoái rõ rệt với thăng hoa không còn của nó. Thiên tài mất giữa đang còn rực rỡ thăng hoa. Với những cõi thơ như Vũ Hoàng Chương phải vận dụng trí tuệ mới mong mở được lối vào. Thơ là trí tuệ. Không phải là rung động. Về điểm này, thấy được, nói được những điều xứng đáng về tiếng thơ Vũ Hoàng chương, cũng phải từ một tâm hồn, một trí tuệ xuất chúng.

Hồi ký này chỉ muốn được coi như một ghi nhận gấp rút một số sự kiện trước trí nhớ đe dọa lợt thoát về khoảng thời gian cuối đời của thi sĩ, thời gian ông ở lại với đất nước đã mất vào tay

chuyên chính đồ cho tới ngày ông từ trần sau hơn 4 tháng bị giam cầm trong khám Chí Hòa. Ghi nhận và trân trọng đóng góp với người viết văn học ngoài nước của chúng ta muốn thực hiện một công trình nghiên cứu và nhận thức về thân thế, hoặc về tất cả các nhà thơ miền Nam sau 30-4-75, hoặc riêng về Vũ Hoàng Chương. Công trình đó, theo ý tôi, nếu bỏ qua phần ngày tháng của Vũ Hoàng Chương trong cộng sản, ở đó thái độ và phong cách của thi sĩ đã hiển lộ cao ngạo và chói lòa thay thế cho tiếng thơ ông đã bị dập tắt, sẽ là một thiếu sót lớn. Riêng kẻ viết những dòng này, với thi sĩ, kể từ cái buổi trưa hấn trở lại phường Cây Bàng thấp nén hương vĩnh biệt lên bàn thờ bạn rồi vượt biển, tâm thức hấn trong trôi dạt lữ thứ hiu quạnh chừng như lại mật thiết gắn bó với tri kỷ đã vĩnh viễn xa khuất hơn là những thời gian có tri kỷ còn sống ở gần mình. Phải đó cũng là một hiệu năng nữa của thơ, của thơ trác tuyệt?

*Ai về đất cũ giùm ta nhắn*

*Rằng kẻ vào Ngô nhớ Lạc dương*

Chỉ biết hai câu thơ trên của Vũ Hoàng Chương, hấn đã nhớ lại, trên từng đoạn đường trôi dạt. Trong bảy ngày bảy đêm trên biển Đông. Trong năm tháng ở trại đảo. Và sau đó sau đó. Tôi đã đi vào đất Ngô muôn dặm lạnh lùng. Gặp anh, anh về xin nhắn dùm với bằng hữu tôi là tấm lòng tôi mãi mãi ở Lạc Dương. Lạc Dương có Gác Bút, Gác Mây. Lạc Dương có thiên tài, tri kỷ. Bao nhiêu năm hấn vẫn còn muốn nhắn. Như bạn hấn còn sống. Như tri kỷ chưa xa. Phải đó là cảm thông kỳ diệu của thơ. Cũng lại không rõ nữa. Chỉ biết hết thấy là sai lạc, tất cả là ngờ vực. Xiết bao ngờ vực. Duy chỉ còn thơ của một người như một ngậm ngùi vô tận. Duy chỉ còn thơ của một người như một niềm ám áp vô cùng. Duy chỉ còn thơ của một người là sự thật.

(trong tập Chân dung, NXB Văn Khoa 1985)

## Sao lại thế được



Cách đây hai mươi năm,\* ngay khi bước vào làng văn để nhận lấy cái nghiệp dĩ của những người cầm bút, tôi đã nghe đại danh ông tú Phan Khôi, như sấm dậy vang tai. Nhưng phải đến năm Bính Tuất (1946), tôi mới có dịp cùng tiên sinh hạnh ngộ. Buổi nhất kiến thật đã như định trước bởi duyên trời.

Hôm đó, tiết cuối thu... Cái lạnh của miền Bắc đã thấm vào lòng một gã ưa thú họp bạn ngâm văn. Chịu không nổi nữa tôi bèn lấy một chuyến xe lửa mà "giang hồ vật" từ Nam Định lên Hà Nội. Cho được tự cởi mở tuềnh toang theo đà cuồng hứng. Cho được sống hấn vào nhịp sống vừa tao nhã vừa sôi nổi của đất ngàn năm văn vật, của hồ Trúc sông Hồng.

Bước xuống ga hàng cỏ, tôi về trụ sở ban kịch Đồng Phương. Ở đấy, tôi được tin các văn hữu Kinh kỳ đang tổ chức một buổi liên hoan rộng lớn, nhân dịp chào đón một số anh em từ miền Trung miền Nam mới ra. Tôi lấy làm tiếc lắm. Vì buổi họp bắt đầu những từ năm giờ chiều. Vậy mà lúc tôi đặt chân vào vỉa hè Hàng Lọng thì Ba mươi sáu phố phường đã nhất tề khai đăng.

Ngồi mạn đàm với họa sĩ Hoàng Tích Chù và nữ kịch sĩ Tuyết Khanh, câu chuyện nghệ thuật chưa đi hết một tuần trà, tôi đã thấy lừng lững hiện lên từ cầu thang gác cái mũi khoằm khoằm rất cá biệt của anh bạn họ Nguyễn. Đáng điều bí mật, anh trịnh trọng tuyên bố:

*"Xin lỗi toàn thể ban kịch, tôi có chút việc riêng, cần phải mượn tạm Vũ Quân đây..."*

Cá bọn phá cười: *"Bất phương! Bất phương! Cứ mượn dài hạn đi cũng được, ông Tuân ạ!"*

Thế là tôi cùng Nguyễn Tuân vội vã ra đường.

- "Này! Ông Phan Khôi muốn gặp anh đó! mà gặp ngay tức khắc kia! Đi chứ?"

Rồi không đợi tôi trả lời, anh vẫy luôn một chiếc xe kéo, ra lệnh cho "cọp" lồng thẳng xuống bãi Phúc Xá, nơi "ngự trị" của tác giả bài "*Nhớ Rừng*".

Quả nhiên ông Phan đang có ý trông đợi! Cái phút nhìn mặt cầm tay đã hào hứng phi thường. Lần thứ nhất tôi cùng Phan Khôi hạnh ngộ.

Chiều hôm sau, thấy tôi ngỡ lời cáo biệt, tiên sinh trầm ngâm nửa khắc, rồi bảo: "*Được, hai ta sẽ cùng đi.*"

Tôi cười thầm tự nhủ: "*Gió đã lên!*" Và, bắt chước kiểu Nguyễn "mượn tạm" tôi ở ban kịch Đông Phương, tôi cũng chỉnh lại áo khăn, trình trọng xin phép ban kịch Thế Lữ cho "mượn tạm" ông Tú Khôi ít bữa.

Một già một trẻ, thẳng đường về bến Vị non Côi... Và, trong căn gác xép ở bờ sông, dài như cái ống, tối như cái "*hũ Xuân Thu*", tôi đã tiếp chuyện Phan tiên sinh hai ngày tròn với hai đêm trắng; toàn chuyện văn chương cả, mà quái thay, dứt không ra nửa thôi!

Nguyên do: Buổi liên hoan tại Hà Nội, kịch sĩ Hoàng Cầm được ban tổ chức đề cử ra ngâm mấy bài thơ gọi là để thắt chặt mối duyên văn nghệ Nam Bắc. Tình cờ trong số bốn bài ấy lại có một bài của tôi. *Bài Ca Sông Dịch* đó vậy! Thai nghén từ năm 1940, nó đã bị ban kịch Thế Lữ thúc đẩy bằng "*đủ mọi phương tiện*" để ra chào đời năm 1943, cốt mượn dùng làm khai tử cho vở kịch *Kinh Kha* của Vi Huyền Đắc. Rồi chuyện này, chính nó đã khiến ông Phan Khôi "thú" tác giả và nóng lòng muốn gặp mặt ngay...

Ấy là ông bảo thế! Chứ riêng phần tác giả, thì phải hiểu rằng người ta "thú" đây là "thú" cái tinh thần hào hiệp của anh chàng giết hụt Tần bạo chúa ở Hàm Dương kia!

Ồ! Hiểu cách nào thì hiểu. Mặc ý tác giả! Điều ấy bất túc luận. Nhưng can hệ là cái cử chỉ kia đã nói lên những gì về >i>"con người của ông Phan Khôi"?

Thiết tưởng nó đã nói lên đủ lắm!

- Còn chưa đủ ư? Thì đây: suốt hai ngày đêm, trong cái dài dằng dặc và cái tối mò mò của "gác ống" phố Bờ Sông, Phan Khôi đã cao đàm hùng biện, hứng khởi thao thao, giọng sắc bén như chém đinh chặt sắt. Ông cầm thù bạo lực, ông phản kháng độc tài, ông lên án mọi hình thức dân chủ giả hiệu. Ông có thừa phong độ cốt cách của một nho sĩ ngang tàng bất khuất, cộng thêm vào cái kiến thức sâu rộng của một tay lịch lãm giang hồ. Lắm lúc ông nói như gào như quát, sang sảng lạnh người.

- "*Không thể được! Sao lại thế được? Văn nghệ phải là văn nghệ! Thiếu tự do, thà ném đi! Cầm lấy một mũi nhọn khác!*"

Phải chăng nào khi Kinh Kha đã nhập vào con người thâm trầm quắc thước này? - Không! Tôi tin rằng lòng phẫn nộ của Phan Khôi có thể bốc lên cao hơn và mãnh liệt hơn cái oán khí cầu vồng trắng xuyên mặt trời của kẻ "một di" trên bến Dịch.

Con người ấy! Buổi hạnh ngộ ấy! Tôi mà quên được ư? Và năm ấy! Tôi còn nhớ là năm 1946! Triều Nguyễn chấm dứt vừa đúng mười ba tháng trời.

Sau đó ít lâu... Khói lửa bùng lên từ Hải Phòng, từ Hà Nội... và lan tràn khắp các thị trấn trung châu. Tôi vâng lệnh huyện đường tạm dời về miền duyên hải. Ngày dài dằng dặc, hét xuân rồi lẠm thu... Lòng nhớ bè bạn làng văn càng như thiêu như đốt. Bỗng một hôm, tôi nhận được từ Thái Nguyên gửi về không phải một lá thăm buồn theo giòng nước biếc, nhưng một lá thư trao theo kiểu chim xanh...

Ngoài phong bì, chỉ có hai dòng: Vũ Hoàng Chương, Nam Định. Và bên trong vồn vẹn một bài luật thi với chữ ký: Phan Khôi.

Thật không biết sao kể xiết được những cảm xúc của tôi lúc bấy giờ! Cảm xúc đến suýt quên rằng thư này chưa chắc tôi đã là người đầu tiên mở ra đọc. Thư rằng:

*Ngừng tim lặng óc bật giòng tình  
Tai mắt như không phải của mình  
Thấy dưới ánh trăng muôn khúc nhạc  
Nghe trong tiếng ếch một màu xanh  
Suối tiên đắm đuối bao cho chán  
Khối mộng vờn mơn mãi chẳng thành.  
Thú ấy từ lâu không có nữa  
Ngủ say thức tỉnh, dậy buồn tênh.*

- Ôi! Câu phá đề sao nghẹn ngào u uất đến thế? Cả một giòng máu bị thắt nút đang sôi sục phá phách đòi tự do! Rất sẵn sàng vì tự do mà "lưu huyết". Câu thừa đề mới lại mỉa mai nào nuốt đến đâu! Tai mắt "*không phải của mình*", hỏi ngọn bút cầm ở tay có thể nào "*của mình*" được nữa ư?

Nghe thấy màu, trông thấy nhạc, tai mắt loạn rồi ư? Mà không "loạn" sao được! "*Không phải của mình*" kia mà! Đến như "*suối tiên đắm đuối, khối mộng vờn vờn*", niềm khao khát tự do quá đã tuôn tràn đê chũu khắp trang giấy.

Ồ! hiển nhiên lắm rồi! Vì, đây là hai câu kết:  
*Thú ấy từ lâu không có nữa...  
Ngủ say thức tỉnh, dậy buồn tênh.*

"Thú ấy" là thú nào? nếu không phải cái thú tự do mà con người văn nghệ quyết tranh đấu cho kỳ được, nắm giữ lấy như tính mạng, hơn cả tính mạng, có khi!

Thế mà "từ lâu..." Trời hỡi! Niềm cảm xúc dâng cao. Tôi nằm dưới một túp lều tranh tại phủ lý Xuân Trường, ngâm đi ngâm lại bài thơ của Phan tiên sinh, mà cả một tâm sự đột nhiên được cởi tung mở phất. Một tiếng xướng phải có muôn tiếng họa! Lẽ nào trong muôn tiếng họa ấy lại thiếu tiếng họa của một kẻ từng vui nhận lấy văn chương làm nghiệp dĩ hay sao?

Cho nên tôi đã họa nguyên văn bài thơ luật thi của Phan tiên sinh và đã gửi đi tức khắc. Tính ông Phan Khôi nóng như lửa, nếu giữa khoảng tiếng xướng tiếng họa mà im lặng đến hai mươi bốn giờ, ấy là tôi đã đắc tội với bậc vong niên tri kỷ lắm rồi đó!

Bài họa văn như sau:  
*Trời vô tâm quá, đất vô tình...  
Biết gửi vào đâu cái "chính mình"?  
Tiếng ếch đã trù lên tiếng sóng  
Màu đen lại ngã xuống màu xanh.  
Uống cho thơ dẫu bầy trăm trận  
Ngán nhẽ sâu khôn phá một thành.  
Tưởng tới nguồn Đào thôi lại tiếc!  
Con thuyền đêm ấy nhẹ tênh tênh.*

Thơ trao đi, lòng còn thắc mắc. Cho đến mãi giờ phút này!  
Không biết hồi đó Phan tiên sinh có tiếp nhận được chăng? Mà từ đây biệt vô âm tín...

(trong *Ta Đã Làm Chi Đòi Ta*, cơ sở xuất bản Trương Vĩnh Ký, Sài Gòn)  
(Hợp Lưu số 33, tháng 2&3, 1997)

\* Vũ Hoàng Chương viết bài này khoảng thập niên 60.

## Tài liệu văn học quý hiếm Viên Linh

Tài liệu văn học quý hiếm đối với một người sưu tập, trong trường hợp riêng của tôi, một là sách vở hình ảnh vừa thoát khỏi bàn tay lục soát của mấy tên cán bộ, hai là vừa kịp thời tìm thấy dưới đáy tủ ẩm thấp, khi mấy chú mối mọt chưa kịp gặm vào. Hôm nay trong đầu không le lói một chút lửa sáng tạo nào, tôi ngồi lục lại ngăn dưới cùng của một tủ sách mà phía trên có một chậu hoa tươi, nhiều khi tưới vội vàng một chén nước, nào ngờ đã làm hư hại mấy tập bản thảo phía dưới.



*Vũ Hoàng Chương (1915-1976),  
hình chụp khoảng 1940, nay đã  
bị mối mọt, như bạn đọc thấy  
(Hình: Vũ Hoàng Địch, Hà Nội)*

Tiếc thay, có một tấm hình đẹp trai chưa từng thấy của Vũ Hoàng Chương, (nay không còn nhớ ai gửi cho, chỉ biết tấm hình ấy do ông Vũ Hoàng Địch, em trai nhà thơ từ Hà Nội tặng bạn ở hải ngoại), và mừng thay, thấy lại vài bài thơ hiếm của ông, có người chép cho từ khoảng chục năm trước. Bài này nói về các tài liệu đã bị bỏ quên ấy, vì nếu không bí đề tài, không lục lọi, chỉ vài tháng nữa, mối mọt sẽ gặm nhấm tất cả; hay những giọt nước ẩm “lên men”, sẽ trở thành bụi đen như than, tất cả.

Lời nguyện chiều thu  
*Nước non vô tội bỗng lãng tri  
Xương máu càng đau hận biệt ly  
Nước bật tâm rồi non chết ngát  
Xương nằm trơ lại máu ra đi...*  
(Vũ Hoàng Chương)

Thơ Đường luật, mỗi câu bảy chữ, là sở trường của tác giả Thơ Say, khi dùng chữ bác học, thì thật bác học, khi dùng tiếng nôm na hàng ngày, thì thật chọn lọc, tinh tế. Ngay câu đầu, chỉ có bảy chữ, mà thấy ngay một sự việc nếu diễn ra nghĩa cho đầy đủ, sẽ mất vài dòng, nếu không là cả chục dòng. Chữ “lãng tri” vốn xưa nay người viết bài này chưa thấy ở đâu dùng để chỉ một quốc gia, một nước. Lãng là xâm phạm, là lấn lướt, bức hiếp, tri là nắm giữ, lãng-tri, trong pháp luật, là “thứ hình phạt ngày xưa rất tàn khốc, đem người phạm ra, trước cất tay chân, rồi xẻo thịt dần dần, làm cho chết” (Hán Việt Từ Điển Đào Duy Anh). Hai tiếng này dùng trong câu thơ “Nước non vô tội bỗng lãng tri” thì chỉ có người Việt Nam hiểu được, và chỉ có thi hào Việt Nam biết mà dùng được. Có một đất nước nào bị coi là phạm pháp phải lấy mã tấu lưỡi lê dao kéo và nhất là búa liềm ra cắt xẻo cửa xén cho đến khi nước đó chết, chỉ có nước Việt Nam.

Nhìn ngược dòng lịch sử, nước ta là như thế: Triều đại này lên giết chóc nhân vật chế độ cũ đã đành, thậm chí chặt đầu, cưa ngang lưng, đào mả lấy cái xương sọ làm bô đá, nghiền

xương bỏ vào nòng súng bắn cho tan... xương; còn tàn phá các vật thể vô tri ngày trước cho mất tấm mất tích, - hành động như cắn thù đến ba đời, tru di như huyết hận cả hai kiếp - thành ra một nước con cháu cứ xưng tụng là có hơn bốn ngàn năm văn hiến, hỏi đâu, văn hiến đó đâu, nhìn quanh thì chẳng thấy dăm ba chứng tích. Thơ văn hiếm hoi, mấy ngàn năm nay chỉ tìm ra in được một hai ngàn trang. Bài trên có tám câu, song ta qua bài khác: Đã bao giờ

*Đã bao giờ có hạc vàng đâu?*

*Để có người tiên, để có lâu?*

*Đã tưởng hạc bay mây trắng ở*

*Lâm Thôi Hiệu trước, Nguyễn Du sau...*

*Năm tháng hão huyền như khói sóng*

*Nỗi kẻ chưa chín nghĩ mà đau.*

Đúng thế, năm tháng văn hiến hão huyền như khói sóng.

Trên đây cũng lại là một bài Đường luật, thể thơ phú sở trường của thi hào. Xấp giấy bị thấm nước tưới cây, tờ trên dính vào tờ dưới, "lên men" đen như bụi than - (chợt nhớ trong bảng màu sắc các vật thể, nước được ghi là có màu đen ở biển mới được ghi là có màu xanh) - bóc ra thì không còn đọc được mấy câu giữa. Hồ sơ thấm nước gồm tài liệu của các tác giả có tên văn C, ngoài Vũ Hoàng Chương, còn có Văn Cao, Hiếu Chân, Phạm Trọng Cầu, Hà Huyền Chi, Nguyễn Hùng Cường (chuyên gia thư tịch), Dương Hùng Cường, nhà viết văn ố phiếm, v.v...

Tuyệt vời thay, còn thấy một bài thơ do Vũ Hoàng Chương dịch, chữ viết lại là chữ của người viết bài này. Bền nhớ ra, đây là bài dịch nhà văn Mặc Thu (đã quá cố) đọc qua điện thoại cho tôi chép lại thời gian Mặc Thu từ Việt Nam qua quận Cam thăm con gái, con rể Mặc Lan và Chử Vương Anh. Khi gặp thì Mặc Thu thế nào cũng khui Martell (cảm ơn ông con rể, nay đã quá cố). Một hôm không đến được, anh đọc và bình mấy bài thơ qua điện thoại.

Tôi chép mà sơ ý không thấy nhan đề, có khi là vì người đọc không nhớ, nên không có mà ghi, nên nhìn bài thơ phiên âm không đầu không cuối, giống như một người mặc quần áo nghiêm chỉnh, mà không mũ không giày:

*Lạc phách giang hồ tải tửu hành*

*Sở yêu tiêm tế chường trung khinh*

*Thập niên nhất giám Dương Châu mộng*

*Thụ đắc thanh lâu bạc hạnh danh.*

Vũ Hoàng Chương dịch như sau:

*Rượu Hồ quây gánh Giang Nam*

*Lung ong gái Sở đã nhàm vòng tay*

*Mười năm chợt tỉnh cơn cười*

*Lầu xanh được tiếng con người Sở Khanh.*

Còn nhớ sau đó gặp nhau, anh Mặc Thu xuýt xoa mãi về tài dịch của Vũ thi hào. Ông cựu chủ nhân trà thất Anh Vũ Quán trên đường Bùi Viện, Sài Gòn những năm cuối thập niên '50, một hai năm đầu thập niên '60, nơi có hát cô đầu, rất tâm đắc mấy chữ "lung ong gái Sở". Gái Sở là gái Việt, Bách Việt, các nước ở phía Nam sông Dương Tử, trong có Lĩnh Nam. Hai tiếng "rượu Hồ" theo Mặc Thu, là chỉ anh chàng Bắc phương, Sở Khanh, gã ở phía Bắc sông Dương Tử, tức là Trung Hoa. Vũ Hoàng Chương dịch tuyệt hay vì không những tiếng Việt tuyệt luân, mà vì chữ Hán cũng thâm hậu.

*Năm tháng hão huyền như khói sóng*

*"Âm công cán mối" nghĩ mà đau.*

## Vũ Hoàng Chương Võ Phiến

Vũ Hoàng Chương xuất hiện vào giai đoạn cuối của thời kỳ tiền chiến. Thi phẩm đầu tay của ông Vũ ra đời vào năm 1940, thì Hoài Thanh và Hoài Chân viết về thơ ông vào năm 1941 và Vũ Ngọc Phan viết xong quyển 3 của bộ Nhà Văn Hiện Đại vào năm 1942.

Vậy các nhà phê bình kể trên nói về Vũ Hoàng Chương trẻ, còn chúng ta đang nói về ông Vũ sau 1954, tức thị một Vũ Hoàng Chương già đây chăng?

Không hề có chuyện ấy. Không làm gì có một Vũ Hoàng Chương già hơn ông Vũ thưở đôi mươi. Vừa ló ra góp mặt với đời, ông đã già tức khắc. Xuất hiện sau cùng, ông thuộc hạng thi sĩ già nhất thời tiền chiến.

Tôi không bịa chuyện lạ để đùa cợt chế giễu ông. Lúc sinh thời ông nghiêm chỉnh khả kính, ngày nay ông đã ra người thiên cổ, tôi không dám thế đâu. Bảo ông Vũ già, là Hoài Thanh và Vũ Ngọc Phan. Họ bảo thế từ hơn nửa thế kỷ trước; không phải tôi. Vũ Ngọc Phan viết: *"Thơ ông là thơ của một thanh niên mà nhiều lúc giọng già cóc cách"*, viết thế nhiều lần trong một bài.

Và chính Vũ Hoàng Chương cũng kêu nào *"đời tàn trong ngõ hẹp"*, nào *"đời hiu hiu xé tà"*, nào *"xuân đời chưa hưởng kịp, mây mùa thu đã sang"*. Cũng chính ông Vũ kêu:

Ngoài ba mươi tuổi duyên còn hết

Một ván cờ thua ngã bóng chiều v.v...

Ba mươi tuổi mà đã hết duyên? Thật ra bấy giờ ông đâu đã tới ba mươi tuổi! Cuốn *Mây* in năm 1943, ông mới hăm bảy; các bài *"Đời tàn ngõ hẹp"*, *"Ngoài ba mươi tuổi"* phải viết trước đó, vậy viết từ ngày ông hăm bốn hăm lăm chứ mấy! Đời sao mà tàn, bóng chiều sao đã ngã, ván cờ đời sao đã kể là thua sớm quá vậy?

"Giọng già cóc cách" thế nào không rõ. Nhưng xem cái ý nghĩ của ông thì thấy già rành rành. Nếu ý đã già, giọng cũng già (cóc cách) nữa thì đích thị già trọn vẹn rồi, còn gì nữa? Vũ Hoàng Chương không những già, lại còn xưa. Hoài Thanh ngờ rằng *"Vũ Hoàng Chương định nói cái nghiệp những thi hào xưa của Đông Á."* Lại nghĩ rằng: *"trụy lạc hay say sưa đều mang theo một niềm ngao ngán. Niềm ngao ngán ấy ta vốn đã gặp trong thơ xưa. Duy ở đây nó có cái vị chua chát, hằn học và bi đát riêng."*

Trụy lạc hay không trụy lạc, say sưa hay không say sưa, ngao ngán hay không ngao ngán, Vũ Hoàng Chương đều có thể xưa. Ngay trong yêu đương, ca hát, ông cũng có cốt cách một người xưa. Xưa trước ông chừng hai nghìn năm chẳng hạn. Mất Kiều Thu, chàng thanh niên trong tuổi đôi mươi ngồi võ chậu hát nghêu ngao hết Trang Tử! Chàng hát hồng ra sao? Do ré mi fa sol chẳng? Không. Chàng hát xề xừ cống xự xang v.v... Chàng mơ gái Tầm Dương, nhắc tích Tây sương, chàng kể chuyện sông Tương, Kinh Kha, Tản Thủy Hoàng v.v...Giữa chừng câu ca thỉnh thoảng chàng nện xuống một tiếng "hề" (Thơ Việt Nam có độ lổn nhổn rất nhiều "hề"; tôi có cảm tưởng là phong trào "hề" thịnh hành từ sau ông Vũ?)

Vũ Hoàng Chương lớn lên gặp lúc nước nhà trải qua nhiều đổi thay lớn lao. Thanh niên thế hệ ông xài nhiều các danh từ: cách mạng, cao trào, tự do, dân chủ, đấu tranh, tiến bộ v.v... Còn ông Vũ thì ông hay nói đến chuyện ... làm vua. Vâng, chính ông làm vua. Tên ông lót chữ Hoàng, ông thường tự xưng là Hoàng ("*Tổ của Hoàng ơi*"). Hoàng, chiết tự thành ra Bạch Vương. Người yêu của ông có kẻ tên Khanh, ông xưng hô như thể là vua với hoàng hậu, nghe hách lăm, thích lăm:

Hoặc:

Đêm nào, Khanh nhĩ tình ta mới

Hà nội đèn treo đỏ phố phường



(Nhớ cố nhân)

hoặc:

Lớp lớp tình ta đã sóng xiêu

Mắt Khanh càng đắm đuối bao nhiêu

(Hợp tan)

Ông Vũ nghĩ thế thì hãy biết thế. Thực ra có phải mấy bạn viếng hồ Ba Bể mà gieo nỗi một ý thức bộ lạc? Trong cả ban nhạc sinh viên, mấy kẻ được chọn gieo mầm? còn những kẻ khác? còn tất cả dân cư miền Bắc Cạn có mang cái mầm ấy không?

Dù sao cái xưa của Đinh Hùng đã có Vũ Hoàng Chương giải thích. Còn cái xưa của Vũ Hoàng Chương, ai đứng ra giải thích đây? Không biết. Chỉ dám biết không phải tôi.

Ấy là riêng nói về giới thi sĩ. Nếu kể rộng ra đến văn giới, thì ông Vũ còn một bạn chí thân nữa: Nguyễn Tuân. Cũng lại một "người xưa". Là người phục hồi vang bóng của một thời dĩ vãng. Là người dựng nên những câu chuyện hoang đường quái dị, đặt nó vào khung cảnh ông thần núi Tân Viên, thời nàng tiên xác ngọc hát lạnh lạnh giữa rừng đó v.v... Thế rồi mùa thu 1945 xảy đến, ông văn sĩ ở lại khúm na khúm núp dưới chân lãnh đạo, đổi họ Nguyễn ra họ sợ, tự vật râu vật ria, thoát cái biến thành người mới. Còn ông Vũ với ông Đinh, hai thi sĩ vào Nam thì được yên lành, tha hồ tiếp tục già, tiếp tục xưa.

Cái già cái xưa không phải của một ông Vũ mà ít nhất liên kết cả ba tên tuổi lớn, phải chăng đó là một xu hướng văn nghệ của giai đoạn cuối thời tiền chiến? Tại sao nảy sinh ra cái xu hướng ấy? Các cụ thời Đông Dương, Nam Phong thì đạo mạo, nhóm Phong Hóa, Ngày Nay đã mang tiếng cười đến làm trẻ trung hóa không khí văn nghệ, tại sao tiếp liền ngay sau đó văn nghệ lại vội vàng quơ râu đeo vào? Ai là kẻ tình nguyện giải thích hiện tượng này? Không biết. Chỉ dám biết đó không phải công việc tôi lúc này.

Lúc này chỉ xin ghi nhận một khía cạnh tâm hồn của Vũ Hoàng Chương, cái khía cạnh không thay đổi suốt đời ông.

\*

Ở Vũ Hoàng Chương, một đặc điểm khác cũng đeo dính vào ông suốt một đời. Đó là lời nói trau chuốt, cầu kỳ. Từ thuở ban đầu, thơ ông đã bày rõ cái sở trường (và sở đoản) ấy. Vũ Ngọc Phan chê ông gọt dũa kỹ quá cho nên lời thơ "lẽ tự nhiên" kém thành thực, ít làm cho người đọc cảm động; chê thơ ấy có hay chăng là hay nhờ nhờ chữ khéo chọn nhờ âm điệu nhịp nhàng, chứ không hay về ý, về những rung cảm của thi nhân.

Bảo rằng Vũ Hoàng Chương không có ý hay và không có rung cảm sâu, tôi không dám tán thành: ông Vũ này đã bắt công với ông Vũ kia. Nhưng bảo rằng Vũ Hoàng Chương gọt dũa kỹ thì quả có thể. Quả lời thơ của ông không bao giờ là lời giản dị tự nhiên. Vũ Hoàng Chương có thể nói thuộc vào số thi sĩ Việt Nam có những lời thơ đẹp đẽ nhất. Đẹp đẽ một cách cầu kỳ và kiêu kỳ. Vũ Hoàng Chương và Nguyễn Bính đứng ở hai thái cực. Vũ ông thích gọt dũa, khoái trau chuốt, mê say xoa nắn chữ nghĩa. Chàng trai họ Vũ ham tía chữ cũng như cậu bé Khổng Khâu ham bày trò cúng bái. Ai có khiếu nấy. Lớn lên Khổng Tử soạn kinh Lễ, về già Vũ ông tỉ mỉ bày ra thơ nhị thập bát tú với thơ truyền Kiều. ("Nhị thập bát tú" tức bài thơ 28 chữ; về hình thức, là một bài thất ngôn tứ tuyệt. "Truyền Kiều" cũng là bài thơ thất ngôn bốn câu, lời thì lấy từng mảng từ những câu lục bát trong Truyện Kiều ra. Vũ ông, khi làm thơ "truyền Kiều" thì tự xưng là "Người Truyền"!)

Khi người ta đã tỉ mỉ gọt tĩa ra vài chục lời thật điêu luyện, thì việc nảy ra cái ý nắn nót trình bày những lời châu ngọc ấy dưới dạng chữ thật đẹp, trên nền giấy trang nhã, cũng là tự nhiên. Thế cho nên Vũ Hoàng Chương (cũng như Đông Hồ) thường thực hiện những công trình thi họa rất được yêu quý trong văn giới: tờ hoa, bút lông, mực tàu, triện son, chữ ký bay bướm ... Những trang thơ như thế hoặc để trưng vào tờ báo xuân, hoặc lồng vào khung kính treo ở thư phòng. Chuyện ấy nhắc đến những thiếp Lan Đình, đến truyện nét chữ của người tử tù ngày trước (lại trước, lại xưa). Chữ quốc ngữ được trao cho vai trò trang trí, được đưa vào tranh, vào thế giới hội họa! Lần đầu tiên ... Ba bốn trăm năm trước, khi lữ chữ móc ngoéo vào nhau, lòng thông lượm thướt ấy theo chân các ông cố đạo rậm râu kéo vào cái xứ Đông phương lạ hoắc này, chúng có bao giờ mơ ước tới cái vinh quang lớn đến thế!

Kể ra trong cái thú chơi chữ này, Vũ Hoàng Chương cũng không bơ vơ. Trước 1945, ở Bắc, vẫn ông bạn Nguyễn Tuân của ông từng được biết rộng rãi về những trang chữ và những tập bản thảo viết đẹp, trình bày cầu kỳ.

Sau 1954 cùng vào Nam với ông có Vũ Khắc Khoan có Mai Thảo vẫn chương cũng nắn nót (có khi uống éo) kỹ lắm; và rồi, ngoài người bạn cao niên là Đông Hồ ra, sau đó lại có bao nhiêu đàn em tiếp nối truyền thống bút lông mực tàu vẽ chữ quốc ngữ. Tiếp nối cho đến ngày nay, ra đến ngoài bờ cõi xứ sở.



Đông Tây mộng quả tam canh nguyệt  
Nam Bắc tình thiên vạn lý vân  
Giác mộng đông tây vắng nguyệt lừng  
Tơ tình nam bắc đám mây trôi,  
Vũ Hoàng Chương, viết và tự dịch  
Loạn Trung Biệt Hữu, 1947

Văn gọt dũa thì kém thành thực, thì thiếu ý tân kỳ, thiếu rung cảm sâu sắc? Không hẳn vậy đâu. Đọc những câu trước 1945 như:

" ... Chiều tàn trong ngõ hẹp  
Mưa lùa gian gác xếp  
Ngày trắng theo nhau qua  
Lá rơi đầy ngõ hẹp  
Đời hiu hiu xế tà ... "

hay:

"Nằm say nhựa tỏa cánh xiêu xiêu  
Giường thấp nghe trời xuống tịch liêu ..."  
mà bảo là rung cảm không sâu không thấm thía được sao?

Đọc những câu sau 1945 như:

" ... Lịch treo giữa ngực kêu thành tiếng  
Chẳng tiếng nào nghe khác tiếng mưa ...  
Thời gian từng giọt buông theo máu  
Lại trở về, không gọi cũng thưa  
Còn đó mười hai, còn tháng sáu ...  
Ba mươi năm lẻ vẫn chưa vừa! ..."  
mà bảo là không có ý hay tứ lạ được sao?

Chăm chút cái đẹp của câu thơ trong ngót bốn chục năm trời, Vũ Hoàng Chương có chủ trương nhất định, không phải mấy lời chê bai của Vũ Ngọc Phan mà lay chuyển được. Ông cho rằng thơ phải có vần có điệu, cái vần điệu thích hợp với tâm hồn dân tộc mình. Ông không chịu được thơ tự do, như đã được khởi xướng sau Genève ở miền Nam. Ông bảo chẳng mong có

anh cày ruộng chị gặt lúa ru con nào mà buột miệng ngâm thơ Thanh Tâm Tuyền với Nguyên Sa v.v... "Các nhà thơ của trường phái tự do còn phải tranh đấu gian nan mới chiếm được cảm tình của đại chúng." Thơ tự do có thể được nói đến trong sách văn học nhưng "đi vào văn học sử đâu có khó bằng đi hẳn vào lòng người, đâu có bắt diết bằng đi hẳn vào tâm hồn dân tộc." Ông rộng lượng an ủi: "Không phải thơ tự do bị bỏ rơi! Không!" và "Thơ tự do nếu trong sáng, chân thành, vẫn có rung động được lắm." Nhưng tính ông thẳng thắn, nên rốt cuộc vẫn không giấu được nhận định chủ yếu, nó gần như câu xử tử thơ tự do. Nhận định rằng thơ tự do nổi lên thành phong trào trào từ 1956, "và chỉ một vài năm sau trên thi đàn Việt Nam lại tràn ngập những tiết điệu quen thuộc." Tiết điệu quen thuộc tức những thể thơ cũ, trong đó ông chú trọng nhất là thể lục bát. "Đến hôm nay thì có thể bảo thơ lục bát đã trở thành Thơ-Hôm-Nay."

Ông Vũ vừa không nén được một nụ cười ranh mãnh, mặc dầu bấy giờ ông đang trang nghiêm đọc lời phát biểu trong ngày kỵ thứ 149 của Nguyễn Du, do phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa tổ chức.

Trong nửa đầu thế kỷ ở nước ta, cho đến cuối thập niên 30, hoạt động văn học chuyển từ lớp cựu học sang lớp tân học, từ kiến thức và kỹ thuật của Đông phương sang Tây phương, câu văn từ du dương trầm bổng sang giản dị tự nhiên, đa số văn nhân tiêu biểu thuộc hạng trí thức trung lưu, xu hướng tinh thần nhằm con đường canh tân tiến bộ. Từ các cụ Phan Kế Bính, Nguyễn Đỗ Mục, Nguyễn Bá Học ..., cho đến Nhất Linh, Khái Hưng, Thế Lữ v.v... là thế.

Nhưng sau đó một thế hệ, chợt có sự chia tách đột ngột. Một bên, những người như Nam Cao, Tô Hoài, Vũ Trọng Phụng ...; một bên nữa là Nguyễn Tuân, Đinh Hùng, Vũ Hoàng Chương v.v... Bên này tách khỏi giới trí thức trường giả, giới tiểu tư sản, chọn đứng về phía tầng lớp nghèo khổ, dấn thân vào đấu tranh; bên kia lại tránh xa các tranh đấu xã hội, lại chọn thái độ nhàn du phóng dật. Bên này là nghệ thuật vị nhân sinh; bên kia chủ trương phục cổ, duy mỹ.

Nguyên nhân nào đưa tới sự phát sinh những xu hướng văn học đối ngược nhau vào thời điểm ấy? cái phải cái quấy của mỗi bên ra sao? Đó cũng không phải công việc của chúng ta hôm nay. Ở đây chẳng qua ta chỉ nhận định cái vị trí của ông Vũ trong văn giới bấy giờ.

Vũ Hoàng Chương, ngay từ buổi đầu cầm bút, đã chọn chỗ đứng dứt khoát, đã có biệt sắc rõ rệt, có chủ trương minh bạch. Và cứ thế cho đến tận cuối đời, ông Vũ vẫn một ông Vũ ấy, bất tất phân biệt già với trẻ.

\*

Nói một bên dấn thân một bên phiêu du, như vậy không có nghĩa cho rằng Vũ Hoàng Chương thoát ra ngoài thế sự, lòng không bận đến cuộc hưng vong của quốc gia.

Ông không nuôi trong lòng cái oán thù sùng sục của kẻ nghèo đối với người giàu, ông không đứng vào hàng ngũ giai cấp này chống giai cấp nọ, ông không ca ngợi ánh sáng của chủ nghĩa này, không tố cáo chủ nghĩa kia v.v... Nhưng ông đâu có bao giờ thờ ơ đối với chuyện đất nước. Sao vàng xòe năm cánh trên năm cửa ô, ông mừng vui ngây ngất. Giặc Tây tràn đến, ông khảng khái đòi trả ta sông núi. Nhà cầm quyền cộng sản thiết lập chế độ độc tài khát máu, ông phừng phừng kêu gọi Bắc tiến. Một tôn giáo gặp khó khăn, ông ca ngợi lửa từ bi, đốt "thờ cháy lên theo với lời kinh". Cuối cùng khi miền Nam mất vào tay cộng sản thì ông đi tù, chịu chết, không thay đổi thái độ.

Vũ Hoàng Chương cũng như Nhất Linh, những người quan niệm làm thơ cốt cho đẹp viết truyện trước hết cốt cho được truyện hay, những người chơi lan ở tuổi Đa Mê, hút thuốc ở gác mây v.v..., những người ấy không ngại cái chết vì nước non. Từ một quan điểm nghệ thuật mà suy diễn đến nhân cách, đến thái độ ở đời, thái độ chính trị của người ta, e là chuyện phiêu lưu.

Giữa Nhất Linh và Vũ Hoàng Chương có đôi điều ngộ nghĩnh. Nhất Linh về sau suy đi xét lại, bèn thay đổi hẳn quan niệm sáng tác của mình, viết sách vạch kẻ những sai lầm của mình trước kia. Vũ Hoàng Chương không hề làm thế. Ông làm trái lại! Năm 1969, vào lúc năm mươi

ba tuổi, viết lời mở đầu cho cuốn *Ta Đợi Em Từ Ba Mươi Năm*, ông xác nhận "đặc biệt ưa thích" những bài thơ tình viết trước buổi qua phân đất nước (1954), nghĩa là viết vào khoảng đôi ba mươi tuổi. (*Ta Đợi Em Từ Ba Mươi Năm* là tuyển tập do chính tác giả lựa lấy những bài đã in ở các cuốn *Thơ Say*, *Mây*, *Rừng Phong*, *Hoa Đăng* và *Trời Một Phương*. Hai thi phẩm sau xuất bản năm 1959 và 1962, nhưng các bài được chọn là những bài viết từ trước 1954.)



Năm 1985, một số thân hữu và môn sinh của ông ở Hoa Kỳ cho tái bản tuyển tập nói trên; Vũ phu nhân (trong lá thư đề ngày 14-10-1985) đã viết: *"Trước khi mất anh Chương cũng căn dặn tôi rằng: 'Tất cả những tác phẩm của tôi chỉ cần giữ lại một cuốn Ta Đợi Em Từ Ba Mươi Năm là đủ rồi.' Bây giờ các bạn của anh lại tái bản đúng cuốn đó, vong hồn anh Chương cũng được ngậm ngùi nơi chín suối."*

Như thế, trong khi Nhất Linh vượt bỏ những thành tích buổi đầu, thì Vũ Hoàng Chương lại bỏ phiếu cho thi nghiệp sơ khởi của mình. Ấy là vì trước sau ông Vũ không thay đổi chủ trương; trong khi đó năm tháng làm cơ thể ông suy nhược, tình cảm ông vơi cạn dần. Trong thơ ông vào giai đoạn sau có nhiều suy tưởng hơn cảm xúc, nhiều chữ nghĩa hơn ý tình. Thơ đẹp vẫn đẹp, điêu luyện vẫn điêu luyện; nhưng càng ngày thơ càng hướng về phía trò chơi. Ông thành ra thiện nghệ về thơ thù tạc: ông xướng họa, ông liên ngâm, ông "truyền Kiều", ông "chuyển ngữ" ... "Chuyển ngữ" thơ cổ nhân và "chuyển ngữ" ngay cả thơ của chính ông làm bằng chữ Hán. Ông rất mực tài tình trong các thú vui tỉ mẩn ấy. Nhưng vừa thực hiện những công trình tuyệt diệu như thế, ông vừa tiếc nuối thời đã qua.

Năm 1982 trên một số báo Đất Mới xuất bản ở Seattle (tiểu bang Washington) tưởng niệm Vũ Hoàng Chương, bà Quỳ Hương nhắc lại câu chuyện hồi năm 1960, tại trung tâm Bút Việt ở Sài Gòn, khi giới thiệu diễn giả là Vũ Hoàng Chương nói về thi ca, Nhất Linh đã gọi Vũ thi sĩ là "ông vua thơ". Thi sĩ tiền chiến đã bao người xuất hiện và thành danh trên báo Ngày Nay, hay từ nhà xuất bản Đời Nay củ Nhất Linh: Thế Lữ, Huy Cận ... Giữa bấy nhiêu tài danh, được Nhất Linh chọn phong vương! Vũ Hoàng Chương tiền chiến có cái thành tích đáng sợ chứ.

Sau tháng 4-1975, một hôm Mai Thảo đến Gác Bút ở Khánh Hội, trông thấy một Vũ Hoàng Chương mệt nhoài, nằm thiếp trên sàn. Hỏi thì được biết ông vừa đến nhà Mộng Tuyết bên Gia Định về. Cố gắng đến vì có ông Đào Duy Anh từ miền Bắc vào nhắn lời rất muốn gặp, và rất muốn có một tập *Rừng Phong*. Ông Vũ kể rằng hôm ấy ông Đào đã nói với ông: "Thơ, trước sau tôi vẫn chỉ yêu nhất có hai người. Là anh và Lý Bạch." (Đất Mới tháng 5-1982).

Như thế Vũ Hoàng Chương tiền chiến mãi sau này vẫn được danh gia trong văn giới trọng vọng rất mực, được xếp ngang hàng với thi tiên bên Trung quốc, được tôn làm thi vương thi đế.

Vũ Hoàng Chương tiền chiến được người trọng, và cũng được chính ông tự yêu thích; còn Nhất Linh tiền chiến, sau Genève từng có độ gặp một phong trào đã phá chệch, và ngay chính ông, ông cũng không bằng lòng các tác phẩm thời trước của mình.

Giữa Vũ Hoàng Chương và Nhất Linh có chỗ khác nhau như thế, cũng lại có chỗ giống nhau. Kể ra chỗ giống nhau là điểm tâm lý chung của hầu hết các văn thi sĩ tiền chiến ở miền Nam sau 1954: Các bậc tiền bối ấy có cảm tưởng là mình bị thế hệ sau bỏ rơi. Nhất Linh tâm sự với Nguyễn Vỹ là lớp trẻ không hiểu mình, Vũ Hoàng Chương than với Nguyễn Mạnh Côn trong một cuộc phỏng vấn rằng ông từng có lúc muốn chết vì thấy mình sống không cần thiết, thơ viết chẳng có người đọc. Quách Tấn cũng cảm thấy niềm cô đơn ấy:

"Thơ không người thưởng thức  
Mình chép riêng mình ngâm"  
(*Chép thơ*)

Trong hiện tượng ấy có điều đáng suy nghĩ: Ngay hồi tiền chiến, vào thời điểm xuất hiện của Quách Tấn và Vũ Hoàng Chương thì thơ của họ cũng đã "già", đã "xưa" lắm rồi, tại sao nó không hề lỗi thời mà lại tức khắc làm nên danh tiếng lẫy lừng của họ chính vào thời đại của thơ mới? Để rồi mười năm sau thịnh hành nó hóa cũ cách tức tưởi?

Một con sói già không còn săn được mồi nữa, một lão ngư ông bắt lực ngoài biển cả, một nhà văn không sáng tác được vì không bắt kịp thời đại ..., là cả một thảm kịch. Đã có những văn nhân thi sĩ không chịu đựng được cảnh ấy. Ông Vũ chắc chắn không có ý định "dọa" ông Nguyễn Mạnh Côn. Hướng hồ về sau, sau 4 -1975, ông còn gặp những đày đọa nghiệt ngã. Nói về Vũ Hoàng Chương mà không một hồi tưởng về những đau đớn cuối đời ông, mà chỉ toàn chuyện vắn với điệu lời với tứ, e tàn nhẫn.

Sau tháng 4 - 1975, cái xã hội quanh ông trông chẳng ra làm sao:

"Tôi chưa tới hẳn, sáng sao đành  
Gà lợn om sòm cả bức tranh  
Rằng vách có tai, thơ có họa  
Biết lòng ai đỏ, mắt ai xanh?  
Mắt gà huỳnh đệ bao lần quáng  
Lòng lợn âm dương một tác thành  
Thôi hãy im đi đừng ủn ỉn  
Nghe rỗng ngâm váng khúc tân thanh."  
(*Vịnh Tranh Gà Lợn*)

và nhìn lại bản thân mình (trong lao tù) thì thật bi đát:

"Từ độ vào đây tháng đã mòn  
Lông hồng gieo xuống nhẹ dường non  
Một manh chiếu lĩa hồn ngây ngất  
Ba chén cơm rau xác mỗi mòn  
Ngày đến bữa ăn càng nhớ vợ  
Đêm về giấc ngủ lại thương con  
Bao nhiêu nước chảy qua cầu nữa  
Chẳng dễ gì phai được tám son."

Có mấy người bạn đã lui tới với Vũ Hoàng Chương trong những tháng sau cùng ở Sài Gòn kể rằng ông Vũ và phu nhân và người con đã sẵn thuốc độc, nhiều lần toan tính cùng chết với nhau. Việc ấy chưa kịp thực hiện thì ông bị bắt, rồi hơn một tháng sau bài thơ tuyệt mệnh trên đây, ông ra đi một mình.

Mười lăm năm sau, trên tạp chí Làng Văn, số xuân năm Tân Mùi, Đào Trường Phúc có bài tùy bút thật cảm động. Bài viết về Vũ Hoàng Chương, người thầy cũ của ông: "Theo học ban C của Chu Văn An là một trong những ước nguyện lớn nhất của tôi lúc bấy giờ, vì một lý do rất đơn giản: điều đó có nghĩa rằng một năm sau tôi sẽ được theo gót anh tôi, trở thành học sinh Đệ Nhị C, lớp duy nhất của bậc Trung học tại Sài Gòn được học Việt văn với Giáo sư Vũ Hoàng Chương. Ngót ba chục năm sau, mỗi khi gặp lại những bạn bè đồng song và cùng nhau nhắc lại những kỷ niệm dưới mái trường xưa, tôi đều nghiệm ra rằng hình ảnh của "Thầy Chương" là một trong những hình ảnh được tất cả học trò ban C Chu Văn An ghi nhớ một cách thuần nhất và bền bỉ hơn cả."

Ông Đào Trường Phúc nhắc lại một số kỷ niệm, và phân tích cái cảm tình của ông đối với thầy. Ông nhớ bộ đồ thầy mặc, chiếc cặp da thầy cầm, khuôn mặt xương xương bước chân lững thững giọng nói nhỏ nhẹ nụ cười nhẹ nhàng của thầy.

Khi đã ra đời, thỉnh thoảng có dịp đến thăm thầy cũ, *"trong khi nghe những lời ông nói, những câu thơ ông đọc, tôi bất giác trở lại niềm sung sướng và xúc động của ngày xưa, khi tôi còn ngồi trên ghế nhà trường và ngược mặt nhìn dáng dấp ông trên bục giảng. Trong lòng tôi của thời gian ấy, không phải chỉ có sự ngưỡng mộ nhà thơ Vũ Hoàng Chương như trong thời tôi mới lớn, mê thơ ông và ước ao được trở thành học trò của ông. Phải nói là tôi yêu thương ông cũng như yêu thương từng vần thơ của ông (...)"*

Tôi sung sướng chép lại từng đoạn dài trong bài tùy bút của Đào quân, một mặt vì những lời như thế hẳn làm vong hồn thi sĩ *"được ngậm cười nơi chín suối"* như Vũ phu nhân từng nói; mặt khác những lời ấy có thể giải tỏa cảm tưởng nặng nề u ám nơi chính mình, giải tỏa nỗi buồn se thất hiu hiu trong lòng mình khi đối diện sự nghiệp và cuộc đời một con người, một lớp người tài hoa, lỗi lạc, bị kẹt vào hoàn cảnh éo le.

Trong cuốn Văn Học Pháp (Littérature Française, tập 9) tác giả bảo 80% các tác phẩm văn nghệ bị quân chúng quên lãng ngay trong năm đầu tiên vừa ra đời, và hai mươi năm sau thì tỉ số bị đời quên lãng là 90%. Từ khi cuốn Say của Vũ Hoàng Chương xuất bản (1940) cho đến mấy lời thương tiếc của Đào Trường Phúc hơn nửa thế kỷ đã trôi qua.

*"Bao nhiêu nước chảy qua cầu nữa  
Chẳng để gì phai một tấm son."*

(Văn Học Miền Nam - Thơ, NXB Văn Nghệ 1999)

## Văn học miền Nam 54-75 (79): Dấu hỏi vây quanh kiếp người (Về thơ Vũ Hoàng Chương) Thích Nhất Hạnh



Có một bài thơ của Vũ Hoàng Chương có lẽ ít người biết đến. Đây là một trong những bài thất ngôn tứ tuyệt.

*“Dấu hỏi vây quanh trọn kiếp người  
Sên bò nát óc máu thấm rơi  
Chiều nay một dấu than buông dứt  
Đinh đóng vào sãng tiếng trả lời.”*

Người miền Nam và miền Trung có lẽ chưa biết chữ “sãng” này. Sãng có nghĩa là hòm, là cái quan tài. *“Dấu hỏi vây quanh trọn kiếp người”* Nếu là con người thì có tư duy. Ở Tây phương, người ta thường ví con người là cây sậy biết suy tư. Cây sậy rất yếu đuối, dễ bị tai nạn, dễ bệnh, dễ chết nhưng nó có khả năng tư duy. Trừ khi ta quá bận rộn lo làm ăn, còn lại ta thường đặt ra những câu hỏi như *“ta từ đâu đến?” “Tại sao ta đến đây?”* và *“Sau này ta sẽ đi về đâu?”* Những câu hỏi đó thường ám ảnh ta. Bao nhiêu nhà triết học, bao nhiêu nhà thơ cũng đã từng đặt ra những câu hỏi như thế, nhưng vì họ làm việc bằng trí năng nên đã không tìm ra được câu trả lời thỏa đáng. Với người có suy tư và biết nhìn sâu thì đặt ra không biết bao nhiêu câu hỏi về thân phận con người. *“Hạt bụi nào hóa kiếp thân tôi, để một mai tôi về làm cát bụi?”* Rất nhiều những câu hỏi như vậy vây quanh chúng ta. Đi cũng bị chúng vây bủa, đứng cũng bị chúng vây bủa, và nằm ngủ cũng bị chúng bủa vây, vì con người là cây sậy biết tư duy. Những câu hỏi đó là những dấu hỏi bám vào óc mình như những con sên. Vì theo thi sĩ hình ảnh dấu hỏi là hình ảnh của những con sên. *“Sên bò nát óc”*. Trong não bộ của mình có những con sên hình dấu hỏi đang bò đi để tìm hiểu. Đó là hình ảnh của thi ca. Khi làm thơ chúng ta phải mượn hình ảnh chứ không được tuyên bố bằng những danh từ trừu tượng. Ví dụ khi buồn ta nói *mây sấm giăng trong hồn tôi* chứ không được nói *tôi buồn*, nói *tôi buồn* thì không phải là thơ.

*“Dấu hỏi vây quanh trọn kiếp người  
Sên bò nát óc máu thấm rơi”*.

Mẫu người tư duy thường đưa ra những câu hỏi rất dễ sợ, trong bộ não ta có những con sên đang bò suốt ngày đêm để tìm kiếm. *“Sên bò nát óc máu thấm rơi”*, nát óc là không tìm ra được câu trả lời. Đó là vấn đề sống chết của con người. Không phải nước mắt mà là máu, tức là chúng ta đã làm việc quá nhiều. *“Máu thấm rơi”*. Thấy được nỗi khổ niềm đau của con người, chúng ta muốn biết được sự thật, muốn tìm ra câu trả lời cho kiếp người, nhưng không tìm ra được, điều đó đã trở thành nỗi khổ niềm đau. Nỗi khổ niềm đau không phải chỉ của các nhà triết học, mà là của tất cả chúng ta. Và cứ như vậy mà ta sống hết ngày này qua ngày khác vẫn không tìm ra được câu trả lời cho câu hỏi *nát óc* đó. Cho đến một ngày kia

*“Chiều nay một dấu than buông dứt  
Đinh đóng vào sãng tiếng trả lời”*

Chết rồi nằm trong quan tài nhưng vẫn chưa có câu trả lời. Và dấu than đối lại với dấu hỏi. Dấu than không phải là hình con sên mà là hình của cây đinh đóng vào quan tài của mình. *“Đinh đóng vào sãng tiếng trả lời”*, xác của mình đã nằm trong quan tài rồi và người ta đã đóng lại. Tiếng “bình, bình” đó là tiếng trả lời. Nói tóm lại là không có tiếng trả lời cho những câu hỏi như vậy. *“Tại sao ta có mặt ở đây? Ta từ đâu tới? Ta sẽ đi về đâu? Tại sao ta phải hứng chịu tất cả những hệ lụy của kiếp người? Tại sao có quá nhiều đau khổ trong một kiếp người?”* Và dụng cụ để tìm câu trả lời cho những câu hỏi đó chỉ là não bộ, là trí năng của mình. Siddhattha ngày xưa cũng đã từng đi tìm và ban đầu Siddhattha đi tìm bằng trí năng. Nhưng sau đó Siddhattha biết rằng không thể đi tới và tìm ra được câu trả lời bằng trí năng nên Siddhattha phải sử dụng cả con người của mình. Khi tu thiền chúng ta phải biết rằng ý thức không đủ để giải quyết vấn đề mà phải dùng cả tàng thức, cả thân và tâm của mình. Cho nên đi tìm câu trả lời bằng con đường của trí năng thì không thể đạt tới được, và cuối cùng chỉ có những cây đinh đóng vào

săng mà thôi. Có một bài thơ trong thi phẩm Rừng Phong của Vũ Hoàng Chương là “*Bài Ca Siêu Thoát*”, nhưng không được siêu thoát lắm vì ông chưa tìm ra được câu trả lời mà cứ hy vọng rằng mình sẽ tìm ra và đã tìm ra.

*“Trải mấy hoang mang tìm kiếm  
Lòng sao khát mãi chưa vơi”  
Đôi lẽ có không mâu nhiệm,  
Đêm đêm ta hỏi người xưa”*

Tức là ta tư duy về vấn đề hữu thể và vô thể. Đây là đề tài để suy nghĩ, ta thực sự có mặt đây hay ta đang không có mặt. Hầu hết nhà triết học nào cũng bắt đầu bằng câu hỏi này

*“Trải mấy hoang mang tìm kiếm  
Lòng sao khát mãi chưa vơi”  
Đôi lẽ có không mâu nhiệm,  
Đêm đêm ta hỏi người xưa”*

Người xưa là những người đã suy tư về vấn đề có và không. Người xưa đã cống hiến kết quả suy tư của mình trên những trang giấy trắng hoặc bằng chữ Hán, hoặc bằng chữ Hy Lạp, chữ La tinh và ta chong đèn lên mỗi đêm để đọc sách triết học, đọc sách người xưa, hy vọng tìm ra được câu trả lời.

*“Đôi lẽ có không mâu nhiệm,  
Đêm đêm ta hỏi người xưa”*

Ban ngày ta bận rộn, ban đêm chong đèn lên để tìm kiếm.

*“Đuốc kim cổ, đây lòng ta thành kính  
Hội trầm luân cùng ý thức huyền vi  
Mà sáu nẻo hôn mê còn chưa định  
Ta về đâu, kia người đến làm chi”.*

Đuốc kim cổ là bó đuốc ngày xưa và bây giờ dùng để soi sáng cho mình. Ta sử dụng với tất cả sự thành kính của ta. Cùng thuyền, cùng hội cùng trầm luân với nhau, và cùng có ý thức đi tìm lẽ huyền vi của cuộc đời.

*“Mà sáu nẻo hôn mê còn chưa định  
Ta về đâu, kia người đến làm chi”*

Sáu nẻo hôn mê ở đây tác giả muốn nói đến sáu đường: thiên, nhân, Atula, địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Sáu nẻo đều hôn mê hết chưa tìm thấy con đường. Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh không thấy đã đành mà con người cũng không thấy được con đường. Không những Atula mà chư thiên ở trong tam giới cũng chưa thấy được con đường. Ta chưa tìm ra được câu trả lời “ta sẽ đi về đâu” thì người đến để làm chi? Người sinh ra làm chi cho khổ? Sinh ra làm chi để cho ta phải đặt câu hỏi:

*“Tại sao ta phải sinh ra?  
Ta sinh ra để làm gì?  
Ta sẽ đi về đâu?  
Ta về đâu kia người đến làm chi”*

Tức là có đến và đi. Sau khi có vấn đề “*hữu và vô*” thì có vấn đề *khứ* và *lại*, đó là những đề tài của triết học. “*Mà sáu nẻo hôn mê còn chưa định*” chưa tức là chưa “*ta về đâu, kia người đến làm chi*”, câu hỏi đặt ra rất rõ ràng. Anh từ đâu tới và tôi sẽ đi về đâu? Tại sao chúng ta phải có mặt ở đây?

*“Phải chăng muôn kiếp nặng nề  
Từ hư không tới lại về không hư”*



Có phải mình từ hư không tới và mình sẽ trở về hư không hay không? Lần trước chúng ta cũng nghe Trịnh Công Sơn nói tương tự như vậy, mình từ hư không tới rồi mình sẽ trở về hư không. Đó là do mình chưa tiếp xúc được với tuệ giác đạo Phật. Tuệ giác của đạo Phật thì không có cái gì từ không mà trở thành có và cũng không có cái gì từ có mà trở thành không. Như đám mây, đám mây không phải từ không mà trở thành có và đám mây cũng không bao giờ từ có mà trở thành không. Vì vậy tuệ giác đạo Phật vượt thoát Hữu và Vô. Nội câu này thôi cũng đã chứng tỏ rằng trong khi viết bài thơ này tác giả chưa tiếp xúc được với nguồn tuệ giác của đạo Phật,  
*“Phải chăng muôn kiếp nặng nề  
Từ hư không tới lại về không hư  
Lẽ nào mộng cả đời u,  
Người ơi giọt bệ, chứa dư tang diên”*

Ruộng dâu biến thành bãi biển. Rồi bãi biển trở thành đất liền. Đất liền trở thành ruộng dâu. Rồi ruộng dâu trở thành bãi biển. Đó là vô thường. Hôm nay thế này, ngày mai thế kia. Hôm nay có, ngày mai không. Hôm nay không, ngày mai có. Có phải là từ không trở thành có? Hôm nay ta có mặt ở đây nghĩa là ta có. Ngày mai ta không có mặt ở đây nữa có phải là từ có trở thành không?

*“Sông ôm bóng nguyệt không mà có  
Hay có mà không nhĩ gã say?  
Người vừa ôm ấp trong tay  
Nhạc dạo đêm nào vạn cổ  
Sau trước cùng chung niềm tín mộ  
Đâu lẽ có chiều qua mà không sáng nay”*

Người mình ôm trong tay để khiêu vũ theo tiếng nhạc trên sàn gỗ bây giờ không còn nữa. Có phải sự thật người đó đã từng có mà bây giờ thành không hay không? Đó là câu hỏi được đặt ra nhưng chưa có câu trả lời. Hồi còn trẻ tôi thích đọc thơ, những bài thơ của Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận... tôi đã đọc thuộc lòng. Bài thơ *“Trước Cảnh Cao Rộng”* nói lên tâm trạng của tác giả đứng trên bãi biển nhìn không gian mênh mông, bỗng cảm thấy con người mình quá bé nhỏ và không biết tại sao mình có mặt ở đây. Sự có mặt của một sinh vật nhỏ bé như mình có ý nghĩa gì không?

*“Tôi rộng trông ra bốn phía xa khơi  
Cảnh mênh mông riêng có một mình tôi  
Đang thơ thần với nổi lòng bát ngát  
Như kẻ bộ hành ngơ ngác  
Lạc vào nơi đồng đất hoang vu  
Ta mang theo một khối tình u  
Tìm mà chẳng thấy lẽ uyên thâm trong tạo vật  
Ngừng bước nản tôi trông mây, trông nước  
Trông bầu xanh trong nét mặt u trầm.  
Hỏi có nghe thấy tiếng ta chẳng  
Nghe thấy tiếng một tâm hồn đau khổ  
Ta muốn biết lẽ nhiệm màu trong vũ trụ  
Nhưng than ôi, tạo vật vẫn làm thinh  
Ngàn muôn năm giữ vẻ mặt vô tình  
Và lãnh đạm cao siêu huyền bí”.*

Trời đất rất vô tình lãnh đạm, cao siêu huyền bí. Đó là Thế Lữ. Còn Chế lan Viên thì sao? Ghê rợn hơn nữa. *“Sao ở đâu mọc lên trong đáy giếng”* tưởng tượng tâm hồn mình là một đáy giếng rất sâu, sâu thăm thẳm và có một ngôi sao mọc lên từ đó.

*“Sao ở đâu mọc lên trong đáy giếng  
Lạnh như hồn u tối vạn yêu ma.  
Hồn của ai trú ẩn ở đầu ta  
Ý của ai trào lên trong đáy óc  
Để bay đi theo tiếng cười nhíp khóc”*  
Những câu đó rất đau khổ.  
*“Biết làm sao giữ mãi ta đây  
Thịt cứ chiều theo thú dục chua cay  
Máu cứ nhảy theo nhịp cuồng kẻ khác  
Mắt theo dõi tinh hoa bao màu sắc  
Đau đớn thay cho đến cả linh hồn  
Cứ đi tìm chán nản với u buồn  
Để đỉnh sọ trơ vơ trần ý thịt  
Mà phải đâu đã đến ngày tiêu diệt  
Ai bảo dùm ta có có ta không?”*

Là học trò của Siddhattha chúng ta có cơ hội vì chúng ta biết rằng nếu ta đi tìm bằng con đường năng trí thì chúng ta sẽ thất bại.

*“Dấu hỏi vây quanh trọn kiếp người  
Sên bò nát óc máu thấm rơi  
Chiều nay một dấu than buông dứt  
Đinh đóng vào sãng tiếng trả lời”*

Vì vậy khi đến chùa là ta đã có cơ hội, ta phải tìm cách tiếp xúc cho được phương pháp thực tập, để có thể cung cấp cho mình những câu trả lời, mà đừng đi tìm những tiện nghi nhỏ nhặt. Khi tới chùa nếu được gặp thầy, gặp bạn, thì phải nhớ mục đích mình tới chùa để làm gì. Không phải bỏ thời gian để nói chuyện này, chuyện nọ. Không khí ở chùa là không khí trong đó mình có thể đi tìm những câu trả lời. Còn nếu mình để thì giờ để nói chuyện kinh tế, chính trị, chuyện công ăn việc làm, chuyện chùa này chùa khác thì uống lăm. Khi được ngồi với các thầy, các sư cô, các đạo hữu đã tu học lâu hơn mình, thì phải biết lợi dụng các cơ hội đó mà học hỏi các phương pháp quán chiếu để trả lời các câu hỏi kia. Làm sao để có niệm, có định để rồi có tuệ? Vì chỉ có tuệ mới đưa đến câu trả lời, mới giải phóng mình ra khỏi vùng vô minh, hắc ám đã bao phủ mọi người. *“Dấu hỏi vây quanh trọn kiếp người”* tức là màn vô minh.

Trong thi phẩm Rừng Phong xuất bản tại Sài Gòn năm 1954, có bài thơ *“Nguyện cầu”* in ở trang đầu tiên, như một bản tuyên ngôn của tác giả. Tập thơ này do Đinh Hùng trình bày, Đinh Hùng cũng là một thi sĩ. Khi đọc bài này ta có thể thấy được tâm trạng của Vũ Hoàng Chương 50 năm trước vẫn chưa thấy được đạo. *“Ta còn để lại gì không?”* Câu hỏi đặt ra là sau khi chết mình để lại gì cho cuộc đời. Các nhà tư tưởng, các nhà nghệ sĩ, các nhà chính trị muốn để lại sự nghiệp của mình cho đời. Vì người nào cũng có khuynh hướng, có ước muốn đi tìm cái bất tử. Tu theo đạo Lão, người ta muốn làm thế nào để thành trường sinh bất tử, và tu theo đạo Bụt người ta cũng muốn đạt đến cái vô sanh bất diệt. Và câu hỏi *“Ta còn để lại gì không?”* cũng biểu lộ cái khuynh hướng và ước muốn đó.

*“Ta còn để lại gì không  
Kìa non đá lở, này sông cát bồi”*

Núi đá thì lở ra mà dòng sông thì cát bồi, có những con sông bị cát bồi dần dần thành dòng sông cạn.

*“Lang thang từ độ luân hồi  
U minh nẻo trước xa xôi dặm về”.*

Tác giả đã sử dụng từ luân hồi của đạo Phật nhưng thực chất tác giả chưa hiểu được luân hồi là gì, “*U minh nẻo trước*” tức là mình không thấy rõ con đường trước mặt. Và con đường trở về quê hương đích thực của mình cũng còn rất xa. Cho nên bài “*Nguyện cầu*” này cũng là một câu hỏi. “*Lang thang từ độ luân hồi*” có một giai đoạn nào đó mình bị đi luân hồi, trước đó mình rất an lành nhưng vì mắc phải lầm lỗi nào đó nên bị đày xuống trần gian “*U minh nẻo trước xa xôi dặm về*”, phía trước thì u minh đen tối, phía sau con đường trở về thì mịt mờ, không biết đi đâu. Rất tội nghiệp! “*Trông ra bến hoặc bờ mê*”, nhìn ra thì thấy toàn là bến bờ mê hoặc, toàn là vô minh, không có gì sáng sủa, không có gì là sự thật cả. Trong danh từ Phật học chữ “*hoặc*” có nghĩa là phiền não, đây là từ chuyên môn của đạo Phật.

“*Trông ra bến hoặc bờ mê*

*Nghìn thu nửa chớp bốn bề một phương*”

Nghìn thu là nghìn năm, chỉ ngắn bằng nửa cái chớp, rất vô thường! “*Nghìn thu nửa chớp bốn bề một phương*” nghĩa là tuy nói bốn phương nhưng kỳ thực không đi xa được, nó cũng chỉ là một phương thôi. Điều mà thi sĩ thấy được là tính vô thường của thực tại. Tuy nhiên thi sĩ không đi xa hơn cái thấy vô thường đó, bởi vì trong sự tu học nếu biết đào sâu vào vô thường thì chúng ta mới tìm thấy vô ngã. Nhưng thi sĩ không được ai trao truyền những dụng cụ để đào sâu vào sự thật vô thường. Vì vậy thi sĩ chưa bao giờ khám phá được sự thật vô ngã. Có rất nhiều người nói đến vô thường. Heraclitus cũng nói đến vô thường, và đức Khổng Tử cũng nói đến vô thường. Heraclitus nói: “*không ai có thể tắm hai lần dưới một dòng sông*”. Đó là vô thường. Dòng sông phút sau không còn là dòng sông của phút trước nữa. Người tắm cũng vậy, người tắm xuống rồi lên lại là đã trở thành người khác rồi. Vì vậy trong câu nói đó chứa đựng tuệ giác vô thường. Còn đức Khổng Tử đứng trên bờ sông nhìn xuống thì than rằng “*Cứ chảy mãi như thế này sao, ngày đêm không ngưng nghỉ*”. Tức là ngài nói đến sự vô thường. Phật cũng nói về vô thường, nhưng vô thường của Phật khác, vô thường của Phật không phải là lời than thở, mà là một phép quán. Ta phải sử dụng định vô thường, tam muội vô thường như là một dụng cụ, một cái cuốc để đào bới. Vì vậy vô thường không phải để thở than. Vô thường không phải là một triết thuyết, nó không mang tính chất triết học. Vô thường là một dụng cụ, là một phép quán, nhờ dụng cụ vô thường đó mà mình biết đào xới thực tại và nhờ thế mới phát hiện ra viên ngọc Vô ngã. Vô ngã sẽ trở thành một dụng cụ khác để đào xới và làm phát khởi sự thật tương tức, vô sinh bất diệt. Các thi sĩ, các nhà triết gia sử dụng trí năng của họ để suy tư. Nhưng ở đây không phải là vấn đề suy tư mà là vấn đề thực tập.

Trong thiền Tào Động, Tào Động Tông là một trong năm tông phái thiền, có một thiền ngữ như thế này: “*Tư lượng cá bất tư lượng để, bất tư lượng để như hà tư lượng, phi tư lượng thị thiền chi yếu giả*”. Tư lượng đọc là tư lượng. Tư lượng tức là suy tư, tư duy. Lượng là đo là cân. Tư lượng tức là cân nhắc, đo lường. “*Tư lượng cá bất tư lượng để*” là suy tư cái không thể suy tư. Trong danh từ đạo Phật có từ “*Bất khả tư nghị*”, nghị là bàn luận. Cái gì không suy tư không bàn luận được? Cái gì mà nói ra là trật, không thể tư duy được? Cái gì mà mầu nhiệm vậy? Cái mà không thể suy tư, không thể tìm tới bằng con đường suy tư, không thể diễn tả bằng lời nói gọi là “*bất khả tư, bất khả nghị*” Cái không thể suy tư làm sao mình suy tư được? Cái không thể tư lượng làm sao tư lượng được? Đó là hiệu lệnh của thiền Tào Động. Vì vậy con đường tư duy không đưa tới kết quả. Khi học tổ Lâm Tế ta nghe tổ dạy, mình cần phải đoạn cảnh, cần phải cắt đứt đường rày của tư duy, vì tư duy là cứ chạy quanh. “*Sên bò nát óc máu thấm rơi*”. Tư lượng về cái không thể tư lượng là vô nghĩa vì cái không tư lượng thì làm sao tư lượng được. Vì vậy cái không tư duy là yếu chỉ của thiền Tông. Đó là trực giác, là Bát Nhã. Chỉ có cái đó mới khám phá, khơi mở, diễn bày sự thật mà thôi. Trí tuệ giác Bát Nhã không phải là tư duy. Ví dụ như quý vị đã từng ăn sầu riêng, bây giờ muốn giúp cho một người Tây Phương chưa bao giờ ăn sầu riêng, chưa biết sầu riêng là gì, quý vị giải thích sầu riêng là như thế này, sầu riêng là như thế kia, và dù quý vị có làm cho họ tư duy cách mấy đi nữa họ cũng không thể nào hiểu được về trái sầu riêng là gì. Sầu riêng là cái không thể tư duy được. Chỉ có một cách giúp họ là

đút một miếng sầu riêng vào miệng họ. Cái đó gọi là trực giác. Phải chấm dứt tư duy để đi tìm trực giác. Vì vậy ngồi thiền không phải để tư duy, ngồi thiền là để sử dụng tuệ giác trực tiếp của mình.

*“Ta còn để lại gì không  
Kìa non đá lở, này sông cát bồi  
Lang thang từ độ luân hồi  
U minh nẻo trước xa xôi dặm về  
Trông ra bến hoặc bờ mê  
Nghìn thu nữa chớp bốn bề một phương”*

Đã thấy được tính vô thường nhưng không biết sử dụng vô thường như là một dụng cụ để đào bới, để tìm kiếm. Do đó tác giả chưa bao giờ khám phá được vô ngã mà vô ngã thực ra nằm sát ngay sau lưng vô thường. Thấy được vô thường là thấy được vô ngã. Các nhà triết học kia kể cả Khổng Tử, Heraclitus chưa thực sự thấy được vô thường. Vì thấy được vô thường sâu sắc thì thấy được vô ngã, vì vô thường là mặt khác của vô ngã. Vô thường là đứng về phương diện thời gian mà diễn bày, còn vô ngã là đứng về phương diện không gian mà nhìn nhận. Thực sự, thấy được vô thường thì thấy được vô ngã. Chưa thấy được vô ngã thì chưa thấy được vô thường.

*“Trông ra bến hoặc bờ mê  
Nghìn thu nữa chớp bốn bề một phương  
Ta vang cát bụi trên đường  
Dù như dù sạch đừng vương gót này.*

Trong tư duy của thi sĩ vẫn còn có dấu tích của truyền thống Á Đông. Những con người đặc biệt có tài năng, và hầu hết chúng ta cũng vậy đều có tư tưởng chúng ta là Trích Tiên, tức là vị tiên sống trên thượng giới nhưng vì bị làm lỡ gì đó nên Ngọc Hoàng đày chúng ta xuống trần gian, và chúng ta phải sống bao nhiêu kiếp đó cho đến khi chuộc được lỗi lầm thì ngài cho trở về thượng giới. Và ta đang sống ở cảnh giới mà Tây Phương gọi là rơi xuống bị đọa đày, Adam và Eva bị rớt xuống trần gian. Thượng đế tạo ra hình ảnh vì không nghe lời thượng đế ăn trái cấm và đã cứu chuộc hơn 2500 năm mà vẫn chưa lên trở lại được. Trong sâu thẳm tâm hồn, chúng ta nghĩ rằng, ngày xưa chúng ta ở một nơi rất nhiệm màu rất an ổn, không tư lượng, không lo lắng gì cả, tự nhiên bây giờ sinh ra làm một kiếp người, phải lo lắng quá nhiều, phải suy tư quá nhiều. Vì thế bây giờ ta mong ước trở lại chỗ ngày xưa, nơi mà ta hoàn toàn an ổn, không cần phải lo lắng cho tương lai hay hối hận gì về quá khứ. Không phải chỉ có các nhà triết học, các nhà thi sĩ mới có khuynh hướng như vậy mà tất cả chúng ta đều có cảm tưởng như thế. Nghĩ là chúng ta tới từ một chỗ rất yên ổn, rất an lành và chúng ta đang khổ đau vì bị luân hồi, vì bị làm một vị Trích Tiên ở hạ giới. Chúng ta nghĩ rằng khi ta đền hết tội thì ta sẽ được trở về nơi khung trời an lành của ta ngày xưa. Người nào cũng cho mình là một vị Trích tiên, một vị tiên bị đọa xuống trần gian.

*“Lang thang từ độ luân hồi  
U minh nẻo trước xa xôi dặm về”.*

Đó là cái thấy của tác giả, cái thấy của chúng ta. Thật ra nếu nhìn sâu một chút chúng ta sẽ thấy rằng chúng ta đã từng sống qua cảm giác yên ổn đó rồi, đó là khoảng thời gian chúng ta ở chín tháng trong bụng mẹ, bụng mẹ là cung điện của người con (gọi là tử cung). Chúng ta ở đó yên lành không phải lo lắng gì cả, cái gì cũng có mẹ lo. Không cần phải lo ăn, lo uống, lo thờ, không cần phải đối phó gì hết. Chín tháng trong bụng mẹ là hoàn toàn vô ưu. Siddhattha đã sinh ra dưới cây vô ưu. Nhưng dù sinh ra dưới cây vô ưu, Siddhattha cũng ưu tư rất nhiều. Ưu tư quá nhiều đến nỗi phải bỏ nhà, bỏ cung điện đi tu. Vì không thể trốn thoát được những câu hỏi đó nên phải đi tìm. Và cứ nghĩ rằng mình đi luân hồi mấy kiếp để trả nợ, đền hết tội rồi mới được trở về chỗ an lành đó. Tản Đà cũng có một bài thơ nói chuyện này, ngày xưa mình cũng

là Trích Tiên ở trên thượng giới bị đày xuống trần gian làm thi sĩ rất cực. Bán một bài thơ được mấy chục đồng thôi, lại có khi bán không chạy và không có tiền để tiếp tục làm thơ nên phải đình bán. Đó là số kiếp của Tản Đà, Nguyễn Khắc Hiếu. Có một đêm, Tản Đà mơ thấy chư thiên trên trời xuống mời lên đọc thơ cho thượng đế nghe. Sau khi đọc thơ, chư thiên và Ngọc Hoàng rất thích. Ngọc Hoàng nói rằng ngày xưa con cũng ở đây làm chư thiên, nhưng vì con làm lỡ nên bị đày xuống trần gian. Con ráng truyền bá lý thuyết nhân bản, mai mốt đền được tội thì Ngọc Hoàng sẽ cho con trở về thượng giới. Đó là bài thơ của Tản Đà.

*“Ta van cát bụi trên đường  
Dù như dù sạch đưng vương gót này  
Để ta tròn một kiếp say  
Cao xanh liêu một cách tay níu trời  
Nói chi thua được với đời  
Quản chi những tiếng ma cười đêm thâu  
Tâm hương đốt nén linh sầu  
Nhớ quê dằng dặc ta cầu đó thôi”*

Ta không thuộc về thế giới này, ta là vị tiên, vì vậy ta không muốn dính vào những cát bụi, ganh tị, đố kỵ, tham lam. Ta không muốn dính vào hệ lụy đó. Ta muốn mai mốt ta sẽ trở về chỗ của ta trên kia. Đó là tư duy của vị Trích Tiên.

Bài thơ “*Nguyện cầu*” này nhớ về cõi mà mình đã ra đi và mình hoàn toàn không muốn dính líu, không muốn để lại sự nghiệp gì ở đây hết. “Ta còn để lại gì không?” Ta không còn thuộc về thế giới này nữa, ta thuộc về thế giới khác. Trong khi đó đạo Bụt nói rằng Niết Bàn và thế gian là một. Muốn đi tìm Niết Bàn phải đi tìm ngay trong thế gian. Ta Bà chưa đặng Tịnh Độ. Và Bồ Đề được tìm ngay trong phiền não. Điều này tác giả chưa tiếp xúc được, chưa có kiến thức Phật học, chưa có thực tập.

*“Nói chi thua được với đời  
Quản chi những tiếng ma cười đêm thâu  
Tâm hương đốt nén linh sầu  
Nhớ quê dằng dặc ta cầu đó thôi  
Đêm nào ta trở về ngôi  
Hồn thơ sẽ hết luân hồi thế gian”*

Ta đâu muốn có sự nghiệp gì ở cõi đời này. Ta không cần gì hết. Về trên kia ta để lại cái này cho các người, muốn tranh dành bao nhiêu thì tranh dành.

*“Đêm nào ta trở về ngôi  
Hồn thơ sẽ hết luân hồi thế gian  
Một phen đã nén cung đàn  
Nghĩ chi còn mắt hơi tàn thanh năm”.*

Một phen mà tôi không còn làm thơ nữa thì tôi không nghĩ rằng thơ tôi có người đọc hay không có người đọc. Tôi không bận tâm về điều đó. Đây là tuyên cáo của Vũ Hoàng Chương. Nhưng từ năm 1963 Vũ Hoàng Chương đã đổi khác.

Vũ Hoàng Chương sinh năm 1916 đậu tú tài Tây, sau đó học luật. Nhưng chán không thích luật nên bỏ học, làm phó giám đốc cho sở hỏa xa. Làm ở sở hỏa xa cũng chán nên ông đi về học toán. Học toán cũng không thích cuối cùng ông làm thơ. Năm 1945 ông tham gia kháng chiến, năm 1950 bỏ kháng chiến. Không tìm thấy hạnh phúc trong ngành luật, toán học, hỏa xa, kháng chiến. Nên năm 1951 ông di cư vào miền Nam. Năm 1963 khi Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu cho nhân quyền Việt Nam thì Vũ Hoàng Chương xúc động vô cùng và ông đã viết bài thơ *Lửa Từ Bi* mà nhiều người Phật tử đã thuộc lòng. Hành động tự thiêu của Hòa thượng Quảng Đức đã làm chấn động tâm can Vũ Hoàng Chương, đã biến Vũ Hoàng Chương thành một con người khác và Vũ Hoàng Chương đã thấy rằng mục đích của con người là để xây

dựng tình huynh đệ. Trong bài thơ Lửa Từ Bi có chữ tình huynh đệ. Tôi thích nhất là câu “*Ôi đích thực hôm nay trời có mặt*” đó là giây phút hòa thượng tự thiêu. “*Giờ là giờ hoàng đạo nguy nga*” giờ hoàng đạo là 12 giờ trưa.

*“Ôi đích thực hôm nay trời có mặt  
Giờ là giờ hoàng đạo nguy nga  
Muôn vạn khối sân si vừa mở mắt,  
Nhìn nhau tình huynh đệ bao la”.*

Chỉ khi nào có tình thương lớn người ta mới có hành động như vậy. Hành động hoàn toàn vị tha, hoàn toàn hy sinh cho sự sống, cho tình huynh đệ.

*“Ngọc hay đá tượng chẳng cần ai tạc  
Lụa hay tre nào khiến bút ai ghi  
Chỗ người ngồi một thiên thu tuyệt tác  
Trong vô hình sáng chói nét từ bi”*

Hành động tự thiêu đó mục đích không phải để có danh, không phải là để lại cho đời một cái gì mà hoàn toàn là do từ bi, do tình huynh đệ, không cần người ta tạc hình thành ngọc thành đá, không cần ai ghi tên mình vào sử sách. Đó là hành động rất trong sáng, đó là tình huynh đệ. “*Chỗ người ngồi một thiên thu tuyệt tác*”, chỗ ngồi đó là một tác phẩm lớn, mình không thấy gì cả nhưng nhờ có con mắt tuệ nên ta thấy chỗ đó là cái ngai của Từ Bi.

*“Rồi mai sau còn chi  
Ngọc đá cũng thành tro  
Lụa tre dần mục nát  
Với thời gian lê vết máu qua đi”.*

Tất cả những cái đó ngọc đá, lụa tre... sẽ qua đi chỉ còn một chữ ở lại mãi mãi đó là chữ Trái tim Bồ Tát.

*“Còn trái tim Bồ Tát xuống tận ngục A Tỳ  
Ôi ngọn lửa huyền vi  
Thế giới ba ngàn phút giây ngơ ngác”*

Tất cả địa cầu chấn động vì tình thương đó

*“Từ cõi vô minh hướng về cõi cực lạc  
Vần điệu của thi nhân chỉ còn là rom rác.  
Và chí nguyện được làm rom rác  
Thơ cháy lên với lời kinh tụng  
Cho nhân loại thanh bình  
Trước sau bền vững tình huynh đệ này”.*

“*Tình huynh đệ*” được dùng lại lần thứ hai. Có thể nói bài thơ này thực chất là ca ngợi tình huynh đệ. Hòa thượng Thích Quảng Đức là biểu tượng của tình huynh đệ. Có tình huynh đệ là đời sống của mình có ý nghĩa. Cho nên nếu một ngày nào còn sống, còn xây dựng tình huynh đệ là ngày đó đời còn có ý nghĩa. Và bản chất của đạo Phật là Từ Bi, Từ bi chính là tình huynh đệ. Vì chữ Maitri (Từ) bắt nguồn từ chữ Mitra mà ra, nghĩa là huynh đệ. Và chữ “*Từ*” dịch cho đúng là tình huynh đệ, tình anh em, tình chị em.

“*Từ cõi vô minh hướng về cõi cực lạc*”. Đó là nhờ tình huynh đệ. Vừa mới sân si đó, vừa mới kỳ thị đó mà khi thấy được một hành động không kỳ thị thì tác giả lập tức chộc thùng được vô minh, thấy được cõi cực lạc. Tức là cõi của tình thương. “*Vần điệu của thi nhân chỉ còn là rom rác*” Tôi muốn ca ngợi Hòa thượng Quảng Đức, nhưng vần điệu thơ của tôi không đủ sức để ca ngợi hành động đẹp đẽ đó.

*“Và chí nguyện được làm rom rác*

*Thơ cháy lên với lời kinh tụng  
Cho nhân loại thanh bình  
Trước sau bền vững tình huynh đệ này”.*

Từ đó trở về sau Vũ Hoàng Chương sử dụng thơ của mình để xây dựng tình huynh đệ. Bài thơ này ra đời sau bài Lửa Từ Bi, tựa đề là Nổi Lửa Từ Bi. Bài này Vũ Hoàng Chương nói đến Đại Hùng Đại Lực của Từ Bi. Từ Bi có sức mạnh rất lớn, sức mạnh này sẽ thắng được lửa của bom, của đạn. Đứng đầu của một chế độ là ông vua, ông chúa có khi gọi là Tổng Thống, ngôi chúa tức là vương vị, là ngai vàng, là ghế của Tổng Thống. Ngôi chúa thì có quyền hành, có quân đội, có cảnh sát, có công an. Nhưng cuối cùng cũng thua một ngôi khác, là ngôi chùa, ngôi chùa tượng trưng cho sức mạnh của tình thương. Tình thương, tình huynh đệ và lòng từ bi sẽ chiến thắng tất cả.

*“Lễ thường ngôi chúa dựng trên súng,  
Sẽ tiêu tan dưới đạn  
Chỉ còn lại tinh thần nhân bản  
Vằng vặc dưới sông chót vót ngôi chùa  
Cuộc tranh đấu vượt ra ngoài giới hạn tử sinh  
Lửa tử sinh mâu nhiệm pháp vô biên.  
Suối Hùng Lực mấy thu chẳng cạn  
Nước càn dương tẩy xóa mọi oan khiên”.*

Chỉ có Từ Bi mới đáp ứng được hận thù của sinh tử. Không phải vì tôi muốn sống mà tôi tranh đấu. Sống tôi cũng tranh đấu. Chết tôi cũng tranh đấu. Chết và sống chỉ là sự tiếp nối nhau. Chết để mà sống, sống để mà chết. Nên cuộc tranh đấu vượt ra ngoài giới hạn của tử sinh, của lo sợ.

*“Lễ thường ngôi chúa dựng trên súng,  
Sẽ tiêu tan dưới đạn  
Chỉ còn lại tinh thần nhân bản  
Vằng vặc dưới sông chót vót ngôi chùa  
Cuộc tranh đấu vượt ra ngoài giới hạn tử sinh  
Lửa tử sinh mâu nhiệm pháp vô biên”*

Đây là chân lý của Đông phương cũng như Tây phương, nếu dùng gươm mình sẽ chết vì gươm, dùng súng thì sẽ chết vì đạn. Đó là trường hợp của ngôi chúa, của những vị vua, tổng thống đã sử dụng bom đạn và chính mình sau này sẽ chết vì bom đạn.

*“Lễ thường ngôi chúa dựng trên súng,  
Sẽ tiêu tan dưới đạn  
Chỉ còn lại tinh thần nhân bản  
Vằng vặc dưới sông chót vót ngôi chùa”*

Trong bài thơ này Vũ Hoàng Chương đã sử dụng ngôi chúa và ngôi chùa. Nghĩa là nếu đất nước còn có ngôi chùa thì còn tình huynh đệ, còn đức Từ bi. Từ bi thế nào cũng vượt thắng, cũng hóa giải được hận thù. Súng đạn sẽ rơi xuống thành cát bụi, chúng ta không cần phải lo lắng gì cả. Hãy tin ở hùng lực của Đại Từ, Đại Bi, của tình huynh đệ. Đó là niềm tin của Vũ Hoàng Chương. Từ năm 1953 cho đến 1967, tức là 15 năm Vũ Hoàng Chương đã làm ra những bài thơ rất anh hùng, rất can trường, rất vững mạnh, không như bài thơ trước.

*“Lũ chúng ta lạc loài năm bầy đũa  
Bị quê hương ruộng bỏ giống nòi khinh  
Biển vô tận xá gì phương hướng nữa  
Thuyền ơi thuyền theo gió hãy lênh đênh”.*

Không còn những bài chán đời như vậy nữa. Vũ Hoàng Chương đã thức dậy tham dự vào cuộc tranh đấu. Tuy bị chế độ chính trị bạc đãi nhưng nhờ có đại hùng nên Vũ Hoàng Chương không còn đau khổ nữa. Khi chị Nhất Chi Mai tự thiêu, Vũ Hoàng Chương cũng có làm một bài thơ để ca ngợi, chị Nhất Chi Mai là một trong những người thọ giới tiếp hiện đầu tiên. Trước khi tự thiêu chị có viết cho thầy một bức thư “*Thầy ơi, thầy đừng lo chắc chắn sẽ có hòa bình*”. Vũ Hoàng Chương rất cảm động và làm bài thơ ca ngợi Nhất Chi Mai.

*“Vừa mới hôm nào lửa Yến Phi  
Bay lên nổi cảnh lửa từ bi  
Giờ đây là nỗi lòng dân Việt  
Đau xé trời nam lửa Nhất Chi  
Ba dịp cháy lên thông điệp đỏ  
Đêm sao đêm cứ đặc như chì  
Đốt cho bom đạn tan thành lệ  
Đòi ngã sông sâu hãy nguyện đi”.*

Nhất Chi Mai là người thứ ba tự thiêu. Người thứ hai là Đào Thị Yến Phi. Mình tranh đấu cho hòa bình không phải bằng súng đạn mà bằng quyết tâm của lòng từ bi.

*“Hãy nguyện cho màu tang trở gió  
Trên đầu thiếu phụ với cô nhi  
Mẹ ơi tóc hãy làm giống tổ  
Màu tóc màu tang có khác gì.*

Vành khăn tang trên đầu thiếu phụ, vành khăn tang trên đầu cô nhi.

*“Trắng một vòng bao quanh trái đất.  
Nối dài thông điệp lửa uy nghi”*

Không chỉ có thiếu phụ và cô nhi đeo khăn tang mà cả trái đất đều có vành khăn tang.

*“Sáng trưng hóa lạnh Bồ Câu trắng  
Sẽ đốt thời gian mở lối về”.*

Thế nên lửa Nhất Chi Mai giống như hỏa lệnh, một hiệu lệnh bằng lửa để cho chim Bồ Câu trở về. Đó là thông điệp của Vũ Hoàng Chương. Và từ đó về sau Vũ Hoàng Chương tập ngồi thiền, đi thiền hành và ăn chay.

Đầu năm 1976, có một bữa nọ, năm sáu xe công an một lực lượng vũ trang hùng hậu đến vây quanh nhà Vũ Hoàng Chương. Tại sao chỉ có một thi sĩ ốm yếu trói gà cũng không chặt mà phải dùng tới năm sáu xe công an và một lực lượng vũ trang hùng hậu như thế. Vì họ rất sợ sức mạnh của tình thương, của tình huynh đệ, sẵn sàng chết bất cứ lúc nào cho lý tưởng hòa bình và tình huynh đệ. Khi Vũ Hoàng Chương nghe tiếng xe, tiếng công an đập cửa, Vũ Hoàng Chương bảo bà Chương đừng sợ hãi mà cũng đừng nói nói năng gì cả và ông leo lên sạp gỗ ngồi thiền, tập thở. Đó là phương pháp hay nhất để đối trị với công an. Họ đập cửa vào, lục soát quăng hết tất cả những tài liệu trong học tủ, trong tủ áo ra ngoài. Giấy tờ văng ra đầy hết nhưng Vũ Hoàng Chương vẫn ngồi thiền không nói một lời nào. Họ lục soát khắp nơi nhưng không tìm ra được một tài liệu nào chống đối cách mạng, hay chính quyền cả. Tuy thế họ vẫn có bản văn tuyên án cho là Vũ Hoàng Chương đã phản cách mạng, đã làm cái này cái kia, vì vậy hôm nay phải bị bắt đi cải tạo. Đọc xong họ hỏi Vũ Hoàng Chương, anh có nghe chưa? Vũ Hoàng Chương nhún vai một cái. Đó là những gì Vũ Hoàng Chương tiếp đón và trả lời cho công an và họ bắt Vũ Hoàng Chương đi học tập cải tạo. Khi tình trạng sức khỏe của Vũ Hoàng Chương đến mức nguy ngập họ mới cho về nhưng đã quá trễ. Bà Vũ Hoàng Chương nấu một nồi bún bưng lên cho chồng ăn, nhưng không ăn được đành bỏ xuống. Đây là lời Sư cô Chân Không viết lại trong cuốn “Thử tìm dấu chân trên cát”. Chỉ một hôm sau khi được chính quyền phóng thích thì thi sĩ mất, ngày anh ấy về, chị Vũ Hoàng Chương nấu một nồi bún cho chồng



nhưng anh chỉ lừa được vài cọng bún. Chị thuật lại rằng “Đầu năm 1976, ngày mà cán bộ, công an đến bắt anh có đến năm sáu xe và một lực lượng vũ trang hùng hậu vây quanh nhà. Biết trước có sự anh Vũ Hoàng Chương bảo chị yên lặng, rồi anh ngồi lên trong tư thế kiết già trong khi cán bộ và công an vào nhà, đập cửa lục soát không sót một ngõ ngách nào và quăng bừa bãi tất cả những đồ đạc lấy ra từ các tủ. Suốt thời gian họ lục soát anh vẫn ngồi bất động không nói năng gì. Cuối cùng khi người chỉ huy đọc bản cáo trạng, Vũ Hoàng Chương lắng nghe, nghe xong anh chỉ khẽ nhún vai. Họ bắt anh từ đó, và trong trại giam sức khỏe của anh đã tàn lụi dần. Có lẽ trong trại giam anh Vũ Hoàng Chương đã thiên tọa rất nhiều”. Được tin Vũ Hoàng Chương mất thầy Nhất Hạnh rất thương cảm và đã dùng nhiều từ ngữ từ trong thơ của Vũ Hoàng Chương để làm một bài thơ ca ngợi ông. Nếu quen thuộc với thơ Vũ Hoàng Chương chúng ta sẽ nhận ra được tất cả những từ ngữ đó.

Đây là bài thơ thầy viết sau khi nghe Vũ Hoàng Chương mất.

*“Đêm này dù đã về ngôi  
Hồn thơ vẫn cứ luân hồi thế gian  
Bút hoa ngàn kiếp không tàn  
Đuốc thơ còn cháy trên trang sử người  
Có không mù mịt biển khơi  
Nẻo về đã rạn chân trời thênh thang  
Tĩnh say vẫn một cung đàn  
Lửa anh hào đốt cháy tan đêm sâu  
Thơ lên bay vút bỏ câu  
Triều âm chấn động phương nào cũng nghe  
Giấc mơ hồ điệp đi về  
Biển đông sóng vỗ kinh nghê vẫn còn”.*

Tuy Vũ Hoàng Chương đã mất nhưng anh vẫn còn đó với tinh thần bất khuất. Mình mời Sư cô Chân Không thấp nhang cho Vũ Hoàng Chương. Người đã tranh đấu không bằng súng bằng đạn, mà bằng những bài thơ từ bi của mình. Từ người say sưa, chán nản nhưng nhờ giọt nước cam lồ của Đức Thế Tôn đã trở thành người có đại hùng đại lực.

(Nguồn: langmai.org)

## Vũ Hoàng Chương, ngôi bắc đẩu của thi ca Việt Nam Nguyễn Mạnh Trinh

Có một bài thơ được truyền khẩu như là chứng tích của một thời thế đảo điên. Có một thi sĩ, cả đời chỉ muốn làm thơ ca tụng tình yêu nhưng lại có những bài thơ ghi lại được những thời điểm khốc liệt của lịch sử.

Tôi nghĩ tới bài thơ *Vịnh tranh gà lợn* của nhà thơ Vũ Hoàng Chương làm trong khoảng thời gian tranh tối tranh sáng của thời sự. Lúc ấy, ngày tết Bính Thìn, khi Cộng Sản vừa chiếm được cả đất nước và một chính sách trả thù phân biệt được áp đặt lên toàn dân tộc. Lúc ấy, viên chức, sĩ quan của chế độ VNCH bị tù đầy đến gần cả triệu người. Lúc ấy, văn nghệ sĩ bị truy bức, bắt bớ, sách vở bị tịch thu đốt bỏ. Lúc ấy, buổi hỗn quân hỗn quan, lúc thú vật đội lốt người, tác yêu tác quái:

*Sáng chưa sáng hẳn, tối không đành  
Gà lợn om sòm rối bức tranh  
Rằng vách có tai, thơ có họa  
Biết lòng ai đỏ, mắt ai xanh*

*Mắt gà huynh đệ bao lần quáng  
Lòng lợn âm dương một tác thành  
Cục tác nữa chi đừng ủn ỉn*

*Nghe rỗng ngâm váng khúc tân thanh*

Những thành ngữ, tục ngữ của dân gian dưới tay nghệ sĩ đã thành đặc địa. Chữ không còn là một nghĩa nữa mà thành nhiều nghĩa, và sự thâm trầm sâu lắng trong ngữ nghĩa làm bài thơ lột tả được một tâm sự chung mang của cả một thế cuộc tao loạn đầy bất trắc.

Bài thơ được truyền tụng trong thời buổi ấy và cũng là nguyên nhân để những người cầm quyền Cộng Sản bắt giam tác giả. Thi sĩ bị giam tại khám Chí Hòa, sau vì đau yếu nên được thả về nhà và mấy ngày hôm sau thì từ trần, đúng vào ngày 6 tháng 9 năm 1976.

Trong tù, ông viết bài thơ cuối cùng của đời mình, gửi cho người thân, như linh cảm thấy một chuyến đi đã kề sẵn. Thơ như tiếng khóc nén thẳm của những dòng thơ, từ dòng cổ thi từ thuở Nguyễn Du xưa xa, của nỗi niềm “bất tri tam bách dư niên hậu, thiên hạ hà nhân khấp Tố Như” đến nỗi đau mất nước quặn thắt bây giờ:

*Thấm thoát vào đây tháng đã tròn  
Lông hồng gieo xuống nặng bằng non  
Một manh chiếu lĩa hôn ngậy ngát  
Ba chén cơm rau xác mỗi mòn  
Ngày tới bữa ăn càng nhớ vợ  
Đêm về giấc ngủ lại thương con  
Bao nhiêu nước chảy qua cầu nữa  
Chẳng để gì phai một tấm son*

Con chim trước khi chết tiếng hót bi thương. Người thi sĩ, trước khi lìa bỏ trần gian, lời kêu ai oán. Bài thơ thất ngôn bát cú gói ghém cả một tâm tình. Quốc phá, gia vong, thân trong ngục tù, nhưng, tất cả rồi sẽ trôi qua như nước chảy dưới cầu và không bao giờ øphai nhạt tấm lòng son sắt với đời, với người, với dân tộc, với đất nước.

Nhà văn Võ Văn Ái viết về trường hợp nhà thơ bị Việt cộng bắt giam như sau:

“... Và ai ngờ rằng, một nhà thơ sẽ chết vì Thơ. Đúng ngay Phật Đản ngày 25 tháng 5 năm 1976, khi đất nước của Nắng Vàng chuyển sang Máu Đỏ. Giữa khuôn viên trường đại học Vạn Hạnh, lần đầu tiên có sự đưa tượng Phật xuống giữa sân làm lễ. Lần ấy, lần độc nhất ấy, giữa Sài Gòn im lặng, Vũ Hoàng Chương ốm nhom trong chiếc áo the tàng, cất tiếng ngâm bài thơ *Lửa Từ Bi* trước đám người chung tình dự lễ. Liên sau đó Vũ Hoàng Chương bị bắt, viện đại học Vạn Hạnh bị chiếm đóng. Bài thơ bùng lửa này, Hoàng sáng tác giữa thời khốn đốn năm 1963 mà chỉ có giọng ngâm vi diệu của Hoàng Oanh mới lột tả hết. Nay từ miệng nhà thơ, bài thơ ngân lên giữa một thời cùng cực khốn đốn mới...”

Bài thơ *Lửa Từ Bi* là lời của lương tâm nhân loại. Ngôn ngữ, không phải là lời kêu gọi sát máu, đòi hỏi hy sinh. Mà, chính là cái Dũng của kẻ sĩ, của người hiểu được sự cao cả của quên mình hy sinh. Lửa, không phải là ngọn lửa thiêu đốt, của chiến tranh chết chóc. Mà, ngọn lửa ấy, là ánh sáng để soi rọi hồn người vượt thoát đêm tối. Lửa, kêu gọi yêu thương.

*Lửa! Lửa cháy ngát Tòa Sen  
Tám chín phương nhục thể trần tâm  
Hiện thành Thơ, quỳ cả xuống  
Hai vàng sáng rưng rưng  
Đông Tây nhòa lệ ngọc.  
Chấp tay đón một Mặt trời Mới Mọc  
Ành Đạo Vàng phơi phới đang bùng lên, dâng lên..  
Thương chúng sinh trầm luân bể khổ  
Người rẽ phẳng đêm tối đất dày  
Bước ra, ngời nhập định, hướng về tây  
Gọi hết LỬA vào xương da bỏ ngõ  
Phật Pháp chẳng rời tay*

Sáu ngã luân hồi đâu đó  
 Mang mang cùng nín thở  
 Tiếng nấc lên ngừng nhịp Bánh Xe Quay  
 Không khí vẩn mình theo  
 Khóc òa lên nổi gió  
 NGƯỜI siêu thăng  
 Giông bão lắng từ đây  
 Bóng NGƯỜI vượt chín tầng mây  
 Nhân gian mát rượi bóng cây Bồ Đề  
 Ngọc hay đá, tượng chẳng cần ai tạc  
 Lụa hay tre, nào khiến bút ai ghi  
 Chỗ NGƯỜI ngồi một thiên thu tuyệt tác  
 Trong vô hình sáng chói nét Từ Bi  
 Rồi đây, rồi mai sau, còn chi?  
 Ngọc đá cũng thành tro lụa tre dần mục nát  
 Với thời gian lê vết máu qua đi  
 Còn mãi chứ! Còn Trái Tim Bồ Tát  
 Gội hào quang xuống tận ngục A tỳ..."

Nhà văn Mai Thảo trong bài viết tưởng niệm thi sĩ đã thổ lộ :

"Rồi Vũ Hoàng Chương ra thoát được cái ngục mình. Cuộc phục sinh thành, đã trao cho thi sĩ một chìa khóa ngọc mở vào những ngày tháng cuối cùng, những ngày tháng sung sướng. Và Vũ Hoàng Chương đã mang con người sung sướng ấy của mình đi qua đời, đi qua Cộng sản, đi vào vĩnh viễn. Thời gian ấy sống gần ông (mấy tuần chót ở Gác Mây, mười tháng ở Gác Bút trước lúc bị bắt giữ) cho tới buổi trưa ngày 30 tháng 11 năm 1976, từ chỗ ẩn một vùng ngoại ô Chợ Lớn âm thầm trở lại phường Cây Bàng lần cuối để thắp một nén hương vĩnh biệt trước di ảnh bạn, cho tới những buổi trưa đảo nằm một mình trong một đáy rừng Mã Lai Á khướt tịch, tôi thường suy nghĩ, tìm kiếm lý giải về một cuộc vận động từ bi thâm đưa tới thăng hoa sung sướng phóng thoát của một đời người. Vũ Hoàng Chương đã có được thăng hoa ấy. Qua thái độ ông buổi sáng bị bắt. Trong bốn tháng nằm trong hầm tối. Trong năm ngày trở về Gác Bút..."

Mấy chục năm trước, thi sĩ đã làm người tiên tri. Đã thấy được những thương hải biến thiên. Đã mô tả những cuộc đời của Việt Nam trôi dạt sau cơn hồng thủy tháng tư năm 1975. Trong tập thơ in thời tiền chiến, có bài thơ *Phương Xa* có những câu mà mấy chục năm sau thấy rõ rệt là tình cảnh của những người Việt liêu chết vượt Biển Đông đi tìm tự do:

*Nhỏ neo rời thuyền ơi xin mặc sóng  
 xô về Đông hay giạt tới phương Đoài  
 xa mặt đất giữa vô cùng cao rộng  
 Lòng cô đơn cay đắng họa dân voi  
 Lũ chúng ta lạc loài dăm bảy đũa  
 Bị quê hương ruồng bỏ giống nòi khinh  
 Bê vô tận xá gì phương hướng nữa  
 Thuyền ơi thuyền theo gió hãy lênh đênh  
 ... Lũ chúng ta đầu thai làm thế kỷ  
 Một đời người u uất nổi chơ vơ  
 Đời kiêu bạc không dung hồn giản dị  
 Thuyền ơi thuyền xin ghé bến hoang sơ...*

Tâm linh nào đã khiến thi sĩ viết lên những vần thơ như thế. Có phải, cái phút linh cầu ấy chỉ đến với những người mà tâm hồn sống lạc lõng như lạc vào một thế giới khác, của cảnh giới hoang sơ, của những nỗi bí nhiệm khó ai hiểu biết được. Cái thảm trạng mà cả triệu người vùi mình trên biển đã được mô tả một cách khá chính xác cả về tâm tư lẫn hiện trạng, có lẽ cũng

khá kỳ lạ! Cả triệu thuyền nhân sống lưu lạc khắp mặt địa cầu chắc cũng chia sẻ chung với nhà thơ nỗi niềm ấy.

Thi ca của Vũ Hoàng Chương có nhiều thời kỳ mà lúc nào ông cũng có vị trí của một vì sao Bắc Đẩu, một văn tinh sáng rực cõi trời. Từ thời tiền chiến, với *Say*, với *Mây*, đã chễm chệ trên chiếu văn chương, đã được Hoài Thanh & Hoài Chân ghi tên trong *Thi nhân Việt nam*. Đến hai mươi năm văn học miền Nam, cũng *Hoa Đăng*, *Rừng Phong*, *Chúng Ta Mất Hết Chỉ Còn Nhau...* là những châu ngọc của một thời viết về những tâm sự của muôn đời. Và, đến khi chết, những bài thơ tuyệt mệnh cũng là những áng gương thi ca vàng vạc.

Trong Thi Nhân Việt Nam, có những dòng về Vũ Hoàng Chương, những dòng chữ cảm nhận khá chính xác về vóc dáng thi sĩ lừng lẫy một thời:

“Ý giả Vũ Hoàng Chương định nổi cái nghiệp những thi hào xưa của Đông Á: cái nghiệp say. người say đủ thứ: say rượu, say đàn, say ca, say tình đong đưa. Người lại còn “hơn” cổ nhân xưa những thứ say mới nhập cảng: say thuốc phiện, say nhầy dằm. Bấy nhiêu say sưa đều nuôi bằng một say sưa to hơn mọi say sưa khác: say thơ. Vũ Hoàng Chương có cái dụng ý muốn say để làm thơ. Cái dụng ý ấy không khỏi có hại. Nhưng một lần kia, bước chân vào tiệm nháy, người bỏ quên dụng ý làm thơ ngoài cửa, và lần ấy người đã làm một bài thơ tuyệt hay. Tôi yêu những vần thơ chênh choáng, lão đảo mà nhịp nhàng theo điệu kèn khiêu vũ:

... *Ấm ba gờn gợn nhỏ*

*Ánh sáng phai phai dần*

*Bốn tường gương diên đảo bóng giai nhân*

*Lui đôi vai, tiến đôi chân*

*Riết đôi tay, ngả đôi chân*

*Sàn gõ trơn chập chờn như biển gió...*

Quả là những vần thơ say.

Cái dụng ý làm thơ Vũ Hoàng Chương cũng còn bỏ quên ít lần nữa.

Kể, cái say sưa của Vũ Hoàng Chương là một thứ say sưa có chừng mực, say sưa mà không hẳn là trụy lạc, mặc dù từ say sưa đến trụy lạc đường chằng dài chỉ hững trụy lạc hay say sưa đều mang theo một niềm ngao ngán. Niềm ngao ngán ấy ta vốn đã gặp trong thơ xưa. Duy ở đây nó có cái vị chua chát, hẳn học và bi đát riêng...”

Sau đó mấy chục năm, khi đã sang sống lưu lạc ở Hoa Kỳ, nhà văn Mai Thảo trong “Chân dung mười lăm nhà văn nhà thơ Việt Nam” đã viết:

“... Một đêm tôi ở lại với ông thật khuya, tới sát giờ giới nghiêm Cộng sản. Xã hội thể lương nằm phục bốn chung quanh tường Gác Bút. Ông đưa tôi xem một lá thư Trần Dần. Bị trừng phạt nặng nề, bị treo bút vĩnh viễn, nhà thơ Trần Dần, tài thơ trác tuyệt nhất của nhóm Nhân Văn Giai Phẩm, không được vào Nam, đã gửi cho ông một lá thư đầy những lời lẽ kính trọng như ông vẫn nguyên vẹn là thi bá của cả một thế hệ thi sĩ đã hai miền chia cách suốt 30 năm chiến tranh. Lá thư, tôi chỉ còn nhớ được câu này: “Thơ anh, thơ Đình Hùng sống muôn đời với thi ca Việt Nam”. Đêm đó, cầm lá thư với nỗi kính phục của Trần Dần đối với ngôi sao Bắc Đẩu miền Nam trên tay, tôi nhìn bạn ngồi thư thái êm đềm trước mặt, đã chia sẻ với thi ca một niềm sung sướng thống khoái vô tả, kính phục của Trần Dần chắc còn lớn lao hơn gấp bội. Nếu nhà thơ miền Bắc còn nhìn thấy được cõi thơ cuối đời và cái hiện tượng thăng hoa của tâm thức phóng thoát, ở thi sĩ...”

Nhà văn Võ Phiến, với lối viết nhận định văn học khá đặc biệt cũng có những diễn tả biểu hiện chân dung thi sĩ: “Năm 1982 trên một số báo Đất Mới ở Seattle (tiểu bang Washington) tưởng niệm Vũ Hoàng Chương, bà Quỳnh Hương có nhắc lại câu chuyện hồi năm 1960 tại trung tâm Bút Việt ở Sài Gòn, khi giới thiệu diễn giả là Vũ Hoàng Chương nói về thi ca, Nhất Linh đã gọi Vũ thi sĩ là “ông vua thơ”. Thi sĩ tiền chiến đã bao người xuất hiện và thành danh trên báo Ngày Nay hay từ nhà xuất bản Đời Nay của Nhất Linh: Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận...Giữa bấy nhiêu tài danh, được Nhất Linh chọn phong vương! Vũ Hoàng Chương tiền chiến có cái thành tích đáng sợ chứ...”

Ở một đoạn khác, Võ Phiến nhận định về những bài thơ hào hùng nhập cuộc của *Hoa Đăng, Rừng Phong*, của những ngày bắt đầu của chế độ quốc gia ở miền Nam, ở những kêu gọi nức lòng của lịch sử:

“Nói một bên dấn thân một bên phiêu du, như vậy không có nghĩa cho rằng Vũ Hoàng Chương thoát ra ngoài thế sự, lòng không bận đến cuộc hưng vong của quốc gia.

Ông không nuôi trong lòng cái oán thù sùng sục của kẻ nghèo đói với người giàu, ông không đứng vào hàng ngũ giai cấp này chống giai cấp nọ. Ông không ca ngợi ánh sáng của chủ nghĩa này, không tố cáo chủ nghĩa kia... Nhưng ông đâu có bao giờ thờ ơ đối với chuyện đất nước... Giặc tây tràn đến, ông khẳng khái đòi trả ta sông núi. Nhà cầm quyền cộng sản thiết lập chế độ độc tài khát máu, ông phừng phừng kêu gọi Bắc Tiến. Một tôn giáo gặp khó khăn, ông ca ngợi lửa từ bi, đốt “thơ cháy lên theo với kinh”. Cuối cùng khi miền Nam mất vào tay cộng sản thì ông đi tù, chịu chết, không thay đổi thái độ.

Vũ Hoàng Chương cũng như Nhất Linh, những người quan niệm làm thơ cốt cho đẹp, viết truyện trước hết cốt cho được chuyện hay, những người chơi lan ở suối Đa-Mê, hút thuốc ở gác Mây... những người ấy không ngại cái chết vì nước non. Từ một quan niệm nghệ thuật mà suy diễn đến nhân cách, đến thái độ ở đời, thái độ chính trị của người ta, e là chuyện phiêu lưu...”

Đã có những câu thơ:

*Mặc cho những kẻ mài gươm sắc  
Ta chỉ mài riêng ngọn bút này*

Hay:

*Giờ điểm rồi đây, hỡi Tuổi xanh  
Có nghe nét chữ réo tung hoành  
Có nghe giòng mực sôi trên giấy  
Nhịp bốn ngàn thu Sử Đấu Tranh...*

Nhưng nổi bật nhất vẫn là những bài thơ tình. Tình yêu đã lên ngôi, với đam mê như ma túy cho đời. Những cõi tình thiết tha, của thời gian không tuổi tác, của không gian vơi vợi qua những biến thiên của cuộc nhân sinh. Thơ là những ám ảnh đeo đuổi suốt quãng đời, qua những mốc thời gian đánh dấu bằng kỷ niệm.

Tập thơ *Ta đợi em từ ba mươi năm* mà các môn sinh của ông đã in lại ở hải ngoại có lẽ là một tập thơ mà ông cho rằng có nhiều bài đặc ý nhất của mình. Trong bài mở đầu thi tập, tác giả viết:

“Đã từ lâu tôi có ước nguyện gom góp lại những bài thơ “tình yêu” viết trong tuổ hoa, để in thnah tập riêng, điều đó sẽ giúp tôi sống trọn vẹn cùng muôn ngàn ảo ảnh xa xưa.

Đành rằng tình yêu không chịu ràng buộc nào, giới hạn nào- vâng, Tình Yêu vốn không tuổi! nhưng tôi nhiều khi cảm thấy mình đặc biệt ưa thích những bài thơ “tình yêu” viết từ trước tuổi Bốn Mươi; nghĩa là trước buổi Qua Phân đau đớn, trước cái giờ phút tôi giã biệt hồ Gươm, cửa Bắc để gắng gượng làm thân “con chim đại bàng vỡ cánh dờn sang Nam minh”...”

Bài thơ “Chờ đợi hoài công” như một lời tụng ca của trái tim cho một tình yêu muôn tuổi. Ba mươi năm, quá dài cho một đời người, nhưng lại thật ngắn, với cuộc thi ca chép bằng ngôn ngữ bất diệt:

*Ta đợi em từ ba mươi năm  
Uổng hoa phong nhụy hoài đêm rằm  
Heo may chớm đã lên mùa gió  
Ngăn ngắt chiêm bao lạnh chỗ nằm  
Cúc tả tơi vàng mộng xác xơ  
Hiên sương ngõ lá vẫn trông chờ  
Đêm dài quạnh quẽ đôi song lớn  
Nguyệt đọng vòng tay à giấc mơ  
Ngại trống vàng son lợt sắc rồi  
Lòng ta Hoàng Hậu chẳng về ngôi*

*Hồ ly không hiện người không đến  
Chỉ ánh trăng vào khuôn cửa thôi...*

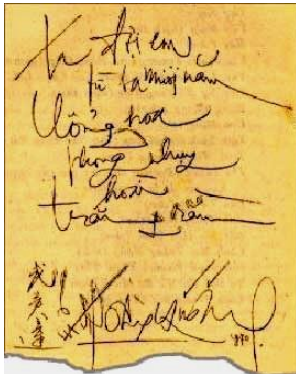
Viết về Vũ Hoàng Chương, chỉ một bài thôi không đủ. Bởi, trong cái thế giới vừa đơn sơ vừa phức tạp, vừa khinh bạc vừa yêu đời, vừa sống của một đời sống nào chỉ có trong cổ tích nhưng lại dấn thân vào cuộc. Cũng như thơ có lúc gọt giũa kiêu sa nhưng lại có lúc bình dị, khi thì là thơ tự do phóng túng nhưng lúc là những bài Đường thi vẫn điệu nghiêm túc ý nghĩa thâm trầm. Dù là thơ “nhị thập bát tú” cô đọng hay *Truyện Kiều* châu ngọc, hoặc thơ lục bát, bảy chữ, tám chữ thời Thơ mới ngày nào, tất cả đều là những tìm kiếm của một đời thi thánh. Và ở ngôi Bắc Đẩu của thi ca Việt nam, suốt một chặng đường mấy chục năm, để đến lúc mất, thơ vẫn nở hoa trên mộ như bài thơ nào truyền tụng:

*Ta ngắm trông vào cái chính ta  
Hồn xanh trong nếp áo thu già  
Tay kia từng níu trời cao mãi  
Nay chóng ô chờ đất nở hoa*

Vâng thơ đã nở hoa trên mộ phần thi sĩ, như người đời đã thấy một sự lạ sau ba tháng chôn cất ở nghĩa trang. Nhưng, ở một liên tưởng nào, thơ nở hoa muôn đời trên thi ca không tuổi của cõi người...

\*\*\*

**Phụ đính:**



**Chùm thơ Vũ Hoàng Chương**

**Say đi em**

Khúc nhạc hồng êm ái  
Điệu kèn biếc quay cuồng  
Một trời phấn hương  
Đôi người gió sương  
Đầu xanh lạnh đặng, cùng xót thương, càng nhớ thương  
Hoa xưa tươi, trăng xưa ngọt, gối xưa kè, tình nay sao héo!  
Hồn ngã lâu rồi nhưng chân còn dẹo  
Lòng trót nghiêng mà bước vẫn du dương  
Lòng nghiêng tràn hết yêu đương  
Bước chân còn nhịp Nghê thường lắng lơ...

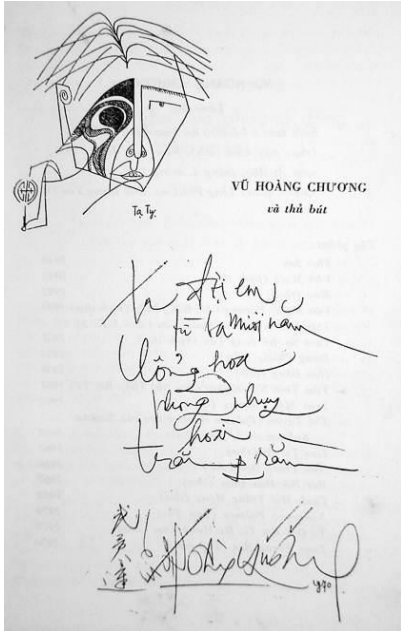
Ánh đèn tha thướt  
Lưng mềm não nuột dáng thơ  
Hàng chân lả lướt

Đê mê hồn gửi cánh tay hò  
Âm ba gòn gợn nhỏ  
Ánh sáng phai phai dần  
Bốn tường gương điên đảo bóng giai nhân  
Lui đôi vai, tiến đôi chân  
Riết đôi tay, ngả đôi thân  
Sàn gỗ trơn chập chờn như biển gió  
Không biết nữa màu xanh hay sắc đỏ  
Hãy thêm say còn đó rượu chờ ta  
Cổ chưa khô đầu chưa nặng mắt chưa hoa  
Tay mềm mại bước còn chưa chuếnh choáng  
Chưa cuối xứ Mê Ly chưa cùng trời Phóng Đãng  
Còn chưa say, hồn khát vẫn thèm men  
Say đi em, say đi em  
Say cho lời lá ánh đèn  
Cho cung bậc ngả nghiêng điên rồ xác thịt  
Rượu rượu nữa, và quên, quên hết

Ta quá say rồi  
Sắc ngã màu trời  
Gian phòng không đứng vững  
Có ai ghì hư ảnh sát kê môi?  
Chân rã rời  
Quay cuồng chi được nữa  
Gối môi gần rơi  
Trong men cháy giác quan vừa bén lửa  
Say không còn biết chi đời  
Nhưng em ơi  
Đất trời nghiêng ngửa  
Mà trước mặt thành Sầu chưa sụp đổ;  
Đất trời nghiêng ngửa  
Thành Sầu không sụp đổ, em ơi!

### **Một phút ngừng say**

Bắc trữu hoa đèn nhựa úa nâu  
Phai say nằm khóc mộng ban đầu  
Bước chân song sóng vòng tay mở  
Dạo ấy người ơi xa lắm đâu  
Chớm nụ tiếc cho tình quá ngát  
Mà thương trời bể quá cao sâu  
Tiếc thương lên khói vào tâm trí  
Mưa gió tàn đêm lộng quán sầu



### Gác cuồng ngâm

Từ phen sóng nước gieo neo  
Mấy hoa tan tác, mấy bè nổi trôi.  
Thú xưa còn bấy nhiêu thôi  
Hồn thi nhân, với giọng người danh ca.

Mặt nhìn mặt còn ngờ trong giấc mộng  
Phải rằng đây Vang-Bóng-Một-Thời xưa?  
Gác Cuồng Ngâm thưở ấy hợp bình thơ  
Người-trong-cuộc bây giờ đâu nhận cá?

Giai nhân hoàn bội quy trường dạ  
Danh sĩ phong trần tẩu mỹ nhiêm  
Trải tang thương cùng đau đớn nỗi niềm  
Nhịp xênh phách lại càng thêm gợi nhớ.

Lệ trên tiệp những hơn người chan chứa  
Xót cho nhau mang lấy chữ "Tài" chi!  
Đâu đây chợt vắng tiếng Tỳ...

### Tuý hậu cuồng ngâm

Ôi lòng ta sao buồn không nguôi  
Niềm u uất dâng cao hề thảng ngày trôi xuôi  
Há vì cơm áo chẳng no lành  
Há vì đời không mất ai xanh  
Nhớ thưở không có ta hề đường đi thênh thênh  
Kịp khi có ta hề chông gai mộng mênh



Cuồng vọng cả mà thôi bốn phương hề vương mắc  
Ba mươi năm trên vai hề trống không bình sinh  
Lều nát hề trơ trơ ngõ mưa làm lộ  
Trăng lạnh đèn mờ hồn đơn hề le lói  
Đọc truyện cổ nhân hề lòng ta quặn đau  
Gió bụi xôn xao hề thương vay người sau  
Càng xót thân mình vô dụng  
Thiên hạ chê bai hề lạc nẻo sang giàu  
Ta chỉ tiếc cho thân hề vô duyên bấy lâu  
Bá Nhạc đòi không ai hề ngăn ngõ vó câu  
Gươm sắc uống cho gươm hề Phong Hồ có đâu  
Ai đó mách giùm ta với  
Quần gót thể nhân hề như đàn quạ kia chẳng  
Hay như mây cao đơn chiếc hề cánh chim bằng  
Áp úng cân đai hề trói giam tài năng  
Võ ruộng buông câu hề kho trời gió trắng  
Ôi đường gai góc là bao hề sóng cồn mặt bể  
Thương cho tay lái non hề con thuyền lao đao  
Tiếc cho cơ hội muộn hề chặt gai được sao  
Lá úa cành khô thu đông hề nổi gót  
Chuyển choáng giang san hề còn say hát ngao  
Mây hồng tím phương tây hề tà huy thoi thóp  
Đời sắp tàn chẳng hề bắc lu dầu hao  
Ngõ hẹp giường tre giấc mơ hề chơi với  
Thôi hết mùa tươi  
Hết thôi chờ đợi  
Rượu hề rượu hề giùm quên nhé người

Sao lòng ta đêm nay buồn không thể nguôi  
Niềm u uất dâng cao hề thảng ngày trôi xuôi.

### **Nửa truyện hồ ly**

Giàn mưa lất phát  
Mệnh mỏng sâu xứ đêm dài  
Hư vô động tiếng giày ai  
Mình ta buồn đặc đặc  
Say giữa hai tờ Liêu Trai  
Rún rẩy hoa đèn rung ngọn bắc  
Không gian đàn mãi tiếng giày ai  
Dầu cạn lưng chừng phao  
Sợ nhỏ thon mềm đáng liễu  
Hài son phơi phơi lửa đào  
Khói biếc màu xiêm yêu điệu  
Ai đó – phải chăng hồn cỏ cây  
Bắc thơm dầu quánh nhựa hây hây  
Dầu vơi bắc mỏng manh gầy  
Bước chân nào bợ ngõ  
Hoa đèn lung lay  
Ai đó – phải chăng hồn cỏ cây

Mộ vắng lầu hoang ngơ ngác sợ  
Cùng đêm nương về đây  
Nửa truyện Hồ Ly trang sách giờ  
Lung linh tiếng giày.

## **Dâng tình**

Bốn trời sương lạnh  
Đường xanh bóng trắng  
Lửa đào lung lay phát phới  
Thi nhân ôi xin dừng bước lại  
Đây Hàng Châu thường mơ ước đêm Hoa Đăng  
Đêm Hoa Đăng đường xanh bóng trắng  
Đêm Hoa Đăng đèn quanh lối xóm  
Đây cầm ca người mộng gái xưa Kim Lăng  
Hãy dừng đây Chàng Say  
Mà điên cuồng lời lả  
Đón muôn đời thanh sắc ngã trong vòng tay  
Nhịp trúc buông khoan  
Sóng tơ dồn chậm  
Môi nồng tươi da mịn ấm  
Liều xinh xinh thoa dáng liễu cong đôi nét mày  
Lũ chúng em chờ Chàng qua chín kiếp  
Tình giang hồ phong nhụy vẫn nguyên hương  
Rượu dâng nồng đây son phấn mười phương  
Khói lên biếc và đây hồn tứ xứ  
Trên cánh Nhạc đề mê Chàng hãy ngự  
Đàn tơ mây theo phách gỗ trầm hương  
Nhịp lời ca lời lả bóng nghệ thường  
Âm điệu sẽ ru Chàng say đến cuối  
Lũ chúng em ca nhi  
Đón dâng Chàng một buổi  
Nỗi yêu mê cuồng dại nén từ lâu  
Rồi mai đây Chàng rong ruổi  
Thuyền buộc sông mưa  
Ngựa dừng trăng khuyết  
Tình nhân thế chua cay người lịch duyệt  
Niềm giang hồ tan tác lệ Giang Châu  
Xin bẻ thuyền quay hướng  
Xin giục ngựa quay đầu  
Về cùng chúng em  
Buồng xuân chờ cửa ngõ  
Khóm trúc đợi xanh màu  
Họp cùng chúng em  
Có nàng tiên má hồng nâu  
Giúp đôi cánh biếc dâng sào lên khơi  
Hãy dừng đây Chàng Say ơi  
Cùng lặn đạn bên trời một lửa  
Đêm Hoa Đăng vắng chàng thoi thóp lửa  
Tiếng đàn xênh rời rạc khúc Thiên Thai

Hãy dừng đây sương gió lạnh bên ngoài.

### Lá thư ngày trước

Yêu một khắc để mang sầu trọn kiếp  
Tình mười năm còn lại mấy tờ thư  
Mộng băng quơ hò hẹn cũng là hư  
Niềm son sắt ngậm ngùi duyên mỏng mảnh  
Rượu chẳng ấm mưa hoài chấn chiếu lạnh  
Chút hơi tàn lay lắt ngọn đèn khuya  
Giấc cô miên rùng rợn nẻo hôn mê  
Gió âm tưởng bay về quanh nệm gối  
Trong mạch máu chút gì nghe vương rớt  
Như tơ tình thắc mắc buổi chia xa  
Ngón tay run ghi nét chữ phai nhoà  
Hồi năm tháng hãy đưa đường giấc điệp  
Yêu mê thế để mang sầu trọn kiếp  
Tình mười năm còn lại chút này đây  
Lá thư tình xưa nhớ lúc trao tay  
Còn e ấp thuở duyên vừa mới bén  
Ai dám viết yêu đương và hứa hẹn  
Lần đầu tiên ai dám ký “Em Anh”  
Nét thon mềm run rẩy gắng đưa nhanh  
Lòng tự thú giữa khi tim tròn nắp  
Mười hàng chữ đơn sơ ô ngỡ ngàng ngập  
E dè sao mười hàng chữ đơn sơ  
Màu mực xanh tươi ngát ý mong chờ  
Tình hé nụ bừng thơm trong nếp giấy  
Ôi thân mến nhắc làm chi thuở ấy  
Đêm nay đây hồn xé nẻo thu tàn  
Khóc chia lìa ai nín gọi than van  
Ta chỉ biết nằm nghe tình hấp hối  
Say đã gắng để khuấy sầu lẻ gối  
Mưa mưa hoài rượu chẳng ấm lòng đau  
Gấm the nào từ buổi lạnh lòng nhau  
Vàng son có thay màu đôi mắt biếc  
Tình đã rời đi riêng mình tưởng tiếc  
Thôi rồi đây chiều xuống giấc mơ xưa  
Lá lá rơi nằm bệnh mấy tuần mưa  
Say chẳng ngán những đêm dằng dặc nhớ  
Trắng nào ngọt với duyên nào thắm nở  
Áo xiêm nào rục rở ngựa xe ai  
Đây mưa bay mờ chậm bước đêm dài  
Đêm bất tận đêm liền đêm kế tiếp  
Yêu sai lẽ để mang sầu trọn kiếp  
Tình mười năm còn lại chút này thôi  
Lá thư xưa màu mực úa phai rồi  
Duyên hẳn thắm ở phương trời đâu đó.

## Tuổi xanh

Trăng dịu từ khi gặp gió lành  
Sông lam từ buổi gặp non xanh  
Từ hương quen bướm trời quen đất  
Em đã yêu rồi, đã của Anh.

Thuở ấy tuổi Vàng hay tuổi Đá ?  
Yêu nhau ai tính tuổi bao giờ!  
Gối xuân chỉ biết từ nghiêng sóng  
Vần điệu trôi dài mãi tuổi thơ.

Tuổi dầu Vàng hay dầu Đá qua  
Vàng chưa ai nhạt đá ai nhòa  
Trái tim vẫn tuổi Đồng trinh bạch  
Thì sắc hương còn vẹn tuổi Hoa

Thời gian có mỗi cánh chim bằng?  
Vũ trụ sang mùa tận thế chẳng ?  
Anh vẫn còn thơ về giáng bút  
Em còn Hoa đủ kết hoa đăng !

Hoa gieo ánh sáng ngập tình yêu  
Bút vẽ thành Thơ giấc mộng đầu  
Nắng rộng mưa dài thu một nét  
Không gian còn lại có bề sâu

Lửa đôi tái thế vẫn tương phùng  
Nguyên thủy nào đâu khác Cực chung !  
Anh muốn dìu Em giờ Hiện tại  
Nghe trăng hòa điệu nước lên cung

Hòa điệu lên cung trăng nước dậy  
Xuyên ngang gió trận dọc mây thành ?  
Tuổi Thơ này với Hoa niên ấy  
Muôn trước ngàn sau thăm thẳm xanh

## Vịnh tranh Gà Lợn

Sáng chưa sáng hẳn, tối không đành  
Gà lợn om sòm rồi bức tranh  
Rằng vách có tai, thơ có họa  
Biết lòng ai đỏ, mắt ai xanh  
Mắt gà huynh đệ bao lần quáng  
Lòng lợn âm dương một tắc thành  
Cục tác nửa chi, ngừng ủn ỉn  
Nghe rỗng ngâm vảng khúc tân thanh

## Tối tân hôn



Do dự mãi đêm nay dòi xứ Mộng  
Ta chiều em bỏ cánh lại cung trăng  
Lén bước xuống thuyền mây chờ cửa động  
Vội vàng đi quên biệt giã cô Hằng

    Gió đêm lồng lộng thổi  
    Thuyền mây vùn vụt trôi  
    Đang băng khuâng điện biếc đã xa rồi  
    Giữa lúc tỏa muôn hương đàn sáo nổi  
    Ngực sát ngực môi kề môi  
    Nàng cùng ta nhìn nhau cùng chẳng nói  
    Ôm vai nhau cùng lắng tiếng xa xôi  
    Nguyệt chẳng phải tỳ không càng không cảm với sắt  
    Tai đâu nghe mà lạ tiếng tre  
    Cung Sẻ lẫn cung Hồ diu dặt  
    Mình tơ réo rắt  
    Hồn trúc đê mê  
    Những thanh âm nhạc điệu chưa từng nghe  
    Như đưa vắng tự vô cùng xanh ngắt  
    Đầy nhớ thương tha thiết gọi ta về  
    Gió bỗng đổi chiều trên tấp xuống  
    Nặng trĩu hai vai nàng cổ gượng  
    Thắt vòng tay ghì riết lưng ta  
    Những luồng run chạy khắp thịt da gà  
    Run vì sợ hay vì ngây ngất  
    Ta chẳng biết nhưng rời tay chóng mặt  
    Toàn thân lạnh ngắt  
    Thuyền chìm sâu sâu mãi bể Hư Vô  
    Mà hương ngát đầu đây còn phảng phất  
    Mà bên tai đàn sáo vẫn mơ hồ  
    Ngửa trông lên cung Quế títt mù xa  
    Dần dần khuất  
    Dưới chân ta  
    Thuyền mây sóng lật  
    Không gian vừa sụp đổ chung quanh

Một trời đêm xiêu rụng tan tành  
Dư hương yếu từng giây  
Trong tay níu đôi thân liền sát  
Nhè nhẹ rơi vào lớp sóng khinh thanh  
Sao lia ngôi phương hướng ngã bên mình  
Cơn lốc nổi  
Đờn tiên thôi gọi  
Âm thầm xa bật tiếng tiêu  
Nhưng mê man say uống miệng người yêu  
Ta cũng như nàng  
Cảnh mộng chốn Bồng Lai đâu nhớ tới

Hai xác thịt lẫn vào nhau mê mãi  
Chút thơ ngây còn lại cũng vừa chôn  
Khi tỉnh dậy buồn nhớ nơi hạ giới  
Đã dâng lên ngập quá nửa linh hồn

### **Đào nguyên lạc lối**

Chiều đã tím ở lưng chừng dãy núi  
Sắc thu mờ lơ đãng dáng hoàng hôn  
Lặng nằm nghe bốc tự đáy linh hồn  
Nỗi thương mến xa khơi tình kiếp trước  
Sóng ngủ dưới chân thuyền im gió nước  
Đã ai say lạc bước tới Vô Cùng  
Sương đầy khoang nghe thấp thoáng hoa dung  
Mà lối cũ Đào Nguyên chừng hé mở

Trời cũ với hồn nay còn bỡ ngỡ  
Thuyền đã nghiêng và nghiêng hẳn giòng sông  
Trên dốc say vùn vụt hướng về Đông  
Ta nghe rõ con thuyền trôi phát phới  
Non động hoang mang tình xưa bạn mới  
Hoa chờ -- tươi -- mây đợi -- thắm lưng đèo  
Suối quanh co bờ đá dựng cheo leo  
Sườn bích lập nâng cao trần thạch nhũ  
Vòm nho nhỏ còn ghi thương nhớ cũ  
Lệ chia phôi ngàn thửa động lưng chừng  
Lối vào sâu mây khóa nẻo sau lưng

Khe nước hẹp khép dần sau bánh lái  
Đôi bờ gắm chập chờn xê xích lại  
Nóc rêu hung bông rủ sát ngang đầu  
Hồn phiêu dao tưởng cõi chiếc thuyền câu  
Lách hang đá bay về non nước Tấn  
Sương khói băng khuâng sông cùng núi tận  
Thời xa xôi diu đặt ánh hương mơ  
Đất Vũ Lăng chàng đánh cá năm xưa  
Mê sắc thắm tươi bờ khe suối rụng  
Ven giải Đào Nguyên buộc thuyền cửa động

Dấn bước xem trời mở cuối hang sâu  
Ồi thời gian sông núi vẫn tươi màu

Thuở Tàn loạn xưa kia tìm trốn tránh  
Dắt dìu nhau lạc vào nơi tuyết cảnh  
Mười lăm nhà riêng chiếm một Thiên Thai  
Nỗi hưng vong chỉ xá việc bên ngoài

Khát cô đơn chập chờn đôi cánh mộng  
Tưởng đâu đây xóm làng xưa vẫn sống

Ồi lòng ta khao khát tới Đào Nguyên  
Hỡi xứ thanh tao thế giới hư huyền  
Xin thu lấy một linh hồn trốn xác  
Trong da thịt sẵn gieo mầm Tội Ác  
Chiều nay nghe vang gọi tiếng Quê Hương  
Chút thiêng liêng sót lại của thiêng đường  
Gỡ dây trói sơ sinh cùng thể phách  
Trên nẻo Hư Vô mơ hồ chiếc bách  
Khói diu đi men đẩy phía sau khoang  
Dần chơi vui trong huyền mộng huy hoàng  
Tưởng bay tới nơi dân Tàn trốn giặc  
Hỡi người xưa Ngự Phủ hỡi Đào Nguyên  
Ta đêm nay say cũng lạc con thuyền

### **Tiệc vườn cam BỐ HẠ**

Chờ ai Bến Mỏ nghiêng năm  
Thương ai lưu lạc sông trầm tiếng reo  
Nhà ai khói biếc lưng đèo  
Vườn ai cam ngủ bóng chiều thanh thoi  
Tầm ai nón lá dẫu mờ  
Trâu ai kéo mật nghe trời bình yên ? ...  
Đất : quê thơm ! Bạn : người hiền !  
Nhựa say tâm sự đêm huyền hoặc nâu.  
Ngắm hoa đèn, hiểu ý nhau :  
Quên ngày quên tháng quên sầu nhân sinh.  
Ra đi lòng nặng cảm tình  
Trông về gió bụi riêng mình ngẩn ngơ.  
Mong ai ngọt mía vàng tơ  
Vườn cam đỏ trĩu giấc mơ vẹn tuyền.  
Trao tay nét bút làm duyên,  
Năm sau quả chín đừng quên Vũ Hoàng !

### **Có gì ở trong**

Phật rằng : trong Lửa có hoa sen.  
Lửa mách người : trong Nước có tiên.

Nước réo : trong Cây đều có quỷ  
Làm yêu làm quái ... để tìm quên.  
Lời yêu: quên được đã quên rồi !  
Thánh vẫn than trong Vàng đáy thôi.  
Uổng có miệng thêu lòng nở gấm,  
Dao vung lên cũng đứt làm đôi.  
- Còn trong Đất, chẳng có gì sao ?  
Nghe hỏi, Cây-trên-bên nghẹn ngào.  
Cuội chợt khóc vang ... người chợt tỉnh:  
Có mầm Đau rắc tự trời cao!

1973

Ghi chú về đoạn 2: Danh sĩ Thánh Thán họ Kim bị triều đình Mãn Thanh khép vào tội "Yêu ngôn hoặc chúng" xử "Chém ngang lưng".

### **Nguyện cầu**

Ta còn để lại gì không ?  
Kìa non đá lở, này sông cát bồi  
Lang thang từ độ luân hồi  
U minh nẻo trước xa xôi dặm về  
Trông ra Bến Hoạch Bờ Mê  
Ngàn thu nửa chớp bốn bề một phương  
Ta van cát bụi trên đường  
Dù dơ dù sạch đừng vương gót này  
Để ta tròn một kiếp say  
Cao xanh liêu một cánh tay níu trời  
Thơ ta chẳng viết cho đời  
Không vang nhịp khóc giây cười nào đâu ?  
Tám hương đốt nén linh sầu  
Nhớ quê dằng dặc ta cầu đó thôi  
Đêm nào ta trở về Ngôi  
Hồn thơ sẽ hết luân hồi thế gian !  
Một phen đã nín cung đàn  
Nghĩ chi còn mắt hơi tàn thanh âm !

### **Kết cuộc**

Ngày xưa dựng cuộc để làm quan,  
Chiếm được người yêu rồi mộng tàn.  
Ôm cuộc trải qua ... không đất đứng,  
Ôm chân tượng đá gửi hồn oan.  
Ngày nay nhập cuộc để làm lính,  
Hạ kẻ thù rồi thua cuộc luôn.  
Máu lặn mặt trời đêm bất hạnh,  
Ôm lưng hũ rượu sưỡi cơn buồn.  
Ngày mai bỏ cuộc để làm người,  
Ôm cuộc tình ra khỏi chuyện đời.



Cuộc chiến cũng giao hoàn đưa trẻ  
Từ lâu bày đặt những trò chơi.

### Lòng đá

Không chuyến đi nào còn làm ta xúc động  
kể cả chuyến ngược chiều lên tuổi mộng  
vì ngay trong vòng tay đôi mươi  
cũng chỉ là trống rỗng.  
Thì không còn chuyến đi nào làm ta ngạc nhiên  
cho dẫu đi bằng không thuyền  
khắp đâu đâu cũng chỉ là những mảnh  
vỡ tan ra từ một khối thuyền duyên.  
Họa may còn chuyến đi vào hư vô  
tên gọi vẫn chương của nắm mờ.  
Đi chuyến ấy dòng đời ta tự xóa  
ta không còn gì cũng không là gì  
ức triệu mảnh hồn ghen kia mới thỏa  
mới chịu về nguyên khối tình si  
mang hình phiến đá.  
Đá sẽ dựng cho Không-là-gì-hết  
một phiến cao tận cùng sâu tận tuyệt  
mà không chữ nào viết  
không âm nào ghi.  
Cao sâu lòng đá phẳng lì  
mãi mãi chỉ riêng Nàng biết được  
từ đầu những chuyến Gã ra đi.

### Phổ cũ

Ôi chốn này xưa vai sánh vai  
Trán cao hoài vọng tóc buông cài  
Tuổi thơm mười sáu tình thơm mới  
Duyên đượm hàng mi ngậm nắng mai

Hồ Gươm sóng lụa bờ tơ liễu  
Hàng Trống Hàng Khay rộn bước người  
Sách vở lên hương trầm ngát nẻo  
Hoa xoan hoa phượng chói màu tươi

Thấp thoáng hè qua đài phượng rung  
Lào rào thu muộn lá xoan rơi  
Tay trong tay nắm, tình trong mắt  
Lòng bốn mùa xuân, nguyệt bốn trời

Đôi lứa mê say cùng gắn bó  
Mẹ cha cùng hẹn sẽ dành nơi  
Trường chung một hướng nhà chung ngõ  
Hoa gấm cùng mơ dệt cuộc đời

Thế mà tan tác mười năm mộng  
Có kẻ ra đi chẳng một lời!  
Nửa kiếp lênh đênh dừng phố cũ  
Một mình trở với tuổi ba mươi

Lớp học nào tan, đường rộn rã  
Tình thơm mộng nhỏ tóc buông vai...  
Hàng Khay Hàng Trống hoa nào rụng?  
Màu tím thờ ơ vạt áo ai!

### **Chúng ta mất hết chỉ còn có nhau**

Sáng chưa tới hẳn tối chưa đành  
Gà lợn om sòm một bức tranh  
Nhạc đã có tai thơ có họa  
Biết chẳng ai đó mắt ai xanh ?

Dấu hỏi xoay quanh một cuộc đời  
Sên bò trong óc máu thấm rơi  
Chiều nay một dấu than buồng lửng  
Đanh đóng vào xăng tiếng trả lời

Chúng ta mất hết cả rồi sao ?  
Cả đến âm thanh một thuở nào  
Da trống tơ đàn ôi trúc phách  
Đều khô như khúc hát gầy hao (?)

Đàn mang trở đáy mà không đáy  
Mất hết rồi sao sợ nhớ thương  
Tay phách từ lâu nay lạc phách  
Không còn đựng mãi bến Tầm Dương

Hơi ca nóng đã tan thành tuyết  
Để tiếp vào cho nó đỡ xanh  
Bạc mệnh hỏi ai hoàn mệnh bạc  
Đâu còn ấm nữa rượu tàn canh ?

Hay là đêm ấy Ngưu lìa Chúc  
Xé nát mình ra hoen mắt ai?  
Còn có gì đâu cho mắt trống  
Đập lên hoang vắng đến ghê người !

Âm thanh mất hết còn chi đâu ?  
Gắng gượng cho thêm hồn nhọc đau  
Ba kiếp long đong ngồi chụm lại  
Chúng ta mất hết chỉ còn nhau.

*Sài Gòn sau 1975.*

## Có gì ở trong

Phật rằng : trong Lửa có hoa sen.  
Lửa mách người : trong Nước có tiên.  
Nước réo : trong Cây đều có quý  
Làm yêu làm quái ... để tìm quên.  
Lời yêu: quên được đã quên rồi !  
Thánh vẫn than trong Vàng đầy thôi.  
Uổng có miệng thêu lòng nở gấm,  
Dao vung lên cũng đứt làm đôi.  
- Còn trong Đất, chẳng có gì sao ?  
Nghe hỏi, Cây-trên-bến nghẹn ngào.  
Cuội chọt khóc vang ... người chọt tỉnh:  
Có mầm Đau rắc tụy trời cao!

1973

Ghi chú về đoạn 2: Danh sĩ Thánh Thán họ Kim bị triều đình Mãn Thanh khép vào tội “Yêu ngôn hoặc chúng” xử “Chém ngang lưng”.

## Phần của người thơ

Thét cây ngàn Hống nước sông Rum  
Ba tác gươm ai nát trướng hùm  
Cho đẹp vàng tờ ngôn ngữ Việt  
Phản ai manh áo cỏ xanh um

\*\*\*

## Trang thơ Vũ Hoàng Chương

Bài Ca Bình Bắc  
Bài Ca Sông Dịch  
Tết Bính Thìn (1976)  
Thơ Khóc Tết (Hoa Thơ Tản Đà)  
Thơ Tỵ Thọ (Họa Thơ Dương Khuê)  
Thơ Cảm Xuân (Họa Thơ Nguyễn Khuyến)  
Ba Trăm Năm Sau (Họa Thơ Bằng Bá Lân)  
Hoàng Hạc Lâu (Dịch bài Hoàng Hạc Lâu của Thôi Hiệu)  
Độc Lại Nguyễn Du  
Độc Thôi Hộ  
Thị Lộ  
Cao Bá Quát  
Bà Huyện Thanh Quan  
Hồ Xuân Hương  
Trước Một Ngày Trao

## **Bài Ca Bình Bắc**

Thơ Vũ Hoàng Chương (sau tháng tư 1975)  
(Thế kỷ 21 số 213&214 Jan&Feb 2007)

Kể từ đây đã sáu mươi ngàn lần  
Mặt trời mọc ở phương Đông ngùn ngụt lửa  
Mặt trời lặn ở phương Đoài máu chứa chan.

Kể từ đây cũng đã sáu mươi ngàn lần  
Trăng tỏ bóng nơi rừng thiêng đất Bắc  
Trăng mờ gương nơi đồng lúa miền Nam.

Rượu dâu kia bao độ sóng dâng tràn  
Hãy dừng lại thời gian  
Trả lời ta - có phải  
Dưới vầng nguyệt lạnh lòng quan ải  
Dưới vầng dương thiêu đốt quan san.  
Sóng hưng phé xô nghiêng từng triều đại  
Mà chí lớn dọc ngang  
Mà mộng lớn huy hoàng  
Vẫn nghìn thu còn mãi  
Vẫn nghìn thu người áo vải đất Quy Nhơn.

Ôi người xưa Bắc Bình Vương  
Đống Đa một trận năm đường giáp công  
Đạn vèo năm cửa Thăng Long  
Trắng gò xương chất đỏ sông máu mòng  
Giờ đây lại đã xuân sang  
Giữa cổ quận một mùa xuân nghịch lý  
Ai kia lòng có chợt mang mang  
Đầy vơi sâu xứ

Hãy cùng ta  
Ngẩng đầu lên  
Hướng về đây tâm sự  
Nghe từng trang lịch sử thét từng trang.

Một phút oai thần dậy sấm  
Tan vía cường bang  
Cho bóng kẻ ngồi trên lưng bạch tượng  
Cao chót vót mây năm màu chiêm ngưỡng  
Dài mệnh mông một dải tới Nam Quan

Bóng ấy đã in sâu vào tâm tưởng  
Khắc sâu vào trí nhớ của nhân gian  
Một bành voi che lấp mấy ngai vàng

Ôi Nguyễn Huệ người anh hùng áo vải.  
Muôn chiến công một chiến công dồn lại  
Một tấm lòng muôn vạn tấm lòng mang

Ngọn kiếm trở bao cánh tay hăng hái  
Ngọn cờ rung bao tính mệnh sẵn sàng  
Người cất bước cả non sông một dải  
Vươn mình theo dãy hoành sơn mê mải  
Chạy dọc lên thông cảm ý ngang tàng  
Cùng chồm dậy đáp lời hô vĩ đại

Chín con rồng bơi ngược Cửu Long Giang  
Người ra Bắc oai thanh mờ nhạt nguyệt  
Khí thế kia làm rung động càn khôn  
Hịch ban xuống lời lời tâm huyết  
Lệnh truyền quân ai dám bước chân chôn.  
Gươm thiêng cựa vỏ giặc không mờ chôn  
Voi thiêng chuyển vó nát lũy tan đồn  
Ồi một khúc hoàn ca, hê gào mây thét gió  
Mà ý tướng lòng quân, hê bền sắc tươi son

Hường ứng sông hồ giục núi non  
"Thất vòng vây lại" tiếng hô giòn  
Tơi bờ máu giặc, trắng liềm múa  
Tan tác xương thù, ngựa đá bon

Sim rùng, lúa ruộng, tre thôn  
Lòng say phá địch, khúc đồn tiến quân  
Vinh quang hẹn với phong trần  
Đồng Đa gò ấy mùa xuân năm nào

Nhớ trận Đồng Đa hê thương mùa xuân tới  
Sầu xuân vời vợi  
Xuân tứ nao nao  
Nghe đêm trừ tịch hê, máu nở hoa đào  
Ngập giấc xuân tiêu hê, lửa trùm quan tái  
Trời đất vô cùng hê, một khúc hát ngao  
Chí khí cũ găm trong da thịt mới  
Vẳng đáy sâu tiềm thức, tiếng mài dao  
Đèo Tam Điệp hê, lệnh truyền vang dội  
Sóng sông Mã hê ngựa hí xôn xao  
Mặt nước Lô Giang hê, là trầm biếc khói  
Mây núi Tản Viên hê, lọng tía giương cao  
Rằng: "Đây bóng kẻ anh hào  
Đã về ngựa trên ngã ba thời đại"  
Gấm vóc giang sơn hê, còn đây một dải

Thì nghiệp lớn về vang  
Thì mộng lớn huy hoàng  
Vấn ngàn thu còn mãi  
Ồi ngàn thu người áo vải đất Quy Nhơn

Nay cuộc thế sao nhòa, bụi vẫn  
Lũ chúng ta trên ngã ba đường  
Ghi ngày giỗ trận

## MƠ BẮC BÌNH VƯƠNG

Lòng đầy thôn trang hề, lòng đầy thị trấn  
Mười ngã tâm tư hề, một nén tâm hương  
Đồng thanh rằng: “Quyết noi gương”

Để một mai bông thắm cỏ xanh dòn  
Ca trống trận thôi lay bóng nguyệt  
Mừng đất trời gió bụi tan cơn

Chúng ta sẽ không hổ với người xưa  
Một trận Đống Đa ngàn thu oanh liệt  
Vì ta sau trước lòng kiên quyết  
Vàng chẳng hề phai đá chẳng sờn.

## Bài Ca Sông Dịch

Đời lắng nghe đây trầm tư hồn bể dâu  
Bàng bạc trường giang lạnh khói  
Đìu hiu điệp khúc ly sầu.  
Đã mấy thời gian nằm u hoài sông Dịch  
Tiễn kẻ một đi người kiếm khách Đông Châu.  
Ôi sông ngát dư linh trải bao đời có biết  
Hào khí ai xưa giờ vang bóng nơi đâu?  
Phải chăng người, phải chăng kia dấu vết  
Tinh anh rờ rở ngàn sau.  
Nước trôi đây, nước trôi bờ cõi Việt  
Âm u rộn tiếng ghê màu.  
Ai trắng sĩ bao năm mài gương dưới nguyệt  
Còn tưởng nghe hồn thép múa sông sâu.

Kinh Kha hề Kinh Kha  
Vinh cho người hề! ba nghìn tân khách  
Tiễn người đi tiếng trúc nhịp lời ca.  
Biên thủy trống giục  
Nẻo Tần sương sa  
Gió thê lương quần quại khói chiều hà.  
Buồn xưa giờ chưa tan  
Phong tiêu tiêu hề Dịch thủy hàn  
Bạch vân! Bạch vân! kìa ngang rừng phát phới  
Ôi màu tang khăn gói lữ người Yên  
Nhịp vó câu nẻo Hàm Dương tung bụi  
Ta nghe, ta nghe! này cuồng phong dấy lên.

Tám phương trời khói lửa  
Một mũi dao sang Tần  
Ai trách Kinh Kha rằng việc người đã lỡ?  
Ai khóc Kinh Kha rằng thêm cao táng thân?  
Ai tiếc đường gương tuyết diệu  
Mà thương cho cánh tay thần?  
Ta chỉ thấy

Tôi bời tướng sĩ  
Thây ngã hai bên  
Một triều rối loạn  
Ngai vàng xô nghiêng  
Áo rách thân run hê, ghê hồn bạo chúa  
Hùng khí át sao Ngâu hê, nô khí xung thiên.  
Một cánh tay đưa mà danh lừng vạn cổ  
Hiệp sĩ Kinh Kha hê, người thác đã nên.

Ta há quan tâm gì việc thành hay bại  
Thế gian ơi, kìa bãi bể nương dâu  
Cung điện Hàm Dương ba tháng đỏ  
Thành xây cõi dựng là đâu?  
Nào ai khởi nghiệp đế?  
Nào ai diệt chư hầu?  
Ca trùng lửa đóm cùng hoàn phản không hư  
Dù lãng ngà hay cỏ khâu.  
Riêng tồn tại với thời gian việc làm chính nghĩa  
Tranh sáng với trăng sao tấm lòng trượng phu  
Một nét dao bay ngàn thuở đẹp  
Dù sai hay trúng cũng là dư.  
Kìa uy dũng kẻ sang Tần không trở lại  
Đã trùm lãn Yên Ly hê, mờ át Chuyên Chư.

Ồi Kinh Kha, hào khí người còn sang sảng  
Đâu đây lửa chói giấc mơ  
Nước sông Dịch còn trôi hay đã cạn?  
Gương anh hùng vắng vặc sáng muôn thu.

### **Tết Bính Thìn (1976)**

Sáng chưa sáng hẳn, tối không đành  
Gà lợn om xòm cả bức tranh  
Răng vách có tai, thơ có họa  
Biết lòng ai đỏ, mắt ai xanh  
Mắt gà huynh đệ bao lần quáng  
Lòng lợn âm dương một tấc thành  
Cục tác nữa chi ngừng ủn ỉn  
Nghe rờng ngâm vảng khúc tân thanh.

### **Thơ Khóc Tết (Họa Thơ Tân Đà)**

Ngoảnh đi ngoảnh lại lại đến Tết  
Ông đến độ này mới thật chết  
Gạo tẻ đong chịu nếp thì không  
Áo vợ rách tan chồng cũng hết  
Cổ bàn duy có ba ông Công

Xu kềm thì không một vẩy hén  
Thì ra lúc túng vẫn càng hay  
Lại được một bài thơ khóc Tết.  
**Tản Đà**

#### BÀI HỌA

Cậu ám khóc đâu là khóc Tết  
Phải đâu núi Tản sông Đà chết  
Sông dù vận được tuổi càng thêm  
Núi có đời đi duyên chẳng hết  
Kìa bánh đem lòng bóc giữa mâm  
Lại Ròng phun thuốc dăng đầy hén  
Thơ đang vời rượu bật lên cười  
Vang Bính Thìn Xuân Nam Việt Tết.

#### **Thơ Tự Thọ (Họa Thơ Dương Khuê)**

Năm mươi lăm tuổi hãy mừng ta  
Còn bốn mươi năm nữa đó mà  
Đội đức hải sơn ngày tháng rộng  
Gắm mình râu tóc tuyết sương pha  
Cung đàn ả nguyệt còn yêu trẻ  
Chén thọ lãng xuân vẫn kính già  
Lộc nước ơn vua ban đã khắp  
Được riêng mạnh khỏe phúc nhà ta.  
**Dương Khuê**

#### BÀI HỌA

Sáu mươi hai tuổi hãy mừng ta  
Cũng trích tiên xưa tuổi ấy mà  
Đời đã xong rồi mau tịch mịch  
Sống chi nhiều nữa để phôi pha  
Văn chương đến buổi văn nằm ụ  
Tết nhất coi như Tết đối già  
Tái diễn năm nay màn "tróc nguyệt"  
Không chừng vai chính sẽ là ta.  
**Xuân Bính Thìn 1976**

#### **Thơ Cảm Xuân (Họa Thơ Nguyễn Khuyến)**

Năm nay tớ đã bảy mươi tư  
Rằng lão rằng quan tớ cũng ừ  
Lúc hứng uống thêm ba chén rượu  
Khi buồn ngâm láo mấy câu thơ



Bạn già lớp trước nay còn mấy  
Chuyện cũ mười phần chín chẳng như  
Cũng muốn sống thêm dăm tuổi nữa  
Thử xem trời mãi thế này ư.

**Nguyễn Khuyến**

#### BÀI HỌA

Di cư từ một chín năm tư  
Đón Tết mừng xuân chỉ ậm ừ  
Có đất ngòi đây là đất hứa  
Gỗ đầu trẻ cũng đứng đầu thơ  
Ngã ra thì ngã thân Từ Hải  
Chôn khó mà chôn mộng Tố Như  
Nợ đã sông Tiền xuôi ngọn nước  
Ai còn đeo đẳng khúc đuôi ư.

#### **Ba Trăm Năm Sau (Họa Thơ Bàng Bá Lân)**

Chắc gì ba trăm năm sau  
Để ai vào nỗi cơn sầu nằm đây

Đọc mấy vần thơ gửi tới nhau  
Mà thương mà xót dạ thêm sầu  
Ta buồn nhìn nắng soi hiên vắng  
Mình giận nghe mưa rót mái lâu  
Ngõ hẹp sầu dâng vương lối cỏ  
Đời tàn bóng ngã xế nương dâu  
Ba trăm năm nữa ai tri kỷ?  
Hở với người xưa, thẹn với sau.

**Bàng Bá Lân**

#### BÀI HỌA

Thơ đoạ trường kia liệu khất nhau  
Vay không với hận, trả thêm rầu  
Thơ vay bằng huyết tan vào sử  
Ngọc trả thành mưa đọng dưới lầu  
Trước đã trời xanh vay má phấn  
Rồi xem biển lớn trả nương dâu  
Mình vay mình hãy riêng mình biết  
Để trả cho mình những kiếp sau.

#### **Hoàng Hạc Lâu**

**(Dịch bài Hoàng Hạc Lâu của Thôi Hiệu)**

Xưa hạc vàng bay vút bóng người  
Đây lầu Hoàng Hạc chút thơm rơi

Vàng tung cánh hạc đi đi mất  
Trắng một màu mây vạn bạn đời  
Cây bến Hán Dương còn nắng chiếu  
Cỏ bờ Anh Vũ chẳng ai chơi  
Gần xa chiều xuống đâu quê quán  
Đừng giục cơn sầu nữa sóng ơi.

**CẨM ĐỀ**  
**Hoàng Hạc Lâu**  
**Nguyễn Du**

Đã bao giờ có hạc vàng đâu  
Mà có người tiên để có lầu  
Tưởng hạc vàng đi mây trắng ở  
Làm Thôi Hiệu trước Nguyễn Du sau  
Hạc chưa bay khỏi mê hồn kịch  
Tiên vẫn nằm trong vạn cổ sầu  
Trắng gió hão huyền như khói sóng  
Nỗi kê chín tới nghĩ mà đau!

**Độc lại Nguyễn Du**

Văn tự hà tăng vi ngã dụng  
Cơ hàn bất giác thụ nhân liên

Chẳng dùng chi được văn tài  
Thân này lụy áo cơm ai bất ngờ  
Phút giây chết điếng hồn thơ  
Nét đau mặt chữ bây giờ còn đau  
Chắc gì ba trăm năm sau  
Đã ai vào nỗi cơn sầu nằm đây  
Nếu không cơm áo đọa đây  
Như thân nào thịt xương nào bỗng dưng  
Chết theo vào đến lưng chừng  
Say từng mảnh rớt mê từng khúc rơi  
Nửa chiều say ngất mê toi  
Khúc đầu lơ lảo mảnh đời thì vương.

**Độc Thôi Hộ**

Khứ niên kim nhật thử môn trung  
Nhân diện đào hoa tương ánh hồng

Ngày này xưa cổng này đây  
Hoa đào má đỏ cùng lây ánh hồng  
Đã ngưng một điểm thời không  
Mở ra ngoài phía chiếc lồng thiên cơ  
Đón vào sâu tận cõi bờ

Chưa ai vào được hay mơ được vào  
Chợt nghe má đỏ hôm nào  
Cười lên từ cổng hoa đào nhật thừa  
Cổng ơ mở cũng bằng thừa  
Đừng tin kích thước gửi vào Đường thi  
Chàng Thôi ngắm hảo rồi đi  
Một khung chết đứng mong gì ngàn sau.

### **Thị Lộ**

Tôi ở Tây Hồ bán chiếu gon  
Cớ chi ông hỏi hết hay còn

Còn gì đây hết gì đây  
Chiếu nhà vua gái thơ ngây biết gì  
Chiếu gon ông hỏi làm chi  
Dệt nên tôi cũng bán đi là thường  
Hồ Tây còn nước còn gương  
Vai tôi còn chiếu tuy ...giường thì không  
Ông còn đất trải không ông  
Mà toan mua chiếu mắt công hỏi người  
Sao ông không hỏi ông trời  
Hỏi thân này trước hỏi đời hôm nay  
Còn đem non nước làm rầy  
Cả chiêm bao, cả chiếu này nữa ư?

### **Cao Bá Quát**

Minh nhật dục từ Nam phố đạo  
Hà nhân cánh xướng Bắc cung thanh

Đường Thanh Nghệ Tĩnh chon von  
Nhịp ba cung Bắc ai còn hát đây  
Cánh chim lượn gió đong đây  
Khói Hoàng đô thoát liền mây Đế thành  
Rồng Lê, Phượng Nguyễn tung hoành  
Chẳng e lưu xá, chẳng đành lưu phương  
Ba hồi trống giục pháp trường  
Máu tuông phách đưng phố phường còn mưa  
Cơn buồn gió lọt mảnh thừa  
Mấy mươi giếng bão cho vừa nhịp ba  
Nào ai đáng mặt danh ca  
Mời ai danh sĩ Bắc hà về nghe.

### **Bà Huyện Thanh Quan**

Người xưa cảnh cũ giờ đâu tá  
Khéo ngăn ngõ thay lũ trọc đầu

Nước trong dòng đục thương ai  
Chiều sương gió tiễn sô gai bốn bề  
Yếm khăn đi cũng chẳng về  
Nghệp văn chương ấy nặng nề đến đâu  
Lạ gì mưu lũ trọc đầu  
Cung vua chìm tiếng thơ sầu Thanh Quan  
Để gì khi qua đèo Ngang  
Chim kêu lại để gan vàng sót sa  
Mảnh tình riêng ta với ta  
Phải đâu tâm sự một bà Huyện thôi  
Nước còn chau mặt không trôi  
Hồn thu thảo lảng chuông hời cổ kim.

### **Hồ Xuân Hương**

Giơ tay với thử trời cao thấp  
Xoạc cẳng đo xem đất ngắn dài

Đo xem đất có dài chăng  
Với tay xem có thật rằng trời cao  
Ôi sau đây hận đây sao  
Văn chương hồ thị hôm nào tung hê  
Sầu không nở trắng hoa lê  
Hận không chôn chặt bên lê cỏ xanh  
Cán cân rơi mất thôi đành  
Túi càn khôn thất được danh bao giờ  
Còn tên còn tiếng lừng lơ  
Còn son để yếm còn thơ để đời  
Sân đu cọc nhỏ còn chơi  
Ngã ra lại có đất trời ở trong.

### **Trước một ngày trao**

Bè mây đã nát thu phong tứ  
Trùng cửu thơ còn trao ngất ngư  
Tháng cuối mùa trăng ngày hội hữu  
Năm đầu gác bút động hoa hư  
Thơ không thoái vị, trà say khướt  
Người vẫn đăng cao, mộng ngọt lừ  
Nam Bắc sương im đầy bóng nhạt  
May ra bệnh cũng xuống dần ư.